

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Phục vụ đánh giá ngoài chất lượng giáo dục Trường Đại học)

Hà Nội, 2018



DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2017

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS, TS. Trương Ngọc Nam	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc HV	Chủ tịch HĐ	
2	PGS, TS. Lưu Văn An	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc HV	Phó Chủ tịch HĐ	
3	PGS, TS. Nguyễn Vũ Tiến	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
4	PGS, TS. Phạm Huy Kỳ	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
5	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Thư ký HĐ	
6	TS. Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
7	PGS.TS. Mai Đức Ngọc	Phó Chủ tịch Công đoàn HV, Trưởng ban QLĐT	Ủy viên	
8	TS. Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Ủy viên	
9	TS. Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng ban QLKH	Ủy viên	
10	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
11	TS. Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mên	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên	
12	Đ/c Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Ủy viên	
14	Đ/c Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng - Đoàn thể	Ủy viên	
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm Thông tin TV	Ủy viên	
16	ThS. Đinh Xuân Phi	GD Trung tâm Thực hành và HTĐT	Ủy viên	
17	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Phó phòng Thanh tra	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 17 người)



DANH SÁCH
Thành viên Ban thư ký hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền
năm 2017

ST T	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Trưởng Ban	
2	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Phó ban	
3	ThS. Đặng Thị Thoa	P. Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên	
4	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban QLĐT	Ủy viên	
5	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
6	ThS. Nguyễn Thị Vân Trang	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
7	ThS. Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Ủy viên	
8	ThS. Nguyễn Xuân Hiên	Chuyên viên Ban Quản lý khoa học	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 08 người)

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
CBCC	Cán bộ công chức
CBVC	Cán bộ viên chức
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCLĐT	Đảm bảo chất lượng đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
HSSV	Học sinh sinh viên
HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
HVCTQGHCM	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NLĐ	Người lao động
NSNN	Ngân sách nhà nước
PGS	Phó Giáo sư
QC	Quy chế
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục thể thao
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
VLVH	Vừa làm vừa học
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG.....	8
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	18
TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC	18
<i>Tiêu chí 1.1.....</i>	<i>18</i>
<i>Tiêu chí 1.2.....</i>	<i>20</i>
TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ.....	24
<i>Tiêu chí 2.1.....</i>	<i>24</i>
<i>Tiêu chí 2.2.....</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 2.3.....</i>	<i>27</i>
<i>Tiêu chí 2.4.....</i>	<i>29</i>
<i>Tiêu chí 2.5.....</i>	<i>33</i>
<i>Tiêu chí 2.6.....</i>	<i>35</i>
<i>Tiêu chí 2.7.....</i>	<i>37</i>
TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	40
<i>Tiêu chí 3.1.....</i>	<i>40</i>
<i>Tiêu chí 3.2.....</i>	<i>42</i>
<i>Tiêu chí 3.3.....</i>	<i>44</i>
<i>Tiêu chí 3.4.....</i>	<i>45</i>
<i>Tiêu chí 3.5.....</i>	<i>47</i>
<i>Tiêu chí 3.6.....</i>	<i>49</i>
TIÊU CHUẨN 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	52
<i>Tiêu chí 4.1.....</i>	<i>53</i>
<i>Tiêu chí 4.2.....</i>	<i>55</i>
<i>Tiêu chí 4.3.....</i>	<i>56</i>
<i>Tiêu chí 4.4.....</i>	<i>58</i>
<i>Tiêu chí 4.5.....</i>	<i>60</i>
<i>Tiêu chí 4.6.....</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí 4.7.....</i>	<i>63</i>
TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN.....	65
<i>Tiêu chí 5.1.....</i>	<i>65</i>

<i>Tiêu chí 5.2</i>	68
<i>Tiêu chí 5.3</i>	70
<i>Tiêu chí 5.4</i>	71
<i>Tiêu chí 5.5</i>	72
<i>Tiêu chí 5.6</i>	74
<i>Tiêu chí 5.7</i>	76
<i>Tiêu chí 5.8</i>	77
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC	79
<i>Tiêu chí 6.1</i>	79
<i>Tiêu chí 6.2</i>	81
<i>Tiêu chí 6.3</i>	84
<i>Tiêu chí 6.4</i>	86
<i>Tiêu chí 6.5</i>	89
<i>Tiêu chí 6.6</i>	91
<i>Tiêu chí 6.7</i>	93
<i>Tiêu chí 6.8</i>	95
<i>Tiêu chí 6.9</i>	96
TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ	99
<i>Tiêu chí 7.1</i>	99
<i>Tiêu chí 7.2</i>	102
<i>Tiêu chí 7.3</i>	104
<i>Tiêu chí 7.4</i>	105
<i>Tiêu chí 7.5</i>	106
<i>Tiêu chí 7.6</i>	109
<i>Tiêu chí 7.7</i>	110
TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	112
<i>Tiêu chí 8.1</i>	113
<i>Tiêu chí 8.2</i>	116
<i>Tiêu chí 8.3</i>	119
TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC	122
<i>Tiêu chí 9.1</i>	123
<i>Tiêu chí 9.2</i>	125
<i>Tiêu chí 9.3</i>	127

<i>Tiêu chí 9.4</i>	128
<i>Tiêu chí 9.5</i>	131
<i>Tiêu chí 9.6</i>	133
<i>Tiêu chí 9.7</i>	134
<i>Tiêu chí 9.8</i>	135
<i>Tiêu chí 9.9</i>	136
TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	139
<i>Tiêu chí 10.1</i>	139
<i>Tiêu chí 10.2</i>	143
<i>Tiêu chí 10.3</i>	145
PHẦN IV. KẾT LUẬN	150
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	152
PHẦN V: PHỤ LỤC	154
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	154

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với nỗ lực phấn đấu để trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu và đào tạo hàng đầu về lý luận chính trị và báo chí truyền thông đạt chuẩn quốc gia; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

* **Mục đích tự đánh giá:** giúp Học viện Báo chí và Tuyên truyền tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng bên trong của Học viện và thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Học viện.

Giai đoạn đánh giá: Học viện triển khai tự đánh giá trong giai đoạn từ năm 2013 đến hết năm 2017.

* Quy trình tự đánh giá:

Bước 1: Xác định mục đích tự đánh giá

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng, các nhóm chuyên trách

- Hội đồng Tự đánh giá gồm 17 thành viên được thành lập theo Quyết định số 579/QĐ-HVBCTT ngày 13 tháng 2 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền (thay thế Quyết định số 1729/QĐ-HVBCTT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

- Ban thư ký gồm 08 thành viên được thành lập theo Quyết định số 581/QĐ-HVBCTT ngày 13 tháng 2 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền (thay thế Quyết định số 1730/QĐ-HVBCTT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

- Các nhóm chuyên trách (9 nhóm) được thành lập theo Quyết định số 580/QĐ-HVBCCTT ngày 13 tháng 2 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Bước 3: Lập Kế hoạch Tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian và các nguồn lực của Học viện để đảm bảo đạt được mục đích của đợt tự đánh giá.

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng căn cứ vào các tiêu chí của 10 tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Học viện tiến hành thu thập thông tin và minh chứng. Thông tin và minh chứng thu được không chỉ phục vụ cho mục đích đánh giá mà còn nhằm mô tả thực trạng các hoạt động của Học viện để người đọc hiểu hơn, qua đó làm tăng tính thuyết phục của báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Học viện để đọc và góp ý kiến. Xin ý kiến chuyên gia về báo cáo tự đánh giá.

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

*** Công cụ đánh giá và phương pháp tự đánh giá:**

Công cụ đánh giá: Học viện Báo chí và Tuyên truyền thực hiện hoạt động tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí đánh giá chất lượng do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Phương pháp tự đánh giá:

Học viện căn cứ vào các văn bản về kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT đã ban hành, cụ thể:

+ Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014.

+ Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học.

Đối với mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn, Học viện tiến hành xem xét như sau:

- Mô tả và phân tích các hoạt động của Học viện liên quan đến tiêu chí;
- So sánh với mặt bằng chung, với chính Học viện trong những năm trước hay với các quy định của Nhà nước để thấy được hiện trạng của Học viện;
- Đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại, giải thích nguyên nhân;
- Xác định những vấn đề cần cải tiến và đề ra những biện pháp để cải tiến những vấn đề đó.

*** Phương pháp mã hóa minh chứng:**

Các minh chứng thu thập được mã hóa dưới dạng [Hn.a.b.c] trong đó:

- H là “Hộp minh chứng”
- n là số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 01 đến 10)
- a.b là số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 01 đến 09)
- c là số thứ tự của minh chứng (có giá trị từ 01 đến hết)

Ví dụ: [H1.1.1.1]: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1.1 thuộc tiêu chuẩn 1 được đặt ở hộp 1.

*** Những lợi ích Học viện Báo chí và Tuyên truyền thu được từ tự đánh giá:** Để hoàn thành báo cáo tự đánh giá, Học viện đã xây dựng các kế hoạch và xác định thời gian hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Viên chức, công chức, người học của Học viện đã ý thức được mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá. Mục đích, phạm vi, kế hoạch tự đánh giá được phổ biến tới tất cả các bộ máy, đơn vị và các lớp sinh viên. Đây là hoạt động gián tiếp đã thúc đẩy quá trình nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

1. Lịch sử phát triển và sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Sứ mạng của Học viện được xác định: *“Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác”*.

Mục tiêu của Học viện là xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một trường đại học dẫn đầu về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông cho các trường Đảng, trường chính trị và các trường đại học, cao đẳng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp nhà nước và nhu cầu của xã hội.

2. Cơ cấu tổ chức và cán bộ giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy - Ban Giám đốc - Khoa và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 34 đơn vị trực thuộc gồm: 18 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa

Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Tâm lý giáo dục và Nghiệp vụ sư phạm, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Kiến thức giáo dục đại cương); 03 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ); 02 Văn phòng (Văn phòng Học viện và Văn phòng Đảng - Đoàn thể); 06 phòng (Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Quản trị, Phòng Công tác chính trị, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Phòng Thanh tra và Phòng Quản lý Ký túc xá), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo và Trung tâm thông tin Khoa học), 01 viện nghiên cứu (Viện nghiên cứu Báo chí và Truyền thông), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2017, Học viện có tổng số 405 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó 252 giảng viên bao gồm 02 Giáo sư, 33 Phó Giáo sư, 80 Tiến sĩ, 126 Thạc sĩ, 11 cử nhân.

3. Hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí có 13 ngành đào tạo trình độ Đại học (*Báo chí, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Xuất bản, Xã hội học, Công tác xã hội, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Ngôn ngữ Anh*). Học viện có 36 chương trình cấp bằng cử nhân thứ nhất, trong đó, có 01 chương trình liên kết quốc tế (*Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông*); 03 chương trình đào tạo chất lượng cao (*Kinh tế và Quản lý, Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu, Truyền thông marketing*); 32 chương trình đào tạo đại trà (*Báo in, Báo phát thanh, Báo truyền hình, Báo mạng điện tử, Ảnh báo chí, Quay phim truyền hình, Triết học Mác -Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Công tác tổ chức, Công tác văn phòng, Công tác dân vận, Công tác kiểm tra giám sát, Quản lý hoạt động tư tưởng- văn hoá, Chính trị phát triển, Chính sách công, Quản lý xã hội, Khoa học quản lý nhà nước, Tư tưởng Hồ Chí Minh,*

Văn hoá phát triển, Xã hội học, Công tác xã hội, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam, Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế, Thông tin đối ngoại, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Xuất bản, Biên dịch Ngôn ngữ Anh).

Học viện có 19 chương trình đào tạo thạc sỹ bao gồm *Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa, Quản lý văn hóa, khoa học và giáo dục, Quản lý xã hội, Chính trị phát triển, Báo chí, Quản lý báo chí truyền thông, Phát thanh - Truyền hình, Quản lý phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử, Xã hội học, Biên tập xuất bản, Quản lý và Biên tập xuất bản, Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, Quản trị truyền thông; 6 chương trình đào tạo tiên sỹ (Ngành Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng, Ngành Báo chí học, Ngành Triết học, Ngành Xuất bản, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam).*

4. Về người học

Tính đến tháng 12/2017, số lượng sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 6515; vừa học vừa làm là 3969 sinh viên; số lượng nghiên cứu sinh là 125 và học viên cao học là 979 học viên.

Trung bình hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền có khoảng 20-30 học viên quốc tế nhập học. Trong năm học 2016 - 2017, Học viện có 25 học viên Lào nhập học.

Tình trạng việc làm của sinh viên hệ chính quy sau 01 năm tốt nghiệp được Học viện tiến hành khảo sát năm 2017 đạt 86.9%.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm (2013 - 2017), Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã nghiệm thu 02 đề tài cấp Nhà nước, 14 đề tài cấp Bộ, 138 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 468 đề tài cấp cơ sở và 131 đề tài khoa học của sinh viên. 100% đề tài khoa học của Học viện được thực hiện và nghiệm thu đúng thời gian quy định. Bên cạnh đó trong thời gian kể trên, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại

học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tổ chức thành công 05 hội thảo khoa học quốc tế, tham gia đề tài nghiên cứu quốc tế “Năng lực truyền thông như năng lực thúc đẩy sự phát triển xã hội” do Đại học Tổng hợp Viên làm chủ nhiệm.

6. Thư viện và cơ sở vật chất

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 21.307 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 200 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/một ngành đào tạo là 1073/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 3620 tài liệu.

Học viện hiện có 90 phòng học với tổng diện tích là 7.543,72m²; có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện hiện có 651 máy tính để bàn và máy tính xách tay các loại phục vụ cho hoạt động giảng dạy, quản lý điều hành và nghiên cứu khoa học (trung bình 0.55 máy/cán bộ), số lượng máy in là 188 máy.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm....đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên.

7. Tài chính

Trong 5 năm (2013 - 2017), tổng nguồn thu của Học viện là 934,412 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần. Năm 2017, Học viện đã xây dựng và được phê duyệt về Đề án tự chủ tài chính giai đoạn 2017 - 2019.

8. Khen thưởng

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

2010-2011	Cờ Thi đua cấp Bộ
2010-2011	Cờ thi đua Chính phủ
2012-2013	Diễn hình trong phong trào thi đua yêu nước nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi thi đua ái quốc.
2015-2016	Cờ thi đua cấp Bộ
2015-2016	Cờ thi đua Chính phủ

Hình thức khen thưởng:

1992	Huân chương Độc lập Hạng Nhì
2001	Huân chương độc lập Hạng Nhất
2007	Huân chương Hồ Chí Minh

9. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

Sứ mạng và mục tiêu của Học viện

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong “*Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”. Sứ mạng này là hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường đại học do Bộ GD&ĐT và Học viện quy định, đồng thời phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. Sứ mạng, mục tiêu của Học viện được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể viên chức và người lao động, được phổ biến rộng rãi trong toàn Học viện. Mục tiêu của Học viện phù

hợp với bối cảnh và nguồn lực trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Sứ mạng được đăng tải trên Website Học viện và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Định kỳ hàng năm, Học viện tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp từng thời kỳ thông qua việc thường xuyên lấy ý kiến từ cán bộ công nhân viên và các đơn vị bên ngoài. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường.

Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, hợp lý và có tính linh hoạt cao, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Học viện. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân trong tập thể lãnh đạo Học viện được quy định rõ ràng bằng văn bản. Hệ thống văn bản về công tác quản lý của Học viện được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định; được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và chỉnh sửa bổ sung kịp thời để đảm bảo sự phù hợp và tính hiệu quả. Học viện luôn thực hiện tốt, đúng quy định về chế độ lưu trữ, báo cáo đối với cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ GD&ĐT. Định kỳ hàng năm Học viện tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những văn bản quy định cho sát với tình hình thực tiễn; chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận triển khai xây dựng các chương trình hành động trong từng giai đoạn để cụ thể hóa kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện.

Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Học viện, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Học viện có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đa dạng về trình độ và phương thức đào tạo, đáp ứng các yêu cầu khác nhau. Học viện luôn quan tâm xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát và bổ

sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, công khai những nội dung điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nội dung đào tạo.

Hoạt động đào tạo

Học viện đã thực hiện tốt, đúng quy định chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy định. Các bộ môn, khoa đã được giao quyền chủ động thực hiện đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, phù hợp với từng môn học và chuyên ngành học. Học viện luôn thực hiện nghiêm túc phương pháp và quy trình thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi hình thức đào tạo. Hệ thống sổ sách lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên rõ ràng, chính xác, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý điểm, hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ. Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ giảng viên ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt, thường xuyên được Học viện tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Nhiều giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học theo chủ trương chung của Học viện. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong trường học, tạo được môi trường lành mạnh nên cán bộ giảng viên yên tâm công tác và cống hiến.

Người học

Thông qua website Học viện, sinh viên nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, năm học.

Sinh viên thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong mọi hoạt động về văn

hóa, văn nghệ và thể dục thể thao.

Sinh viên được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, sinh viên có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập.

Học viện rất quan tâm và tạo mọi điều kiện phát triển các phong trào của Đoàn, Hội trong trường, có biện pháp hỗ trợ tích cực cho Đoàn thanh niên cả về vật chất lẫn tinh thần. Những phong trào này đã có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên trong nhà trường.

Học viện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ sở. Sinh viên của Học viện sau khi ra trường nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tế cũng như do nhu cầu nhân lực về các lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí truyền thông ở nước ta rất lớn.

Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm trên cơ sở hướng dẫn của các cấp quản lý.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện rất đa dạng, từ thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường đến các đề tài hợp tác đồng nghiên cứu, góp phần giải quyết các vấn đề mang tính thời sự, thiết thực, trên cơ sở đó đẩy mạnh và tăng cường các mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Học viện và các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước.

Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ngày một tăng, thể hiện sự quan tâm của Học viện và sự năng động, tích cực của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu. Số lượng đề tài các cấp được nghiệm thu đạt loại khá và xuất sắc trở luôn ở mức cao. Hàng năm, Học viện phát động phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học và số lượng sinh viên tham gia ngày càng tăng. Việc đăng tải công trình nghiên cứu luôn được quan tâm khuyến khích.

Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn tuân thủ đúng quy định của Nhà nước về quan hệ với đối tác nước ngoài, tập trung vào hai mảng chính, đó là hợp tác đào tạo và hợp tác nghiên cứu. Trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác quốc tế đã có những bước đột phá lớn, giúp nâng cao uy tín, vị thế của Học viện. Học viện đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và tổ chức quốc tế, thực hiện chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài, triển khai nhiều dự án nghiên cứu quan trọng và ký nhiều thoả thuận hợp tác với các trường đại học quốc tế. Từ năm học 2016-2017, Học viện đã tổ chức thực hiện chương trình đào tạo quốc tế cấp bằng cử nhân Quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông với Đại học Middlesex, Vương quốc Anh.

Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Hàng năm, Học viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho Thư viện, tạo điều kiện tối đa cho cán bộ giảng viên và sinh viên được sử dụng Trung tâm Thông tin Khoa học để học tập và nghiên cứu, tra cứu thông tin. Hệ thống thư viện của Học viện về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu về tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, giải trí của người học. Học viện tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành, cung cấp trang thiết bị phục vụ yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Hiện tại, Học viện đã trang bị được một số lượng đáng kể các loại máy móc hiện đại phục vụ học tập và giảng dạy. Toàn bộ hệ thống máy tính của Học viện đã được nối mạng ADSL, wireless, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Tài chính và quản lý tài chính

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, sát với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên. Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy định của Nhà nước. Học viện điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp

ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước. Hoạt động tài chính của Học viện đều tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của Bộ tài chính. Định kỳ hàng năm Quy chế chi tiêu nội bộ trường được điều chỉnh cho sát với thực tiễn cuộc sống và mặt bằng giá cả. Xây dựng hoàn chỉnh chương trình quản lý chung, đồng thời sẽ thiết kế một phần mềm hỗ trợ quản lý tài chính, tài sản dành riêng cho Ban Giám đốc và chia sẻ tài nguyên cũng như công khai công tác quản lý tài chính, tài sản cho các khoa, phòng trong toàn trường.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xác định được sứ mạng là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác. Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển, sứ mạng của Học viện đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của trường, được sử dụng làm cơ sở cho hoạt động hoạch định mục tiêu, định hướng hoạt động của trường; đồng thời sứ mạng cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Học viện, định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Nguồn lực của Học viện luôn được đảm bảo đủ để thực hiện sứ mạng, mục tiêu đã đặt ra.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 02 NQ/ĐU ngày 01/9/2015 và Thông báo số 2784A/TB-HVBC&TT ngày 09/9/2015 v/v Nội dung họp Ban Giám đốc thường kỳ. Trong đó, sứ mạng của Học viện được xác định: “*Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo được xây dựng thành trường đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng*

nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác” [H1.1.1.1], [H1.1.1.2].

Sứ mạng của Học viện hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã được nêu trong Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là “đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [H1.1.1.3].

Sứ mạng của Học viện phù hợp với các nguồn lực cũng như định hướng phát triển của Học viện. Các nguồn lực của Học viện hoàn toàn đáp ứng với sứ mạng đã xác định, cụ thể:

Đội ngũ cán bộ của Học viện hiện có 405 người trong đó có 02 giáo sư; 33 phó giáo sư, tiến sĩ; 83 tiến sĩ; 211 thạc sĩ; 53 cử nhân [H5.5.1.4].

Tổng diện tích đất sử dụng của Học viện là 57.310 m²[H9.9.5.2], trong đó diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo của Học viện là: 25.023 m² [H9.9.2.2].

Sứ mạng của Học viện phù hợp với định hướng phát triển của Học viện. Trong chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề xuất phấn đấu đưa Học viện trở thành Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học về chính trị, báo chí - truyền thông có uy tín trong nước và khu vực, hội nhập với các trường đại học trên thế giới [H1.1.1.4]. Năm 2017, Học viện đã rà soát, bổ sung và điều chỉnh sứ mạng trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050: “Học viện Báo Chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở hàng đầu Việt nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng-văn hoá, báo chí và truyền thông. Học viện không

ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.” [H1.1.1.5].

Sứ mạng của Học viện phù hợp và gắn kết với các chiến lược của ngành, địa phương và cả nước. Phương hướng phát triển nhân lực ngành thông tin và truyền thông đến năm 2020 như sau: “Đến năm 2020, dự báo nhu cầu nhân lực báo chí là khoảng 112.400 người, trong đó 87% có trình độ đại học, cao đẳng, 13% có trình độ trung học, sơ cấp. Đến năm 2020, dự báo nhu cầu nhân lực của xuất bản là khoảng 7.200 người, trong đó số lượng biên tập viên là khoảng 1.740 người” [H1.1.1.6].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã công khai văn bản liên quan đến sứ mạng của nhà trường, tuy nhiên phạm vi, đối tượng và cách thức phổ biến sứ mạng của Học viện còn thiếu sự đa dạng và nhiều hạn chế.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của Học viện được trình bày rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của mình. Bên cạnh đó, sứ mạng của Học viện cũng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Phạm vi phổ biến sứ mạng cho các đối tượng ngoài Học viện còn hẹp. Hình thức phổ biến chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Ban tổ chức - cán bộ sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đa dạng hóa các hình thức phổ biến (công bố trên nhiều website khác nhau, đưa sứ mạng của Học viện thành một nội dung cần giới thiệu trong các sự kiện...), mở rộng phạm vi phổ biến sứ mạng tới các đối tượng ngoài Học viện như cơ quan ngoại giao, doanh nghiệp, các tổ chức liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của

nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Các mục tiêu của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong từng thời kỳ và phù hợp với *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 [H1.1.2.1].

Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học được xác định trong chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Cụ thể, về đào tạo đại học: *Sinh viên được đào tạo toàn diện và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc năng động, có năng lực thực tiễn trên cơ sở nền tảng kiến thức vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học chuyên ngành và các kỹ năng khác. Sinh viên được đào tạo nghề và chuyên sâu theo từng loại nghiệp vụ cụ thể với kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng để có thể tiếp cận ngay với công việc và có khả năng xử lý các tình huống thực tế nghề nghiệp linh hoạt, sáng tạo, khoa học.*

Về đào tạo sau đại học: *Người học được đào tạo chuyên sâu về lý thuyết chuyên ngành, có khả năng tiếp cận cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng nghiên cứu thể hiện ở khả năng tổng hợp, khái quát, phân tích, dự báo, khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn một cách độc lập* [H1.1.1.4].

Mục tiêu của Học viện được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Năm 2014, Học viện tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu chiến lược để xây dựng “Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí - truyền thông” [H1.1.2.2].

“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính

trị và cán bộ báo chí - truyền thông”, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 25/6/2015, cụ thể như sau:

“Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông cho các trường Đảng, trường chính trị và các trường đại học, cao đẳng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp nhà nước và nhu cầu của xã hội; phấn đấu đến năm 2020 có một số ngành đào tạo được xếp hạng trong số 500 trường đại học hàng đầu thế giới” [H1.1.2.3].

Mục tiêu trung hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2010 - 2015, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của mỗi kỳ đại hội [H1.1.2.4].

Mục tiêu ngắn hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng phương hướng công tác từng năm học. Hàng năm, Học viện tiến hành tổng kết năm học nhằm rà soát các công tác đã thực hiện và xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới của nhà trường. Tuy nhiên, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu cho từng giai đoạn (nhiệm kỳ), cho từng năm học chưa được triển khai một cách đồng bộ. Quá trình hoạch định mục tiêu chưa có được sự tham gia sâu rộng và nhận biết đầy đủ của các đối tượng có liên quan.

Các mục tiêu của Học viện phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố là đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông.

Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu được Học viện phổ biến rộng rãi trong toàn thể cán bộ, giảng viên và người học qua Nghị quyết tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Nhà trường [H1.1.2.5].

2. Điểm mạnh

Học viện đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Đề án phát triển của Học viện đã được phê duyệt. Mục tiêu chiến lược của Học viện

được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện. Mục tiêu được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, viên chức và người học.

3. Tồn tại

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu cho từng giai đoạn (nhiệm kỳ), cho từng năm học chưa được triển khai một cách đồng bộ. Quá trình hoạch định mục tiêu chưa có được sự tham gia sâu rộng và nhận biết đầy đủ của các đối tượng có liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Ban tổ chức - cán bộ định kỳ 2 năm/lần rà soát, bổ sung các mục tiêu của Học viện cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

Sứ mạng của Học viện được trình bày rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của mình và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương và cả nước.

Học viện đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Đề án phát triển của Học viện đã được phê duyệt. Mục tiêu chiến lược của Học viện được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện. Mục tiêu được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, viên chức và người học.

Tuy nhiên, Học viện vẫn còn một số hạn chế kể đến như phạm vi phổ biến sứ mạng cho các đối tượng ngoài Học viện còn hẹp. Hình thức phổ biến chưa đa dạng, phong phú. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu cho từng giai đoạn (nhiệm kỳ), cho từng năm học chưa được triển khai một cách đồng bộ. Quá trình hoạch định mục tiêu chưa có được sự tham gia sâu rộng và nhận biết đầy đủ của các đối tượng có liên quan.

Kết quả Tự đánh giá: 02/02 tiêu chí đạt yêu cầu

0/02 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Học viện được tổ chức và quản lý phù hợp với quy định của Nhà nước, với các nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng được mở rộng và hiện đại để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao; có kế hoạch và các biện pháp để thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục. Học viện đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường đại học; hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường; có kế hoạch, chiến lược dài hạn về xây dựng và thực hiện hiệu quả các văn bản pháp quy của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục Đại học 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tổ chức và hoạt động theo mô hình ba cấp: Học viện - Khoa (Ban, Phòng, Trung tâm, Văn phòng, Viện) - Bộ môn [H1.1.1.3]. Cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Ban Giám đốc; Các đơn vị nghiên cứu giảng dạy (18 Khoa, 01 Viện nghiên cứu, 01 Trung tâm Thông tin khoa học, 01 Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông); Các đơn vị chức năng (13 đơn vị); Hội đồng khoa học và đào tạo; Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên. Học viện đã làm xong thủ tục thành lập Hội đồng trường; hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường đã được gửi đến Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hiện đang chờ quyết định thành lập [H2.2.1.1].

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Học viện đã được cụ thể hoá trong các văn bản: Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ

chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H1.1.1.3], Quyết định số 853/QĐ-HVCTQG ngày 25/02/2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.1.2]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ bộ môn [H2.2.1.3]. Cơ cấu tổ chức của Học viện, của các Khoa, Ban, Văn phòng và Quy chế làm việc của Học viện đã được phổ biến cho các đơn vị trong Học viện.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện. Quy chế tổ chức và hoạt động được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, viên chức của Học viện.

3. Tồn tại

Hội đồng trường mới được thành lập nên chưa có quy chế hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban tổ chức - cán bộ sẽ tham mưu tới Đảng ủy, Ban Giám đốc để xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Học viện đã có hệ thống các văn bản tổ chức và quản lý về các hoạt động của Học viện như: Quy chế dân chủ [H2.2.2.1], Quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý [H2.2.2.2], Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức [H2.2.2.3], Quy định về việc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn, nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức [H2.2.2.4], Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức [H2.2.2.5], Quy định về Thi đua, Khen thưởng [H2.2.2.6], Quy chế về tính thu nhập tăng thêm [H2.2.2.7], Quy định về chế độ làm thêm giờ của viên chức, người lao động [H2.2.2.8]...

Đối với hoạt động đào tạo, Học viện đã ban hành các văn bản như: Quy chế giảng viên [H2.2.2.9], Quy chế giảng viên thỉnh giảng [H2.2.2.10], Quy chế đào tạo đại học chính quy tập trung [H2.2.2.11], Quy định đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [H2.2.2.12], Quy chế rèn luyện của sinh viên [H2.2.2.13]...

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quy chế về quản lý hoạt động khoa học [H2.2.2.14], Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành quy định về đánh giá, xếp loại đề tài, nhiệm vụ khoa học ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh để áp dụng thống nhất trong hệ thống Học viện [H2.2.2.15].

Đối với hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H2.2.2.16].

Trong hoạt động tài chính, Học viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H2.2.2.17], trong đó quy định việc sử dụng quỹ học phí, chi phúc lợi, các chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức nhằm đảm bảo sự công bằng, hợp lý giữa các ngạch viên chức của Học viện và có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Ngoài ra, Học viện còn ban hành các văn bản quy định về hoạt động của tổ chức Đảng [H2.2.2.18], các văn bản quy định về hoạt động của Công đoàn [H2.2.2.19].

Các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động của Học viện trên các lĩnh vực được ban hành một cách có hệ thống, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện đã có Quy chế Tổ chức và hoạt động (Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H1.1.1.3], Quyết định số 853/QĐ-HVCTQG ngày 25/02/2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.1.2], làm căn cứ để xây dựng và ban hành các văn bản quản lý hoạt động của Học viện.

Các văn bản tổ chức và quản lý về các hoạt động này được triển khai kịp thời đến các đơn vị và từng cá nhân bằng nhiều hình thức: sao gửi các đơn vị; tổ chức các cuộc họp để phổ biến, quán triệt, thông qua trang website của Học

viện. Nhờ có các văn bản này mà hoạt động quản lý của Học viện trên các lĩnh vực đã đi vào nề nếp, nâng cao hiệu quả của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng như các hoạt động khác của Học viện.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và được phổ biến đến công chức, viên chức trong Học viện bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, góp phần nâng cao chất lượng quản lý của Học viện.

3. Tồn tại

Việc đánh giá tính hiệu quả của các văn bản tổ chức và quản lý của Học viện chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, các đơn vị chức năng sẽ rà soát để tiếp tục sửa đổi, bổ sung những văn bản đã lạc hậu cho phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3: Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Căn cứ quy định của Luật viên chức, Luật Giáo dục Đại học và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Học viện đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận (Ban Giám đốc, các đơn vị trong Học viện), cán bộ quản lý và nhân viên của Học viện.

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận thuộc tổ chức bộ máy của Học viện như Ban Giám đốc, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các đơn vị trong Học viện (Phòng, Ban và tương đương) đã được quy định cụ thể trong Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H1.1.1.3], Quy chế làm việc của Học viện [H2.2.1.2], và các văn bản khác. Văn phòng Đảng - Đoàn thể (bộ

phận tham mưu cho Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên) hoạt động theo quy định, quy chế và Điều lệ của các tổ chức này [H2.2.3.1].

Tùy thuộc vào tính chất hoạt động, Học viện còn thành lập các Hội đồng, Ban đề tư vấn cho Giám đốc trong việc ra các quyết định có liên quan. Ví dụ: Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét nâng lương trước thời hạn, Hội đồng nghiệm thu hạng mục mua sắm, Ban Chỉ đạo chương trình đào tạo quốc tế. Trách nhiệm và quyền hạn của các Hội đồng, Ban và thành viên thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan như Quy chế tuyển sinh, Luật Viên chức, Luật Đầu thầu ... hoặc các quy định của Học viện kèm theo Quyết định thành lập [H2.2.3.2].

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quy định xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc, các Phó Giám đốc; những công việc cần thảo luận tập thể lãnh đạo Học viện trước khi Giám đốc quyết định [H2.2.1.1], phân công công việc đến từng thành viên của Ban Giám đốc [H2.2.3.3]. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng, Phó các đơn vị trong toàn Học viện được quy định và thực hiện theo Quy chế làm việc [H2.2.1.2].

Đối với giảng viên, nhân viên hành chính: Ngoài việc thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Viên chức, Luật Giáo dục đại học, Luật Lao động, Hợp đồng làm việc đã ký giữa viên chức với Học viện, Học viện còn quy định về quyền hạn và trách nhiệm của giảng viên, nhân viên hành chính trong Quy chế làm việc của Học viện [H2.2.1.2], Quy chế giảng viên [H2.2.2.9].

Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn cho các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân chủ động thực hiện các công việc được giao, sáng tạo và phát huy hết khả năng của mình, tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng chông chéo về chức năng, nhiệm vụ ở một số đơn vị, cá nhân.

Việc tự đánh giá và đánh giá cán bộ, giảng viên và nhân viên theo chức năng, trách nhiệm và quyền hạn được thực hiện hàng năm hoặc theo từng thời điểm cụ thể. Hằng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức đánh giá cán bộ theo quy định về đánh giá cán bộ [H2.2.2.7]. Cán bộ, giảng viên và nhân viên

phải thực hiện tự đánh giá và các bộ phận đánh giá sau đó mới xem xét tiếp tục ký kết hợp đồng làm việc.

2. Điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, cán bộ quản lý, các giảng viên và nhân viên của Học viện được phân định rõ ràng, cụ thể đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động của Học viện.

3. Tồn tại

Học viện chưa hoàn thiện được đề án vị trí việc làm nên việc đánh giá cán bộ, viên chức hàng năm chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban tổ chức - cán bộ sẽ rà soát và hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Đảng bộ Học viện và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh được thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Điều lệ Hội cựu chiến binh Việt Nam [H2.2.4.1]. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Học viện có quy chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, thu hút được nhiều cán bộ, viên chức và người học tham gia, sinh hoạt thường xuyên theo quy định.

Đảng bộ Học viện phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của nhà trường; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt các nghị quyết Đảng các cấp, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Các chủ trương, kế hoạch hoạt động của Học viện đều được bàn bạc, thống nhất trong Đảng ủy trước khi quyết định. Các cuộc họp giao ban hàng tháng của Học viện đều có sự tham gia của Đảng ủy,

Công đoàn, Đoàn thanh niên để thống nhất các công tác trọng tâm chung của trường cũng như của Công đoàn và Đoàn thanh niên trường [H2.2.4.2]. Lịch sinh hoạt định kỳ của Đảng ủy và của các chi bộ trong Học viện là 1 tháng một lần [H2.2.4.3] hoặc họp đột xuất khi phải triển khai những kế hoạch khẩn cấp của nhà trường và định kỳ báo cáo công tác. Tính đến 31/12/2017, Đảng bộ Học viện có 33 chi bộ với 314 đảng viên là cán bộ, giảng viên; có 87 đảng viên là sinh viên [H2.2.4.4]. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, Đảng bộ Học viện đã tổ chức 13 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 1.730 quần chúng; đã kết nạp 953 đảng viên mới là người học [H2.2.4.5].

Hàng năm Đảng bộ đều được công nhận và tặng bằng khen, giấy khen tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu [H2.2.4.6].

Năm 2017, tỷ lệ đảng viên đạt danh hiệu đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 81%; đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 16%, tỷ lệ chi bộ trong sạch vững mạnh, tiêu biểu đạt 9,1%, trong sạch vững mạnh đạt 42% [H2.2.4.4].

Công đoàn luôn có kế hoạch hoạt động hàng năm và họp thường xuyên để triển khai các hoạt động cụ thể của Công đoàn [H2.2.4.7]. Công đoàn luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ giảng viên trong dịp Lễ Tết và các ngày kỷ niệm như 27/2; 8/3; 10/3; 30/4; 1/5; 1/6; Tết Trung Thu; Nghi hè; 27/7; 20/10; 2/9; 15/10 hay 20/11 và 22/12... [H2.2.4.7].

Các Công đoàn Bộ phận cũng sinh hoạt định kỳ để triển khai các kế hoạch của Công đoàn Học viện hàng năm và theo phong trào như phát động phong trào quyên góp vì người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, triển khai các chương trình hành động và sinh hoạt tập thể, hội diễn văn nghệ, thể thao, nữ công và các lễ tổng kết báo cáo... [H2.2.4.7].

Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Công đoàn Học viện đều tiến hành tổng kết, đánh giá, bình xét và đề nghị khen thưởng các cá nhân, tập thể. Công đoàn Học viện được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Bằng khen, Công đoàn Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tặng giấy khen [H2.2.4.8].

Đoàn thanh niên Học viện quy định sinh hoạt định kỳ theo tháng; các chi đoàn, CLB có kế hoạch hoạt động định kỳ theo học kỳ và năm học. Hoạt động đoàn của Học viện thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia; 100% đoàn viên, sinh viên hưởng ứng phong trào “Thực hiện mùa thi nghiêm túc” và cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích giáo dục”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Phong trào sinh viên 5 tốt” [H2.2.4.9].

Đoàn Học viện đã thành lập 5 câu lạc bộ, đội, nhóm để tạo ra sân chơi cho đoàn viên, sinh viên; trên 4000 lượt đoàn viên tham gia các cuộc thi như tìm hiểu lịch sử dân tộc, biển đảo tổ quốc... và trên 3000 lượt đoàn viên, sinh viên tham gia các hoạt động sinh viên tình nguyện như chiến dịch “Mùa hè xanh”; chiến dịch “Tiếp sức mùa thi”, tình nguyện bảo vệ trật tự “An toàn Giao thông”. Sinh viên còn tích cực tham gia các hoạt động thiết thực khác như các cuộc thi “Hùng biện tiếng Anh”, “Nhà lãnh đạo tương lai”, “Olympic các môn lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” và nhiều cuộc thi văn nghệ, thể thao thu được nhiều kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Trường; đoàn viên sinh viên còn phát huy tốt tính tích cực của tuổi trẻ, xung kích trong phong trào thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo [H2.2.4.9], là điểm sáng trong phong trào hiến máu nhân đạo của Thành phố. Đặc biệt sinh viên đạt giải ba và 3 giải khuyến khích tại cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học; tập thể đoàn Học viện 5 năm liên tục được Trung ương Đoàn tặng bằng khen cho tập thể đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học [H2.2.4.10].

Hội Cựu chiến binh Học viện hằng năm phối hợp tổ chức lễ kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng vũ trang Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 [H2.2.4.11].

Các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của trường hoạt động theo đúng nguyên tắc tổ chức và theo nội dung Điều lệ của mỗi tổ chức, có kiểm tra, giám sát chặt chẽ không để xảy ra sai phạm nào theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; trong nhiều năm qua, hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều được thảo luận, nghiên cứu

kỹ nội dung trước khi thực hiện nên không vi phạm pháp luật hoặc vi phạm các Quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể đã phát huy vai trò to lớn của mình trong lãnh đạo, vận động cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị; tạo dựng uy tín và xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn trường, xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

Công tác phát triển Đảng, nhất là phát triển Đảng trong sinh viên, học viên trong Học viện được quan tâm, là trường Đại học có số lượng kết nạp đảng viên sinh viên cao nhất. Hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn và Đoàn thanh niên Học viện được các tổ chức cấp trên đánh giá cao.

3. Tồn tại

Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết cũng như công tác kiểm tra, giám sát trong năm vẫn chưa thực hiện thường xuyên. Chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao; còn thiếu các Nghị quyết chuyên đề.

Hoạt động phong trào chủ yếu tập trung ở cấp Đoàn trường và Liên chi đoàn. Một số chi đoàn còn thờ ơ, chưa sáng tạo trong tổ chức các hoạt động cho đoàn viên trong chi đoàn.

Các tổ chức đoàn thể tuy làm tốt công tác phong trào nhưng chưa phát huy thật tốt vai trò của mình trong việc thúc đẩy chuyên môn. Cán bộ làm công tác phong trào chủ yếu là kiêm nhiệm nên kinh nghiệm chưa cao, có một số người tập trung vào công tác chuyên môn mà chưa có sự đầu tư thỏa đáng cho công tác đoàn thể, do đó hiệu suất, hiệu quả công việc còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018:

Đảng bộ Học viện triển khai công tác kiểm tra, giám sát trong năm thường xuyên theo Chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra. Tăng cường nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Công đoàn Học viện tổ chức tập huấn về nghiệp vụ Công đoàn. Đoàn thanh niên Học viện triển khai sâu rộng Hội thảo khoa học trong sinh viên về đổi mới phương pháp học tập.

Cải tiến phương thức, nội dung các phong trào để thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia. Tích cực tổ chức các hoạt động, sân chơi bổ ích cho sinh viên tham gia, nhất là hoạt động ở chi đoàn để đáp ứng nhu cầu, sở thích, nguyện vọng của sinh viên; Đoàn Thanh niên cần tập trung triển khai tốt các câu lạc bộ, đội, nhóm.

Thường xuyên củng cố tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng bộ; các đoàn thể làm tốt công tác vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sinh viên và học viên thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị. Chính quyền hỗ trợ thêm các nguồn lực để các đoàn thể có điều kiện hoạt động tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Trong xu thế hội nhập quốc tế, việc đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm khẳng định thương hiệu của nhà trường là một đòi hỏi tất yếu; mặt khác, trong những năm qua, Bộ Giáo dục và đào tạo chủ trương đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học tại tất cả các trường đại học và cao đẳng, không phân biệt loại hình công lập, bán công hay dân lập đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập ngày 01/5/2012 theo Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Trung tâm có hai bộ phận là Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo [H2.2.5.1].

Nhiệm vụ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được xác định là:

- Nghiên cứu, đề xuất lãnh đạo Học viện triển khai các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các đơn vị trong nhà trường;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng hệ thống công cụ đánh giá chất lượng đào tạo; tiến hành khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo;
- Triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện. Hướng dẫn công tác tự đánh giá ở các đơn vị và tổng hợp kết quả đánh giá trong toàn trường. Tham gia đánh giá ngoài theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan viết báo cáo về đảm bảo chất lượng đào tạo hàng năm.

Hiện nay, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo có 03 cán bộ; trong đó có 01 đồng chí được đào tạo tiến sỹ chuyên ngành giáo dục tại Đại học New South Wales, Úc [H2.2.5.2]. Cán bộ nhân viên của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo nói chung và bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo nói riêng đã được tạo điều kiện cho các cán bộ đi học các lớp ngắn hạn, dài hạn, các đợt tập huấn bồi dưỡng kiến thức đặc biệt về Đảm bảo chất lượng. Thông qua các khóa học, các đợt tập huấn, đội ngũ cán bộ trong bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Đảm bảo chất lượng đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác đảm bảo chất lượng theo năm học và công tác tự đánh giá của Học viện [H2.2.5.3].

Từ năm 2014-2015, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã xây dựng được kế hoạch đảm bảo chất lượng cho từng năm học. Bên cạnh đó, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị trong Học viện triển khai nhiều cuộc khảo sát như khảo sát phản hồi của cựu sinh viên khối lý luận, khối nghiệp vụ về chương trình đào tạo; khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng; khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng, khảo sát tình hình sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị trong Học viện... Các kết quả khảo sát này vừa để từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng trong thời gian tới, vừa được bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo tổng hợp thành các báo cáo phân tích trình Ban Giám đốc xem xét và điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Học viện hơn nữa [H2.2.5.4]. Trong năm học 2016-2017, trung tâm đã lập kế hoạch và làm đầu

môi triển khai xây dựng chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo bậc đại học [H2.2.5.5], làm đầu môi triển khai tự đánh giá theo tiêu chuẩn của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H2.2.5.6] và theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục [H2.2.5.7].

Tuy nhiên, do hiện tại, số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít (03 cán bộ) nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

2. Điểm mạnh

Các cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được học tập, trau dồi thêm trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo chất lượng.

Hoạt động của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo bước đầu đã thu được những kết quả được ghi nhận như đã hoàn thành khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo, khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng, xây dựng chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo bậc đại học.

3. Tồn tại

Số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Học viện sẽ tuyển dụng bổ sung thêm 02 cán bộ đảm bảo chất lượng có chuyên môn và nghiệp vụ nhằm tăng cường công tác đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực hoạt động phù hợp và gắn với định hướng phát triển

của Học viện: Chiến lược hoạt động khoa học [H2.2.6.1], Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.1.4], Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 [H1.1.1.5]. Chiến lược phát triển Học viện được xây dựng phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện, trên cơ sở phân tích các căn cứ pháp lý và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong những năm tới.

Để thực hiện chiến lược phát triển, Học viện có các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Kế hoạch phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được thể hiện trong: “Đề án: xây dựng, phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên Lý luận chính trị và cán bộ Báo chí - Truyền thông [H2.2.6.2]. Để thực hiện các chiến lược đã đề ra, Học viện đã xây dựng các kế hoạch 5 năm [H2.2.6.3]. Hàng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch công tác cho năm sau [H2.2.6.4] và kế hoạch này được các đơn vị, công chức, viên chức của Học viện đóng góp ý kiến trước khi ban hành. Khi xây dựng kế hoạch đều dựa trên định hướng phát triển của Học viện; trong đó xác định rõ mục tiêu, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Ngoài ra, kế hoạch công tác hàng tháng cũng được Học viện xây dựng một cách chi tiết, cụ thể [H2.2.6.5].

Học viện thực hiện rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch ngắn hạn (hàng tháng, năm học) tại các cuộc họp giao ban tháng, Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm [H2.2.6.6], các chính sách và biện pháp giám sát đánh giá thực hiện các kế hoạch được thực hiện thông qua các báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị và báo cáo tổng kết của Học viện [H2.2.6.7]. Ngoài ra, Học viện còn có Ban Thanh tra nhân dân, Phòng Thanh tra tham gia giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm của lãnh đạo Học viện [H2.2.6.8].

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng và ban hành được những nhiệm vụ chủ chốt và kế hoạch hoạt động của từng năm. Học viện đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn,

trung hạn phù hợp với điều kiện thực tế cũng như định hướng phát triển và sứ mạng của Học viện. Các kế hoạch này đã được triển khai thực hiện có hiệu quả và có chính sách giám sát, thường xuyên đánh giá việc thực hiện.

3. Tồn tại

Học viện chưa xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cho Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong các lĩnh vực cho Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường

1. Mô tả:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chịu sự Quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong việc triển khai nhiệm vụ, Học viện đã thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên, đột xuất cho các cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động khi có văn bản yêu cầu và văn bản hướng dẫn báo cáo [H2.2.7.1].

Phòng Tổng hợp tham mưu Ban Giám đốc Học viện thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm về các hoạt động, công tác của Học viện cho cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; đồng thời, thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý khác [H2.2.7.2].

Đối với các báo cáo đột xuất, dựa vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Ban Giám đốc Học viện để giao thực hiện báo cáo phù hợp lĩnh vực công tác của đơn vị như: Phòng Tổng hợp - Văn phòng Học viện chịu trách nhiệm về các báo cáo hoạt động tổng thể của Học viện; Ban Quản lý đào tạo về công tác đào

tạo; Ban Tổ chức Cán bộ báo cáo về công tác tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài vụ báo cáo về công tác tài chính; Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo báo cáo về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo; Ban Quản lý khoa học báo cáo về công tác khoa học; Phòng Hợp tác quốc tế báo cáo về công tác hợp tác quốc tế; Phòng Công tác chính trị báo cáo về công tác sinh viên... một cách đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan cấp trên [H2.2.7.3]. Trong vòng 5 năm gần đây, Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo và chưa từng bị các cơ quan cấp trên nhắc nhở vì vi phạm chế độ báo cáo. Toàn bộ các báo cáo đều được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Công tác lưu trữ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bắt đầu được thực hiện năm 2008 khi Học viện chính thức thành lập bộ phận lưu trữ thuộc phòng Hành chính - Văn phòng Học viện. Mọi công văn do Học viện ban hành đều được lưu trữ một bản gốc tại bộ phận Lưu trữ - Phòng Hành chính và một bản chính tại hồ sơ công tác của bộ phận, đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu chính. Hàng năm, cán bộ làm công tác lưu trữ lập kế hoạch thu nhận và xử lý hồ sơ lưu trữ báo cáo lãnh đạo Văn phòng và trình Ban Giám đốc phê duyệt để chính lý đưa vào lưu trữ đầy đủ và khoa học toàn bộ các hồ sơ, tài liệu lưu trữ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký kết hợp đồng với Cục Lưu trữ Văn phòng Trung Ương Đảng [H2.2.7.4].

Công tác lưu trữ đã đảm bảo tốt những yêu cầu của công việc đặt ra, kịp thời đáp ứng các nhu cầu tra cứu, thẩm định lại các sự việc có tính chất pháp lý, đóng góp tích cực cho hoạt động quản lý, điều hành của Học viện. Đội ngũ cán bộ tham mưu báo cáo và làm công tác lưu trữ định kỳ được Học viện cử tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ do các cơ quan chủ quản và quản lý tổ chức [H2.2.7.5].

Học viện đang xây dựng và sớm hoàn thành quy chế về văn thư lưu trữ để đồng nhất thực hiện trong toàn trường, đồng thời đang triển khai xây dựng phần mềm quản lý hành chính theo đó công tác lưu trữ sẽ được ứng dụng tin học hóa trong quản lý. Tuy nhiên, cơ sở vật chất (kho, phòng, các trang thiết bị đảm bảo cho công tác lưu trữ giấy tờ lâu dài...) có phần còn thiếu thốn [H2.2.7.6].

2. Điểm mạnh

Công tác lưu trữ được đảm bảo tốt, đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động tra cứu, thẩm định, tìm kiếm thông tin, số liệu xây dựng báo cáo, do đó góp phần cho Học viện luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ các chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động công tác của Nhà trường.

3. Tồn tại

Quy chế về văn thư lưu trữ và cơ sở vật chất (kho, phòng, các trang thiết bị đảm bảo cho công tác lưu trữ giấy tờ lâu dài...) còn chưa được xây dựng chi tiết, cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Giám đốc Học viện giao cho Văn phòng soạn thảo trình Ban Giám đốc xây dựng phần mềm để từng bước triển khai ứng dụng tin học hóa trong công tác lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Cơ cấu tổ chức của Học viện rõ ràng với hệ thống văn bản được ban hành thống nhất; chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý và cán bộ chức năng được phân định rõ ràng. Công tác Đảng và đoàn thể của trường đã đạt được một số thành tích nhất định.

Học viện đã xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn. Học viện thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và công tác lưu trữ được thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như Học viện chưa xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cho Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050, chưa có quy chế về hoạt động văn thư lưu trữ.

Kết quả Tự đánh giá: 07/07 tiêu chí đạt yêu cầu.

0/07 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo của Học viện có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Hệ đào tạo chính quy được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung và điều chỉnh. Ngoài ra, chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác và được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đang tổ chức đào tạo 13 ngành trình độ đại học với 36 chương trình đào tạo, trong đó có 1 chương trình liên kết quốc tế, 3 chương trình chất lượng cao và 32 chương trình đại trà; 11 ngành trình độ thạc sĩ với 19 chương trình đào tạo và 6 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Các chương trình đào tạo được mở không trái với quy định hiện hành, có trong danh mục đào tạo và được Bộ GD&ĐT cho phép thực hiện; đã đối chiếu các điều kiện

của chương trình đào tạo đại học với quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.1], [H3.3.2.4].

Trong giai đoạn 2013 - 2017, Học viện đã xây dựng mới 3 chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học (chương trình ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý; ngành Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu; ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing); 1 chương trình liên kết quốc tế (Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông) [H3.3.1.2]. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo được Học viện thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo [H3.3.3.4]. Ở trình độ sau đại học, có 02 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (chương trình Quản lý phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử thuộc ngành Báo chí học; Quản lý văn hóa, khoa học và giáo dục thuộc ngành Chính trị học) và 3 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Xuất bản, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam) được mở mới [H3.3.1.3].

Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện trên cơ sở tham khảo chương trình cùng ngành hoặc ngành gần của các trường đại học uy tín trong nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Ngoại giao, Đại học Kinh tế quốc dân... và trường đại học nước ngoài như Trường Kinh tế và Khoa học Chính trị Luân Đôn (LSE) - Anh và một số trường đại học của Mỹ, Australia, Đại học Tổng hợp Viên, Áo... [H3.3.1.2].

Dự thảo các chương trình đào tạo được gửi xin ý kiến bằng văn bản của các chuyên gia ngoài Học viện, cán bộ quản lý, giảng viên có uy tín của các cơ sở đào tạo có cùng chương trình đào tạo. [H3.3.1.2], [H3.3.1.3].

Thông qua việc mời các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ quan sử dụng lao động (các cơ quan báo chí, xuất bản, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường đại học, cao đẳng...), người đã tốt nghiệp tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm [H3.3.1.4],

[H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7], Học viện đã huy động được sự tham gia của các đối tượng này trong việc xây dựng các chương trình đào tạo mới.

Các chương trình đào tạo đều được Hội đồng khoa học - đào tạo thông qua, được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành theo quy định [H3.3.1.8], [H3.3.1.9].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo các ngành khối nghiệp vụ được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài, thể hiện được đặc thù ngành đào tạo của Học viện.

3. Tồn tại

Việc tham khảo ý kiến của đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, của nhà tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo của khối ngành lý luận chính trị mới chỉ được triển khai với mẫu khảo sát nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ triển khai trên diện rộng việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trong các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng ngành cho giảng viên lý luận chính trị thuộc hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị trên cả nước.

5 năm tới lần lượt tổ chức các hội thảo quốc tế/ hội thảo quốc gia liên quan đến chương trình đào tạo 5 môn lý luận chính trị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2: Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Tất cả các chương trình đào tạo của Học viện đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể (về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm), quy định rõ khối lượng kiến thức toàn khóa, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh, quy

trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thang điểm, nội dung chương trình đào tạo với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu xã hội về ngành nghề đào tạo [H3.3.2.1], [H3.3.2.3].

Các chương trình đào tạo đại học có chuẩn đầu ra được ban hành và được công bố công khai [H3.3.2.2], được xây dựng trên cơ sở khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.3.2.3]. Các điều kiện của chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.3.2.4], [H3.3.2.5].

Tất cả các chương trình đào tạo khi xây dựng đều có sự tham gia góp ý của giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên gia [H3.3.1.2.], H3.3.1.3], đại diện các tổ chức nghề nghiệp, đơn vị sử dụng nhân lực, phản hồi của sinh viên cuối khoá, sinh viên sau khi tốt nghiệp và đều được nhất trí đánh giá là có cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính khoa học, hiện đại, hệ thống. [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7], [H3.3.2.6], [H3.3.2.7].

Phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, của đại diện các tổ chức nghề nghiệp, đơn vị sử dụng nhân lực cũng đánh giá các chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học ở trình độ đại học. [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7], [H3.3.2.6], [H3.3.2.7].

Nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường nhân lực và phát huy cao độ năng lực người học, chương trình đào tạo của một số ngành được thiết kế theo nhiều chuyên ngành (Báo chí có 7 chuyên ngành, Chính trị học có 7 chuyên ngành, Kinh tế có 3 chuyên ngành, Quan hệ quốc tế có 3 chuyên ngành, Triết học có 2 chuyên ngành). Trong từng chương trình, tương ứng với mỗi khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành đều có các học phần bắt buộc và một số học phần tự chọn, bước đầu cho phép người học lựa chọn môn học theo nhu cầu, sở trường và định hướng nghề nghiệp chuyên sâu sau này [H3.3.2.8].

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc chương trình được thiết kế hợp lý, đảm bảo tính hệ thống trên cơ sở tham khảo ý

kiến của sinh viên đang học và sinh viên tốt nghiệp, nhà khoa học, người sử dụng nhân lực.

3. Tồn tại

Số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chưa nhiều làm hạn chế một phần khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Học viện sẽ chỉ đạo các khoa phát triển thêm các môn học tự chọn theo nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động trên cơ sở định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Song song với việc tổ chức đào tạo 36 chương trình trình độ đại học theo hình thức chính quy, Học viện triển khai 15 chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

Học viện chuyển sang đào tạo chính quy theo học chế tín chỉ từ năm 2014. Quá trình chuyển đổi, hoàn thiện chương trình đào tạo từ đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ, đối với những chương trình đang có lớp đào tạo hệ vừa làm vừa học tại thời điểm chuyển đổi, việc thiết kế nội dung, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp không có sự phân biệt giữa đào tạo đại học hệ chính quy và đào tạo hệ vừa làm vừa học [H3.3.2.1], [H3.3.2.8], [H3.3.3.1], [H3.3.3.3]. Các chương trình đào tạo này được thiết kế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mô tả đầy đủ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, quy định cụ thể về thang điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo [H3.3.3.2], [H3.3.3.3], [H3.3.3.4], [H3.3.3.5].

Các chương trình đều được đảm bảo về điều kiện đội ngũ giảng viên có đủ số lượng, trình độ và năng lực, về cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị phục vụ dạy học) [H3.3.3.6]. Các chương trình đào tạo đều có các đề cương chi tiết học phần trong đó ghi rõ cán bộ giảng dạy và phụ trách học phần, mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra, các hình thức học tập, kiểm tra đánh giá [H3.3.3.7].

2. Điểm mạnh

Hình thức đào tạo chính quy tập trung và vừa làm vừa học bước đầu có sự tương đương về thời lượng chương trình và chất lượng đào tạo. Các chương trình đào tạo đều được đảm bảo chất lượng về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nội dung và hình thức đào tạo.

3. Tồn tại

Còn một số chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học chưa thống nhất với chương trình đào tạo hệ chính quy do việc chuyển đổi phương thức tổ chức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ không được tiến hành đồng thời giữa đào tạo chính quy và đào tạo hệ vừa làm vừa học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban Quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa giảng dạy tiến hành sửa chữa, hoàn thiện tất cả các chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học, đảm bảo sự tương đương về nội dung chương trình và chất lượng đào tạo với hệ chính quy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Định kỳ 4 năm/lần, tất cả các chương trình đào tạo được rà soát, bổ sung và điều chỉnh (2008, 2012, 2016) [H3.3.2.1]. Do yêu cầu chuyển đổi phương thức

tổ chức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, tất cả các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy được điều chỉnh vào năm 2014 [H3.3.2.8]. Việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

Học viện cử các đoàn cán bộ, giảng viên đi dự hội thảo, nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm và tham khảo chương trình đào tạo các ngành Báo chí, Chính sách công, Công tác xã hội... của các nước (Trung Quốc, Singapo, Anh, Áo, Pháp, Ôxtrâyliá...) [H3.3.4.1], [H3.3.4.2]; mời các chuyên gia của các trường nước ngoài góp ý về chương trình đào tạo (Học viện hiện đang có 2 chuyên gia Nhật Bản và Hàn Quốc làm việc thường trú tại Học viện, hỗ trợ các chương trình đào tạo ngành Kinh tế, Quan hệ quốc tế) [H3.3.4.3], [H3.3.4.4]. Thêm vào đó, với số lượng lớn giảng viên theo học và tu nghiệp ở nước ngoài trong các khóa học, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn tạo tiền đề cho việc cập nhật so sánh với các chuẩn đào tạo, chương trình đào tạo quốc tế đang được Học viện quan tâm triển khai [H3.3.4.5], [H3.3.4.6].

Thông qua các hội thảo khoa học quốc gia [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7] các hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học được tổ chức hàng năm trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện đã tổng hợp ý kiến của các cơ sở giáo dục khác, các nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo của Học viện.

Từ năm học 2014-2015, Học viện đã tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối, người đã tốt nghiệp, phục vụ cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.3.2.6], [H3.3.2.7].

Ý kiến của đại diện các cơ sở đào tạo trình độ đại học có cùng ngành đào tạo, các tổ chức nghề nghiệp... về chương trình đào tạo của nhà trường cũng được chọn lọc tiếp thu để có kế hoạch điều chỉnh chương trình cho phù hợp [H3.3.1.2], [H3.3.1.4], [H3.3.2.6], [H3.3.2.7], [H3.3.2.3].

Đây là những căn cứ quan trọng để Hội đồng Khoa học các khoa hợp, đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.3.4.7]. Một số môn học mới được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực (ví dụ bổ sung các môn học Tiếng Anh chuyên ngành, Tin học ứng dụng chuyên

ngành cho ngành Quan hệ quốc tế, Xuất bản, Báo chí...). Một số môn học chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh được đưa vào chương trình các ngành Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Báo chí... Những môn học không còn phù hợp được loại bỏ, thay thế [H3.3.4.6], [H3.3.4.7], [H3.3.4.8]. Trong đợt điều chỉnh chương trình năm 2014 đã thống nhất tên gọi một số môn học trùng nhau một phần hoặc toàn bộ, mã hóa các môn học gắn liền với việc phân công khoa chịu trách nhiệm xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo môn học đó trong toàn Học viện ở tất cả các hệ đào tạo [H3.3.4.9].

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo được tiến hành theo định kỳ, tuy nhiên hiệu quả điều chỉnh, bổ sung không đều nhau giữa khối ngành lý luận chính trị và khối ngành nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Trong bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, Học viện đặc biệt quan tâm đến việc tham khảo các chương trình quốc tế tiên tiến.

3. Tồn tại

Mức độ điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo các ngành thuộc khối lý luận chính trị không nhiều, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, các khoa đào tạo khối lý luận sẽ tiến hành điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo các ngành thuộc khối lý luận chính trị căn cứ kết quả các hội thảo quốc tế/hội thảo quốc gia và ý kiến phản hồi của giảng viên lý luận chính trị theo học các lớp bồi dưỡng ngắn hạn được tổ chức trong năm tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 6 chương trình trình độ Tiến sĩ, 19 chương trình trình độ thạc sĩ, 36 chương trình trình độ đại học [H3.3.2.1]. Trong hình thức đào tạo chính quy có đào tạo chính quy tập trung

cấp bằng đại học thứ nhất, chính quy cấp bằng đại học thứ 2; trong hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng có chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ nhất và bằng thứ 2.

Để đảm bảo tính liên thông dọc giữa các trình độ đào tạo, việc thiết kế chương trình đảm bảo:

+ Học viện đã ban hành Quy định bổ túc kiến thức giữa các ngành gần trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ [H3.3.5.1], [H3.3.5.2], công nhận kết quả của các học phần đã học trong cùng trình độ có thời lượng (số đơn vị học trình, số tín chỉ) bằng hoặc nhiều hơn chương trình bổ túc kiến thức đang thực hiện.

+ Trong xây dựng chương trình, đã đảm bảo sự kế tiếp, nâng cao và phát triển ở những bậc học cao hơn so với bậc học trước, không lặp lại kiến thức cũ (cả về tên học phần và nội dung chi tiết trong học phần) [H3.3.2.8], [H3.3.5.3], [H3.3.1.9].

- Liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo được thể hiện ở:

+ Các chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo 2 nhóm ngành: nhóm ngành lý luận chính trị và nhóm ngành nghiệp vụ. Khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm cả các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) của từng nhóm ngành được thiết kế thống nhất trong toàn Học viện [H3.3.2.8].

+ Các chương trình chuyên ngành trong cùng ngành được thiết kế thống nhất về thời lượng và nội dung kiến thức phần cơ sở ngành (các ngành Chính trị học, Báo chí, Kinh tế, Quan hệ quốc tế) [H3.3.2.8], [H3.3.3.2], [H3.3.3.3].

+ 19 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được thiết kế thống nhất ở khối kiến thức chung; các chương trình đào tạo cùng ngành có khối kiến thức cơ sở ngành giống nhau [H3.3.5.3].

+ Chương trình đào tạo đại học chính quy cấp bằng đại học thứ nhất, chính quy cấp bằng đại học thứ hai được thiết kế thống nhất về nội dung kiến thức ngành, chuyên ngành, cho phép sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện cá nhân. Điều này còn cho phép người học có thể học đồng thời 02 chương

trình đại học của 02 ngành khác nhau để được cấp 02 văn bằng khi tốt nghiệp [H3.3.2.8], [H3.3.3.1], [H3.3.3.2], [H3.3.3.3].

+ Việc quản lý bộ môn và môn học được giao cho các khoa. Những môn học có trong nhiều chương trình đào tạo ở nhiều khoa sẽ giao cho Khoa chuyên ngành quản lý và tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để tạo sự thống nhất trong nội dung. Học viện quản lý bằng mã môn học thống nhất tạo điều kiện cho những người học các ngành khác nhau lựa chọn được thời khóa biểu học phù hợp.

Liên thông dọc và ngang của các chương trình đào tạo được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả, tuy nhiên hiệu quả liên thông mới chỉ dừng lại trong nội bộ nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành khác nhau. Sinh viên có cơ hội học tiếp lên bậc học cao hơn, đồng thời có khả năng mở rộng ngành nghề đào tạo của mình thông qua việc học song song hai chương trình, học văn bằng 2 sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Tính liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo khác nhau chỉ mới dừng lại ở trong nội bộ Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Học viện triển khai hợp tác, ký kết để công nhận kết quả đào tạo của nhau và điều chỉnh chương trình để đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ và ngành đào tạo với các trường đào tạo cùng ngành như Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Sư phạm Hà Nội...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Ngoài các chương trình đào tạo được mở mới trong năm 2016 (3 chương trình chất lượng cao, 2 chương trình thạc sĩ, 3 chương trình tiến sĩ), Học viện đã tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh đồng loạt các chương trình đại học vào

các năm 2008, 2012 và 2014. Việc đánh giá chương trình còn được thực hiện thông qua các hội thảo cấp khoa, cấp trường, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở [H3.3.6.1], [H3.3.6.2], [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7].

Hàng năm, Học viện đều tổ chức tổng kết công tác đào tạo đi đôi với đánh giá các chương trình đào tạo [H3.3.6.3], tổng hợp ý kiến đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua khảo sát đối với sinh viên sắp tốt nghiệp và sinh viên đã tốt nghiệp (sau tốt nghiệp 01 năm) nhằm kiểm định tính phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu của người học, với yêu cầu của thị trường lao động [H3.3.2.6], [H3.3.2.7]. Cuối mỗi học kỳ, Học viện còn thu thập ý kiến phản hồi trực tuyến của sinh viên sau khi kết thúc các học phần được tổ chức giảng dạy trong kỳ [H3.3.6.4]. Hộp phản ánh tình hình sinh viên được tổ chức hàng tháng [H3.3.6.7], đối thoại sinh viên với lãnh đạo trường được tiến hành hàng năm [H3.3.6.5] cũng là một kênh quan trọng cung cấp phản hồi của người học. Các ý kiến phản hồi được nhà trường tổng hợp, phân tích, gửi về các khoa, bộ môn làm căn cứ điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và góp phần không nhỏ trong cải tiến, phát triển chương trình đào tạo của Học viện.

Với các chương trình liên kết đào tạo hệ vừa làm vừa học tại các địa phương, khi kết thúc khóa học Học viện đều tổ chức họp với đối tác liên kết để đánh giá quá trình tổ chức đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá về chất lượng chương trình đào tạo [H3.3.6.6]. Bên cạnh đó, Học viện cũng chủ trì hoặc giao cho các khoa đào tạo chủ trì tổ chức các hội nghị, tọa đàm, hội thảo đánh giá về các chương trình đào tạo đang thực hiện với thành phần tham gia là các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên ngành, đại diện các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các cơ sở đào tạo khác... [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7]. Các kết quả đánh giá được nghiên cứu, ứng dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo, chủ yếu tập trung vào phần chương trình đào tạo trong phạm vi nhà trường. Trong đợt đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2012, đã thống nhất giảm tải thời lượng toàn khóa của các ngành khối lý luận chính trị từ 210 đơn vị học trình còn 180 đơn vị học trình, các ngành thuộc khối nghiệp vụ còn 175 đơn vị học trình, bước đầu dành thời lượng cho thảo luận, nghiên cứu, thực hành, thực tế,

thực tập... nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Chương trình đào tạo được chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ vào năm 2014 nhằm tăng tính linh hoạt, mềm dẻo của chương trình, đáp ứng nhu cầu của người học và của nhà tuyển dụng lao động [H3.3.2.1], [H3.3.2.8], [H3.3.4.6].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

3. Tồn tại

Hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp chậm được điều chỉnh, cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018 trở đi, các khoa đào tạo sẽ chương trình hóa các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp đảm bảo bám sát yêu cầu của chương trình đào tạo. Học viện sẽ thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá kiến tập, thực tập nghề nghiệp của sinh viên tại các cơ sở thực tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận tiêu chuẩn 3:**

Học viện đã triển khai xây dựng các chương trình đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình đào tạo và rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động. Học viện cũng đã thực hiện chương trình đào tạo một cách đồng bộ theo hướng linh hoạt dựa trên các yêu cầu của Bộ GD&ĐT cũng như thế mạnh của trường. Các chương trình đào tạo đều tạo điều kiện cho sinh viên sau này có thể học nhiều chuyên ngành khác nhau sao cho phù hợp với yêu cầu của mình khi ra trường. Bên cạnh đó, Học viện đẩy mạnh hợp tác đào tạo với các trường quốc tế, tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong quá trình xây dựng, rà soát, bổ sung chương trình đào tạo.

Việc tham khảo ý kiến của đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, của nhà tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo của khối ngành lý luận chính trị chưa được thực hiện trên diện

rộng, điều chỉnh và đánh giá chương trình đào tạo chưa được thực hiện một cách đồng bộ, hệ thống. Tính liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo khác nhau chỉ mới dừng lại ở trong nội bộ Nhà trường.

Kết quả Tự đánh giá: 06/06 tiêu chí đạt yêu cầu

0/06 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

TIÊU CHUẨN 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Học viện đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Bên cạnh đó, Học viện có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Học viện có hệ thống quản lý và lưu trữ điện tử và bản cứng cơ sở dữ

liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường và tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Từ một trường của Đảng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương từ trình độ sơ cấp trở lên về lý luận và nghiệp vụ, đến nay Học viện trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phóng viên, biên tập viên, cán bộ tuyên truyền, đội ngũ những người làm công tác tư tưởng-văn hóa của đất nước. Nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, Học viện đã tổ chức nhiều hình thức đào tạo khác nhau với nhiều trình độ khác nhau (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) theo các phương thức đào tạo chính quy; không chính quy, vừa làm vừa học; tập trung; không tập trung được giới thiệu tại website Học viện [H4.4.1.1].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo của các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng chương trình và triển khai bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo, nghiệp vụ công tác đảng, nghiệp vụ báo chí, xuất bản và truyền thông cho các cơ quan báo chí, xuất bản, các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn cả nước [H4.4.1.2].

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh các nước Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản [H4.4.1.2].

Hệ đào tạo chính quy được đào tạo theo hệ thống tín chỉ "*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*" ban hành theo Quyết định số 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.4.1.3], được bổ sung theo Thông tư số 57 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.4.1.4].

Hoạt động đào tạo hệ vừa làm vừa học được tổ chức theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức VLVH của Bộ GD&ĐT. Học viện tổ chức liên

kết đào tạo đại học hệ VLVH với hầu hết các trường chính trị của các tỉnh, thành phố, các trường đại học, học viện trên địa bàn cả nước. Bắt đầu liên kết đào tạo đại học từ năm 1990 với các ngành, chuyên ngành văn bằng 1, đến năm 2005, Học viện tổ chức liên kết đào tạo nhiều chuyên ngành đại học văn bằng 2 trên phạm vi cả nước [H4.4.1.5], tính đến nay, trung bình hàng năm đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học Học viện chiêu sinh khoảng 2000 chỉ tiêu/1 năm, lưu lượng tổ chức quản lý đào tạo là 6000 sinh viên/ 75 lớp/ 30 tỉnh, thành phố. Hiện nay, hệ đào tạo vừa làm vừa học thực hiện theo chương trình của hệ chính quy về số học phần, số học trình trong từng học phần, bao gồm 2 loại chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân: 4,5 năm (văn bằng 1); chương trình đào tạo cử nhân: 2,5 năm (văn bằng 2). Phương thức học đa dạng: Quý học tập trung 1 tháng. Tháng học tập trung 10 ngày, học các ngày thứ 7 và chủ nhật. Chương trình học được cụ thể hoá bằng kế hoạch học toàn khoá và thông báo cho sinh viên biết ngay từ ngày khai giảng lớp học. Về cơ bản Học viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tuy nhiên, việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế dẫn đến chất lượng đào tạo các ngành, chuyên ngành còn hạn chế.

Các hình thức tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học được đảm bảo các điều kiện chất lượng về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, học liệu theo quy định [H3.3.3.6].

2. Điểm mạnh

Học viện đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia học tập.

3. Tồn tại

Việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế. Chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, các khoa đào tạo tiếp tục cải tiến chương trình tiên tiến chuyên ngành Báo chí đa phương tiện và ngành Quan hệ công chúng để đào tạo với Trường đại học Middle Sex vương quốc Anh cấp bằng quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

1. Mô tả

Năm học 2014 - 2015, Học viện triển khai hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo từng học phần cho từng khối kiến thức, mỗi học phần từ 1 đến 4 tín chỉ, khi sinh viên tích lũy đủ từ 120 tín chỉ trở lên đối với khối nghiệp vụ và 125 tín chỉ trở lên đối với khối lý luận sẽ được xét công nhận tốt nghiệp [H4.4.2.1].

Công tác đào tạo theo học chế tín chỉ đã được Nhà trường chuẩn bị tích cực và triển khai kịp thời [H4.4.2.2]. Học viện đã có nhiều văn bản chỉ đạo cho các khoa và tổ chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ; chuẩn đầu ra; biên soạn chương trình chi tiết, biên soạn đề cương bài giảng, giáo trình [H4.4.2.3]. Vào đầu khóa học, để giúp sinh viên nắm bắt được quy chế đào tạo tín chỉ, kế hoạch giảng dạy và những vấn đề cần biết trong quá trình học một cách kịp thời và hiệu quả, Nhà trường đã tổ chức buổi sinh hoạt đầu khóa phổ biến cho sinh viên những nội dung liên quan đến công tác đào tạo [H4.4.2.4]. Những nội dung này được in thành sổ tay sinh viên và đưa lên website Học viện để sinh viên biết thực hiện [H4.4.2.5]. Các mẫu đăng ký học theo tín chỉ cũng đã được thiết kế và công bố rộng rãi trên website Học viện, tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên đăng ký các học phần theo học trong từng học kỳ [H4.4.2.6]. Năm học 2016 - 2017 đã thực hiện đào tạo hoàn toàn theo hình thức tín chỉ.

Học viện cũng đã tổng kết công tác đào tạo tín chỉ, trong đó nêu rõ những thành tựu và khó khăn trong quá trình chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang tín chỉ. Việc chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình học tập, giúp sinh viên linh hoạt trong việc lựa chọn môn học phù hợp với thời gian và nguyện vọng cá nhân. Tuy nhiên, quá trình

chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất và kinh nghiệm đào tạo tín chỉ còn thiếu [H2.2.6.6].

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt, đúng quy định việc tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo. Việc chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Học viện trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo. Học viện đã có kế hoạch chuẩn bị tốt cho việc đào tạo tín chỉ nên công tác chuyển đổi đào tạo sang tín chỉ đã đem lại những kết quả tích cực.

3. Tồn tại

Trong quá trình chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất và kinh nghiệm đào tạo tín chỉ còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018 trở đi, Ban quản lý đào tạo sẽ tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị về đào tạo tín chỉ nhằm học hỏi và rút kinh nghiệm triển khai đào tạo tín chỉ có hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Một trong những biện pháp đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên là khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng viên và môn học sau khi kết thúc môn học. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy được đưa vào kế hoạch của Học viện từ năm 2014 - 2015. Đầu mỗi năm học, Bộ phận Đảm bảo chất lượng lập kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng viên và môn học học kỳ I và học kỳ II [H4.4.3.1].

100% giảng viên tham gia giảng dạy được lấy ý kiến phản hồi từ người học về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá sau khi kết thúc môn học [H4.4.3.1], [H4.4.3.2], [H4.4.3.4]. Ý kiến phản hồi của người học

về hoạt động giảng dạy của giảng viên tập trung vào các nội dung: Kiến thức chuyên môn của giảng viên; năng lực tổ chức môn học; tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và việc sử dụng phương tiện dạy học của giảng viên; phương pháp sư phạm; phương pháp kiểm tra đánh giá quá trình và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; phẩm chất, tác phong sư phạm của giảng viên [H4.4.3.3].

Từ năm học 2015 - 2016, việc lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện tích hợp trên phần mềm đào tạo, giúp cho việc thực hiện và lưu trữ kết quả khảo sát hệ thống hơn [H4.4.3.4]. Tuy nhiên, việc sử dụng phần mềm chưa khuyến khích được một số sinh viên tham gia trả lời khảo sát.

Kết quả khảo sát được gửi tới các giảng viên để có các biện pháp điều chỉnh, nâng cao chất lượng giảng dạy. Đồng thời, kết quả khảo sát cũng được tổng hợp và trình lãnh đạo Học viện để giám sát chất lượng giảng dạy trong nhà trường và có kế hoạch triển khai các hoạt động bồi dưỡng phương pháp giảng dạy [H4.4.3.2].

Học viện thường xuyên chú trọng bồi dưỡng đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng việc tổ chức và tạo điều kiện cho các giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng, phương pháp giảng dạy tích cực trong và ngoài Học viện [H5.5.1.2], [H5.5.1.3]. Các khoá học này nhằm nâng cao năng lực dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm của người học.

Kết quả phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy trong những năm gần đây cho thấy, sinh viên cơ bản đồng ý với nhận định giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên [H4.4.3.3]. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa áp dụng tốt các phương pháp giảng dạy tích cực; việc giảng dạy vẫn nghiêng về truyền thụ tri thức một chiều.

2. Điểm mạnh

Học viện đã chú trọng lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên và môn học như một kênh đánh giá chất lượng đào tạo. Trong những năm gần đây đã sử dụng phần mềm khảo sát chất lượng. Học viện thường xuyên tổ chức các

khoá bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực qua đó phát huy được tính chủ động của người học.

3. Tồn tại

Việc sử dụng phần mềm khảo sát chưa khuyến khích được 100% sinh viên tham gia đánh giá chất lượng giờ giảng và môn học.

Một bộ phận giảng viên chưa áp dụng tốt các phương pháp giảng dạy tích cực nên việc giảng dạy vẫn còn nặng về trang bị kiến thức lý thuyết.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học tiếp theo, Học viện sẽ thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích sinh viên tham gia đánh giá chất lượng giờ giảng và môn học thông qua phần mềm. Trong tuần sinh hoạt sinh viên đầu khoá, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ tổ chức các buổi thông tin về việc khảo sát chất lượng đào tạo tới toàn bộ sinh viên, nêu cao tầm quan trọng của việc sinh viên tham gia đánh giá chất lượng giờ giảng và môn học. Đồng thời, các khoa đào tạo sẽ chú trọng bồi dưỡng kiến thức thực tiễn cho giảng viên nhằm đẩy mạnh việc giảng dạy kết hợp giữa lý luận và thực tiễn thông qua các hình thức hợp tác với nhà tuyển dụng, tổ chức các khoá học bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực tiễn của ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

100% học phần/môn học có đề cương quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá [H4.4.4.1]. Kiểm tra đánh giá bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Các hình thức đánh giá đa dạng: thi vấn đáp, trắc nghiệm, thi viết, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, luận văn, v.v. phù hợp với hình thức đào tạo, hình

thức học tập và mục tiêu môn học. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Mức độ tích lũy của người học về kiến thức được thực hiện theo Quy chế 25 của Bộ GD&ĐT (điểm học phần = điểm kiểm tra giữa kỳ và thảo luận (40%) + điểm thi hết môn (60%)) [H4.4.4.2]. Sinh viên trong quá trình học phải có điểm thực hành, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp phải viết báo cáo tốt nghiệp và đều tính như điểm một môn học. Các nội dung thi, kiểm tra đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực hành [H4.4.4.3]. Tuy nhiên, hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá ở một số môn học/học phần vẫn còn nặng về kiểm tra kiến thức chứ chưa đánh giá đầy đủ các kỹ năng giải quyết vấn đề, vận dụng tri thức giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Học viện đã có quy định xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi. Công tác làm đề thi khách quan, bảo mật bằng việc bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi trong ngân hàng đề thi và chỉ làm đề trước 1 tiếng thi [H4.4.4.4]. Chấm thi trắc nghiệm được thực hiện trên máy quét ảnh kết hợp với phần mềm chấm điểm. Áp dụng công nghệ này tiết kiệm rất lớn về thời gian, kinh phí và độ chính xác cao.

Kết quả khảo sát sinh viên hàng năm về chất lượng môn học cho thấy 80% sinh viên hài lòng với các hình thức thi, kiểm tra đánh giá và tính chính xác, khách quan, minh bạch của công tác kiểm tra đánh giá [H4.4.3.4].

Các quy định trong tổ chức thực hiện và phương pháp thực hiện kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo/các hình thức đào tạo là đồng nhất [H4.4.4.4]

2. Điểm mạnh

Học viện đang đa dạng hóa hình thức thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Sử dụng hình thức chấm trắc nghiệm trên máy, dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm.

3. Tồn tại

Hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá ở một số môn học/học phần vẫn còn nặng về kiểm tra kiến thức chứ chưa đánh giá đầy đủ các kỹ năng giải quyết vấn đề, vận dụng tri thức giải quyết các vấn đề thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ thực hiện đổi mới các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên nhằm đáp ứng tốt hơn các mục tiêu, kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra. Cụ thể, hội đồng đào tạo của các khoa sẽ rà soát lại các nội dung kiểm tra đánh giá ở các bộ môn và điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với mục tiêu chuẩn đầu ra và báo cáo tổng kết công tác thực hiện tới Ban giám đốc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Học viện có quy định cụ thể việc công bố và nộp điểm các lớp đào tạo theo tín chỉ hệ chính quy cho người học. Việc công bố điểm cũng được thông báo kịp thời và đầy đủ cho các sinh viên chính quy, hệ vừa làm vừa học, sau đại học thông qua bảng điểm bằng giấy, cổng thông tin sinh viên theo quy định [H2.2.2.10].

Học viện có hệ thống sổ sách lưu trữ kết quả học tập của người học rõ ràng, đầy đủ và chính xác theo đúng quy định đối với các hệ chính quy, vừa làm vừa học và sau đại học, các quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách tốt nghiệp được lưu trữ theo quy định [H4.4.5.1]. Khi khóa học kết thúc, toàn bộ kết quả học tập được in và lưu trữ lâu dài cùng với bảng điểm gốc và phần mềm quản lý đào tạo [H4.4.5.1].

Về văn bằng tốt nghiệp, Học viện đã thực hiện kịp thời, dứt điểm từng khóa tốt nghiệp. Quy trình làm bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định [H4.4.5.2]. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát bằng tốt

nghiệp rõ ràng, được lưu trữ cho từng khóa tốt nghiệp đối với cả chương trình đại học, sau đại học. Mẫu văn bằng, chứng chỉ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Định kỳ hằng năm, Học viện báo cáo kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ kiểm tra, thanh tra văn bằng chứng chỉ theo biểu mẫu quy định. Những sai sót trong khâu in ấn đều có biên bản hủy bỏ [H4.4.5.3].

Hệ thống sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ theo từng khóa tốt nghiệp bằng cả hình thức sổ sách và phần mềm đầy đủ, rõ ràng, chính xác, đảm bảo an toàn dữ liệu. Các quyết định tốt nghiệp và cấp phát bằng được công bố công khai trên website của Học viện. Nhìn chung, Học viện đã có hệ thống hồ sơ quản lý kết quả học tập của người học song song với hệ thống máy tính đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo an toàn cho dữ liệu. Kết quả học tập của Sinh viên hệ chính quy được lưu trữ an toàn, đầy đủ và truy xuất kết quả nhanh chóng. Văn bằng được cấp nhanh chóng, đúng quy định, sổ cấp văn bằng ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

2. Điểm mạnh

Kết quả thi của sinh viên được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên cổng thông tin sinh viên của Học viện đảm bảo kịp thời, chính xác và công khai tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. Tồn tại

Trình độ công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ làm công tác đào tạo còn hạn chế, chưa khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo vào công tác quản lý điểm cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Học viện tiếp tục cử cán bộ tham gia những lớp bồi dưỡng về quản lý đào tạo, tin học văn phòng nâng cao để sử dụng và vận hành tốt phần mềm quản lý đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Cơ sở dữ liệu về đào tạo của Học viện được lưu trữ có hệ thống và được cập nhật hàng năm ở dưới dạng bản in và trong phần mềm quản lý đào tạo. Ban Quản lý đào tạo phụ trách thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin đào tạo, bao gồm điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học [H4.4.6.1]; các chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng về giảng viên và cơ sở vật chất [H4.4.6.2]; kế hoạch đào tạo từng khoá, lịch trình đào tạo [H4.4.6.3]; kết quả học tập của sinh viên, kết quả điểm tốt nghiệp, quyết định, danh sách sinh viên tốt nghiệp [H4.4.6.4].

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo phụ trách thu thập thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trung tâm đề xuất kế hoạch và làm đầu mối triển khai khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình trạng việc làm sau 01 năm tốt nghiệp. Trung tâm chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và phân tích thông tin về tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên [H4.4.6.5].

Trước năm 2016 do Học viện không lưu trữ thông tin liên lạc của sinh viên trước tốt nghiệp nên việc điều tra khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp còn gặp khó khăn.

2. Điểm mạnh

Học viện đã quản lý và lưu trữ thông tin về đào tạo một cách có hệ thống. Từ năm 2015 - 2016, Học viện đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để quản lý thông tin đào tạo hiệu quả hơn. Trong những năm học gần đây, Học viện đã tiến hành điều tra tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau 01 năm tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Trước năm 2016, dữ liệu về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp chưa được thu thập đầy đủ, tỉ lệ sinh viên tham gia phản hồi khảo sát còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban quản lý đào tạo và Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ rà soát việc quản lý thông tin đào tạo và thông tin về sinh viên tốt nghiệp để việc thu thập, xử lý, lưu trữ các thông tin có hiệu quả và hệ thống hơn. Đồng thời, Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ tiếp tục thực hiện lưu trữ thông tin liên lạc của sinh viên trước khi ra trường làm cơ sở để tiến hành điều tra, khảo sát tình trạng việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Từ năm học 2014 - 2015, Học viện có Kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường. Kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường được Học viện xây dựng bao gồm các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo họ đã tham gia, các hoạt động hỗ trợ đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu việc làm của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra [H3.3.2.7]. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo làm đầu mối tổ chức khảo sát sinh viên từ tất cả các ngành đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp về chất lượng đào tạo [H3.3.2.7]. Các phiếu khảo sát được gửi tới các Khoa và các Khoa có nhiệm vụ chuyển tiếp cho cựu sinh viên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm phân tích, viết báo cáo khảo sát và phản hồi tới các bên liên quan.

Dựa trên ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp, Học viện đã tiến hành điều chỉnh, cải tiến các hoạt động đào tạo [H4.4.7.1].

Từ năm học 2016 - 2017, các ngành đào tạo cũng lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên sau tốt nghiệp [H4.4.7.2]. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng gửi thông báo, phiếu khảo sát tới các khoa và các khoa có trách nhiệm gửi phiếu khảo sát tới nhà tuyển dụng. Tuy nhiên số

lượng nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát còn ít nên kết quả chưa được sử dụng hiệu quả trong việc đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo [H4.4.7.3].

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường thông qua việc khảo sát sinh viên sau một năm tốt nghiệp. Học viện đã thực hiện điều chỉnh hoạt động đào tạo dựa trên kết quả phản hồi của người học sau tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp chưa được triển khai hiệu quả. Kết quả Học viện chưa có nhiều biện pháp để điều chỉnh, cải tiến hoạt động đào tạo dựa trên kết quả khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học tiếp theo, Học viện sẽ đa dạng hoá các hình thức lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo. Cụ thể, các khoa sẽ mời các nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường theo ngành đào tạo. Đồng thời, Học viện sẽ đẩy mạnh các biện pháp cải tiến hoạt động đào tạo dựa trên ý kiến phản hồi. Hội đồng đào tạo của trường sẽ họp và thảo luận các kế hoạch cải tiến hoạt động đào tạo dựa trên kết quả đánh giá chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận tiêu chuẩn 4:**

Học viện đã thực hiện đa dạng hóa hình thức đào tạo đối với các trình độ đào tạo (Đại học, ThS, TS) của nhà trường; triển khai đào tạo và công nhận kết quả học tập của người học theo hình thức tín chỉ. Hoạt động giảng dạy của giảng viên được đánh giá thường xuyên, việc đổi mới phương pháp dạy và học cũng như phương pháp đánh giá người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm luôn được chú trọng thực hiện.

Học viện đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy định về kiểm tra, đánh giá; kết quả học tập được thông báo kịp thời bằng các hình thức khác nhau và trên hệ thống phần mềm quản lý kết quả học tập. Học viện cũng đã bước đầu

xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu về tình hình tốt nghiệp của sinh viên chính quy; khảo sát đánh giá chất lượng của người học sau khi ra trường và kịp thời điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, yêu cầu của thị trường lao động.

Kết quả Tự đánh giá: 07/07 tiêu chí đạt yêu cầu

0/07 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

TIÊU CHUẨN 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Học viện luôn xác định công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa then chốt trong việc thực hiện sứ mạng của trường và quan tâm thích đáng tới toàn bộ các khâu trong công tác cán bộ, từ tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, bố trí sử dụng và bổ nhiệm để xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên đủ về số lượng và có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Học viện đã có quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, việc tuyển chọn được thực hiện trên nguyên tắc dân chủ và công khai. Công tác bồi dưỡng, đào tạo, đánh giá cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo đúng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị trong trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi đi học tập nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên được trẻ hoá, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và có khả năng tự chủ về học thuật. Quy chế thực hiện dân chủ do Học viện ban hành đã tạo môi trường dân chủ thực sự để cán bộ, giảng viên phát huy năng lực và tính sáng tạo trong công tác quản lý, đào tạo của nhà trường. Mọi thành viên trong trường đều được đóng góp một cách rộng rãi ý kiến của mình vào các hoạt động của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu,

chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Học viện đã ban hành quy định về tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc [HH2.2.2.3]. 05 năm trở lại đây, Học viện chỉ tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển một số cán bộ có học hàm, học vị nhằm phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên [H5.5.1.1].

Hằng năm, trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên và nhân viên, Học viện đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để trình giám đốc Học viện Chính trị quốc gia phê duyệt [H5.5.1.2].

Học viện đã có kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm khoảng 50% vào năm 2020 [H1.1.1.4].

Trong 5 năm qua, Học viện đã cử nhiều giảng viên, nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước; tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Học viện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H5.5.1.3].

Cụ thể về trình độ cán bộ, giảng viên của Học viện giai đoạn 2013 - 2017 như sau:

TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN 2013 – 2017

[H5.5.1.4]

Năm	Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên	Trình độ cán bộ, giảng viên, nhân viên					
		GS	PGS	TS	ThS	CN	Khác
2013	394	01	26	54	191	92	30
2014	397	01	31	62	192	84	27
2015	409	01	30	73	202	77	26
2016	410	01	35	69	214	64	27
2017	405	02	33	83	211	53	23

Học viện đã thực hiện tốt công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và quy hoạch các chức danh cấp ủy [H5.5.1.5]. Công tác quy hoạch được tiến hành công khai, dân chủ, đúng quy định, đảm bảo quy hoạch được những người có năng lực, trình độ đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Học viện, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2020 [H5.5.1.6].

Để lựa chọn được cán bộ quản lý các cấp nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó quy định rõ quy trình, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Học viện đã có quy chế về tuyển dụng cán bộ, công chức, trong đó xác định rõ quy trình và các tiêu chí tuyển dụng. [H2.2.2.1].

Các chỉ tiêu kế hoạch, tiêu chí tuyển dụng viên chức được công khai trên trang web của Học viện [H5.5.1.7].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch, quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên rõ ràng, cụ thể, nhờ đó Học viện đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Học viện có quy trình, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ chặt chẽ, minh bạch nhằm lựa chọn được cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của Học viện.

3. Tồn tại

Học viện chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn cho đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Ban Tổ chức - Cán bộ sẽ triển khai xác định nhu cầu, rà soát, đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, hàng năm phù hợp với vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Để đảm bảo các quyền dân chủ của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, Học viện đã có các hoạt động sau:

Năm 2013, Học viện đã ban hành Quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ trong các hoạt động của Học viện [H5.5.2.1]. Năm 2017, Học viện đã ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.2.19] để thay thế cho Quy chế tạm thời năm 2013.

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức. Hội nghị đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đối với cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong Học viện. Ngoài ra cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được nghe báo cáo tổng kết năm về các mặt hoạt động của học viện; báo cáo công tác tài chính; báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý cho báo cáo tổng kết của Học viện; báo cáo kết quả hoạt động của ban Thanh tra nhân dân [H2.2.6.7]. Hội nghị cũng là diễn đàn để cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Học viện đóng góp ý kiến cho các dự thảo, kế hoạch, nhiệm vụ năm học; cũng tại Hội nghị, lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các đơn vị chức năng giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên [H2.2.6.6].

Bên cạnh đó, Học viện cũng tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với người học, với các tổ chức đoàn thể, lắng nghe ý kiến, góp ý của người học và của các tổ chức đoàn thể đối với hoạt động của Học viện [H5.5.2.2].

Bên cạnh Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với người học hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành và triển khai công tác tiếp công dân theo quy định pháp luật, trong đó phân công lịch trực để tiếp nhận ý kiến phản ánh của cán bộ, viên chức và người học [H5.5.2.3] [H5.5.2.4]. Việc thực hiện quy chế dân chủ còn được giám sát qua hoạt động của ban Thanh tra nhân dân [H2.2.6.7].

Những năm gần đây, Học viện không nhận được khiếu nại, tố cáo nào thuộc thẩm quyền giải quyết.

Các lĩnh vực hoạt động của Học viện đều được công khai để cán bộ, giảng viên biết, triển khai thực hiện và giám sát như: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; Hoạt động nghiên cứu khoa học; các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách đối với cán bộ, giảng viên của Học viện; Kinh phí hoạt động và quyết toán kinh phí hàng năm của Học viện; Kết luận của các cuộc họp giao ban Ban giám đốc hàng tuần... [H5.5.1.2], [H2.2.2.8], [H2.2.2.13].

Trước khi ban hành chính thức các văn bản quan trọng, Học viện đều thông báo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong Học viện như các thông báo góp ý về: Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.2.15], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.2.8], Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.2.1], Báo cáo tổng kết công tác tháng và năm [H2.2.6.6]

Hàng tháng, Học viện tổ chức các cuộc họp: Phổ biến nghị quyết Đảng ủy, giao ban cán bộ quản lý, họp Chủ tịch công đoàn các đơn vị ... Qua các cuộc họp này, Bí thư chi bộ, cán bộ quản lý được thông báo kết quả hoạt động của Học viện và phản ánh ý kiến, thảo luận, bàn bạc chương trình hoạt động trong tháng tới của Học viện [H5.5.2.5].

2. Điểm mạnh

Học viện đã có nhiều hình thức hoạt động để đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ của mình.

3. Tồn tại

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện đã được ban hành, tuy nhiên hình thức phổ biến đến cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Ban Tổ chức - Cán bộ sẽ phối hợp với Văn phòng, Công đoàn Học viện và các đơn vị khác trong Học viện để tổ chức thực hiện đa dạng hóa về hình thức phổ biến, mở rộng phạm vi phổ biến Quy chế tới các đối tượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Những quy định chế độ về thời gian, kinh phí đối với cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài đã được ban hành trong nhiều văn bản như: quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức [H2.2.2.4], Quy chế chi tiêu nội bộ [H2.2.2.16]. Học viện có chính sách và biện pháp để tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên của Học viện tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước như: Đối với chương trình đào tạo dài hạn trong nước, nếu giảng viên được cử đi học, Học viện thực hiện chế độ giảm giờ giảng theo định mức công việc; cho hưởng nguyên lương, miễn học phí, kinh phí đào tạo cho người học nếu được cử đi đào tạo tại Học viện; Học viện hỗ trợ 100% học phí, cho hưởng nguyên lương và phụ cấp cho người học nếu được cử đi học sau đại học, học cao cấp lý luận chính trị ở các cơ sở đào tạo khác; hỗ trợ sau khi kết thúc khóa học và nhận bằng: Thạc sĩ là 3.000.000đ; Tiến sĩ là 5.000.000đ. [H2.2.2.16], [H5.5.3.1], [H5.5.3.2].

Học viện còn quy định chính sách khuyến khích bằng vật chất và tinh thần cho giảng viên có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học như: có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học được thưởng 1.000.000đ; có công trình khoa học công bố quốc tế được thưởng 3.000.000đ [H5.5.3.3]. Ngoài các chương trình đào tạo dài hạn hàng năm, Học viện tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí hỗ trợ theo quy định để cán bộ quản lý, giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng; tham gia các hội thảo, hội nghị v.v... ở trong nước và ngoài nước [H5.5.3.4].

Với những chính sách và biện pháp hợp lý, từ năm 2013 đến nay, Học viện đã cử 26 cán bộ quản lý, giảng viên học cao học trong nước; 44 cán bộ quản lý, giảng viên đi nghiên cứu sinh trong nước và 05 người đi học nghiên

cứu sinh ở nước ngoài, 90 cán bộ quản lý và giảng viên đi học cao cấp lý luận chính trị [H5.5.3.5].

Hàng năm, Học viện có báo cáo thực hiện chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước [H5.5.1.3].

2. Điểm mạnh

Học viện đã kịp thời ban hành các chính sách và có nhiều biện pháp để hỗ trợ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý và giảng viên tham dự các hội thảo quốc tế, thường cho giảng viên đăng bài báo quốc tế chưa được ban hành kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, ban Quản lý khoa học sẽ phối hợp với ban Tổ chức - Cán bộ, phòng Hợp tác quốc tế, phòng Kế hoạch - Tài vụ tham mưu cho ban Giám đốc ban hành chính sách và có các biện pháp để hỗ trợ cán bộ quản lý, giảng viên tham dự các hội thảo quốc tế và thường cho giảng viên đăng bài báo quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được chú trọng về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác [H2.2.2.2]. Theo phân cấp quản lý cán bộ, các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện, Trưởng các đơn vị trực thuộc ban Giám đốc do Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh bổ nhiệm; Phó trưởng các đơn vị trực thuộc ban Giám đốc do Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền bổ nhiệm. Hiện tại, cán bộ quản lý các đơn vị của

Học viện đều có trình độ cao cấp lý luận chính trị, trình độ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn đối với các chức danh quản lý theo quy định [H5.5.4.1].

Cán bộ quản lý các cấp của Học viện 100% là đảng viên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt; luôn gương mẫu trong công việc, không có đồng chí nào vi phạm quy chế dân chủ, vi phạm những điều đảng viên không được làm. Kết quả đánh giá, phân loại đảng viên 100% cán bộ quản lý được đánh giá là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2.2.4.4].

Cuối mỗi năm, cán bộ quản lý đều tiến hành tự đánh giá, sau đó Học viện tiến hành đánh giá về năng lực và tinh thần trách nhiệm công tác của cá nhân lãnh đạo của Học viện.

Kết quả, 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong đó nhiều cán bộ quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp bộ [H5.5.4.2].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện có phẩm chất chính trị và đạo đức đã thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý trẻ tuổi, mới được bổ nhiệm kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Ban Tổ chức - Cán bộ sẽ tham mưu xây dựng và có kế hoạch triển khai bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho các cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện có 13 ngành đào tạo đại học, 11 ngành đào tạo thạc sĩ và 3 ngành đào tạo tiến sĩ. Mỗi ngành đào tạo đều có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành [H5.5.5.1] [H5.5.5.2].

Học viện có đủ số lượng giảng viên để đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục, đảm bảo tỉ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi đáp ứng đề án mở ngành [H5.5.5.3]. Năm học 2016 - 2017, tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là: 252. Trong đó có 02 giáo sư; 33 phó giáo sư, tiến sĩ; 80 tiến sĩ; 126 thạc sĩ; 11 cử nhân [H5.5.1.1]. Tổng số sinh viên đại học hệ tập trung: 6515. Tỉ lệ giảng viên quy chuẩn sau khi quy đổi ≈ 16.2 sinh viên/1 giảng viên. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi giảm dần theo năm [H5.5.5.3]. Tuy nhiên, do có sự mâu thuẫn trong chính sách tinh giản biên chế và mục tiêu giảm tỉ lệ giảng viên sau quy đổi nên việc thực hiện mục tiêu giảm tỉ lệ giảng viên quy đổi gặp khó khăn.

Đội ngũ giảng viên của Học viện hiện nay cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Hiện nay đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ số lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Do có sự mâu thuẫn trong chính sách tinh giản biên chế và mục tiêu giảm tỉ lệ giảng viên sau quy đổi nên việc thực hiện mục tiêu giảm tỉ lệ giảng viên quy đổi gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban Tổ chức cán bộ sẽ rà soát, đánh giá việc thực hiện tinh giản biên chế nhằm đảm bảo việc thực hiện giảm tỉ lệ giảng viên quy đổi.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Học viện đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Học viện luôn tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho tất cả cán bộ và giảng viên không ngừng đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ như cử đi học cao học, nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài để nâng cao tỷ lệ tiến sĩ trong đội ngũ giảng viên. Tổng số giảng viên của Học viện: 252 trong đó: có 80 trình độ tiến sĩ; 02 GS, 33 PGS; trình độ thạc sĩ 126; cử nhân 11; như vậy, 95,6% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Học viện đang có 59 cán bộ, giảng viên đang đi đào tạo nghiên cứu sinh và cao học [H5.5.6.1]. Vì vậy, trong thời gian tới, số giảng viên có học vị tiến sĩ và thạc sĩ sẽ tăng đáng kể.

Đại đa số giảng viên của Học viện đã tốt nghiệp đại học sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định [H5.5.6.2].

Giảng viên được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo, đúng trình độ theo quy định. Vào đầu mỗi năm học, Học viện đều có kế hoạch tổ chức đào tạo, lãnh đạo các khoa căn cứ vào chuyên môn được đào tạo của giảng viên để phân công nhiệm vụ giảng dạy cho từng giảng viên [H5.5.6.3].

Cơ cấu chuyên môn của các giảng viên phù hợp với nhiệm vụ đào tạo. Giảng viên ở các ngành đào tạo có chuyên môn cao. Tỷ lệ % thạc sĩ, tiến sĩ, PGS và GS giữa các ngành có sự cân đối [H5.5.6.4].

Tỷ lệ giảng viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 87%

Ngoài ra, tỷ lệ giảng viên thành thạo tin học văn phòng, sử dụng máy tính, máy chiếu 100% trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học là gần 100%

Trình độ ngoại ngữ và tin học của giảng viên

(Tính đến tháng 12/2017) [H5.5.6.5]

Trình độ	Số lượng giảng viên	Tỷ lệ
Trình độ ngoại ngữ		
Cử nhân trở lên	52	21%
Trình độ A	12	05%
Trình độ B	19	08%
Trình độ C	61	24%
Trình độ B1 tương đương bậc 3 khung tham chiếu Châu Âu	64	25%
Trình độ B2 tương đương bậc 4 khung tham chiếu Châu Âu	35	14%
Trình độ C1 tương đương bậc 5 khung tham chiếu Châu Âu	9	03%
Trình độ tin học		
Sử dụng thành thạo	252	100%
Sử dụng không thành thạo		

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, hàng năm Học viện đều triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả cho thấy, đa số giảng viên được đánh giá có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao [H4.4.3.2].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Học viện có kiến thức chuyên môn sâu rộng, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định; ngoài ra còn có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Một số giảng viên trình độ ngoại ngữ còn thấp, ít sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học của một số giảng viên chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện sẽ tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng về tin học, các lớp nâng cao về ngoại ngữ cho giảng viên theo Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020 và các chương trình khác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Với số lượng giảng viên cơ hữu tính đến hết tháng 12/2017 là: 252. Trong đó, giảng viên có kinh nghiệm công tác (giảng dạy) dưới 10 năm là: 109 người; từ 10 năm đến 20 năm là: 89 người; trên 20 năm là: 47 người [H5.5.7.1]. Để nắm bắt tình hình thực tiễn của đất nước, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm công tác, Học viện đã thường xuyên cử cán bộ đi nghiên cứu thực tế hàng năm [H5.5.7.2], cử cán bộ giảng viên trẻ, cán bộ lãnh đạo quản lý đi thực tế dài hạn ở các cơ quan, ban ngành của Trung ương và địa phương [H5.5.7.3].

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành quy định về việc đi nghiên cứu thực tế hàng năm; luân chuyển, biệt phái, đi thực tế dài hạn của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống Học viện [H5.5.7.4].

Đội ngũ giảng viên của Học viện ngày càng được trẻ hóa; nếu như năm 2013, số giảng viên dưới 45 tuổi là 152 người, thì đến tháng 12/2017 đã tăng lên là 176 người.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Học viện có kiến thức chuyên môn sâu rộng, đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và ngày càng được trẻ hóa.

3. Tồn tại

Đội ngũ giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, ban Tổ chức - Cán bộ sẽ tham mưu cho ban Giám đốc tăng cường cử cán, giảng viên trẻ đi nghiên cứu thực tế ở địa phương, ban ngành ở Trung ương.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện có cơ cấu phù hợp, đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tính đến thời điểm hiện tại (12/2017), đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện có 133 người [H5.5.8.1].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo cơ bản nên hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H5.5.8.2].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên luôn được Học viện quan tâm. Hàng năm, ngoài việc Học viện tự tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; Học viện còn tạo điều kiện về thời gian và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tham gia vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ như quản trị mạng; quản lý tài chính; thanh tra; đào tạo, khảo thí...do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước tổ chức.

Bên cạnh đó, Học viện còn khuyến khích, tạo điều kiện và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đi học đại học hoặc sau đại học để nâng cao trình độ. Từ năm 2013 đến nay có 24 kỹ thuật và nhân viên đi học đại học và cao học [H5.5.8.2].

Học viện đã lấy ý kiến đánh giá của sinh viên và đồng nghiệp về ý thức trách nhiệm và thái độ làm việc của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên [H3.3.2.6], [H3.3.2.7]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số đội ngũ nhân viên và kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo được đánh giá tốt về chuyên môn và thái độ phục vụ.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện có năng lực chuyên môn, đủ số lượng, luôn đáp ứng được yêu cầu công việc.

3. Tồn tại

Việc tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018 và những năm tiếp theo, Ban Tổ chức - Cán bộ phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát nhu cầu để xây dựng kế hoạch, triển khai bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện theo chức danh chuyên môn của từng vị trí công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

Học viện đã xây dựng kế hoạch, quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên của trường chặt chẽ, tiêu chí rõ ràng minh bạch. Hoạt động tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm được thực hiện theo kế hoạch. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch và hoạt động của nhà trường.

Học viện đã ban hành chính sách, cơ chế hỗ trợ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Cán bộ quản lý của trường có năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm trong công việc, đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

Đội ngũ giảng viên của Học viện có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, có trình độ ngoại ngữ thành thạo; có kiến thức chuyên môn sâu rộng, đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo được đào tạo theo quy định, luôn đáp ứng tốt yêu cầu về giảng dạy và NCKH và hoạt động xã hội, cộng đồng. Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Nhà trường trẻ và có năng lực chuyên môn, đảm bảo trình độ được đào tạo theo quy định, luôn đáp ứng yêu cầu công việc. Tuy nhiên, Học viện chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn cho đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường.

Kết quả Tự đánh giá: 08/08 tiêu chí đạt yêu cầu

0/08 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

TIÊU CHUẨN 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học được bảo đảm chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học tại Học viện được thực hiện có hiệu quả. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống người học. Học viện có biện pháp cụ thể, có tác động tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học. Học viện có nhiều hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tỷ lệ người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp là trên 50%. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả

Công tác cung cấp thông tin và hướng dẫn cho sinh viên về CTĐT, kiểm tra đánh giá và quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT đã được Trường luôn quan tâm nhằm tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để giúp đỡ, hỗ trợ người học thực hiện tốt nhiệm vụ học tập của mình. Học viện đã công bố các chương trình đào tạo trên website, trong đó ghi rõ các mục tiêu, chuẩn đầu ra,

nội dung và cấu trúc chương trình, vị trí việc làm sau tốt nghiệp [H6.1.1.1], các thí sinh và sinh viên có thể truy cập để tìm hiểu về chương trình học của các ngành đào tạo.

Người học cũng được giới thiệu đầy đủ về các đề cương học phần, nội dung và các hình thức thi, kiểm tra đánh giá. Các đề cương chi tiết học phần trong đó ghi rõ mục tiêu môn học, nội dung, thời lượng học tập, các hình thức dạy và học, các hình thức thi, kiểm tra được công bố trên website của Học viện [H6.1.1.2]. Bên cạnh đó, đối với mỗi học phần, trong buổi học đầu tiên, mỗi giảng viên đều phổ biến và hệ thống cho người học về chương trình môn học, các mục tiêu học tập, cũng như các yêu cầu về kiểm tra đánh giá trong toàn bộ quá trình học. Trường định kỳ khảo sát ý kiến của sinh viên về tổ chức môn học để đánh giá việc giảng viên có truyền tải các thông tin liên quan đến giới thiệu môn học, cách thức đánh giá [H4.4.3.2].

Người học được cung cấp và giới thiệu đầy đủ về các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GDĐT và của nhà trường. Vào đầu mỗi khóa học, Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa. Sinh viên đã được giới thiệu các quy chế về đào tạo như quy chế đào tạo hệ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT; quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ quy định về cấp 2 văn bằng đối với sinh viên hệ đại học chính quy; quy định về thi kết thúc môn học/học phần Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học... [H4.4.2.1]. Các thông tin này được cập nhật trên website và trong Sổ tay sinh viên phát miễn phí cho sinh viên hàng năm [H4.4.2.5], Quy chế học sinh sinh viên [H6.6.1.3], Quy định rèn luyện sinh viên [H6.6.1.4]. Sinh viên tham gia tuần sinh hoạt công dân đầy đủ và viết bài thu hoạch sau khi kết thúc.

Trường đã tích cực, chủ động sử dụng nhiều biện pháp, hình thức đa dạng nhằm hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT. Các hình thức truyền truyền phổ biến đa dạng và kịp thời nên sinh viên dễ dàng tìm hiểu, nghiên cứu và tuân thủ các quy định, quy chế học tập, rèn luyện theo mục tiêu CTĐT. Tuy nhiên, hệ

thông mạng Internet còn chậm do đường truyền nhỏ trong khi số lượng sinh viên cần truy cập lại quá đông. Việc đưa thông tin về đào tạo lên website của các khoa chuyên môn còn chưa đầy đủ và đôi khi còn thiếu kịp thời.

2. Điểm mạnh

Trường đã tích cực, chủ động sử dụng nhiều biện pháp, hình thức đa dạng nhằm hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT. Các hình thức truyền truyền phổ biến đa dạng và kịp thời nên sinh viên dễ dàng tìm hiểu, nghiên cứu và tuân thủ các quy định, quy chế học tập, rèn luyện theo mục tiêu CTĐT.

3. Tồn tại

Hệ thống mạng Internet còn chậm do đường truyền nhỏ trong khi số lượng sinh viên cần truy cập lại quá đông. Việc đưa thông tin về đào tạo lên website của các khoa chuyên môn còn chưa đầy đủ và đôi khi còn thiếu kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Văn phòng Học viện tiến hành nâng cấp đường truyền Internet giúp truy cập thông tin nhanh; tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế về cập nhật thông tin trên website của trường và của đơn vị trong trường, trong đó chú ý tới thông tin về CTĐT, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 6.2: Người học được bảo đảm chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Học viện thực hiện đảm bảo 100% sinh viên được hưởng chế độ chính sách xã hội theo quy định của Thủ tướng chính phủ [H6.6.2.1] và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trợ cấp cho sinh viên [H6.6.2.2]. Thực hiện trợ cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn theo quy định của Nhà nước [H6.6.2.3], thực hiện miễn giảm học phí với sinh viên có

hoàn cảnh khó khăn [H6.6.2.4]. Thực hiện đảm bảo 100% sinh viên, học viên được hưởng trợ cấp theo hướng dẫn số 38 của Ban Tổ chức Trung ương với đối tượng đi học tập trung tại các trường Đảng [H6.6.2.5].

Hàng năm, sinh viên rèn luyện tốt, học tập tốt được nhận học bổng theo quy định (chiếm 10%) của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.2.6], mức học bổng theo mức đóng học phí của từng chuyên ngành đào tạo.

Công tác khen thưởng sinh viên được xét duyệt thường xuyên, kịp thời theo Quy chế Đào tạo, có 362 sinh viên giỏi các năm học từ 2014 - 2017 [H6.6.2.7], có 9 sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học, đạt giải các kỳ thi quốc gia [H6.6.2.7], có 217 lượt sinh viên được nhận tài trợ, hỗ trợ của các Nhà tài trợ, hỗ trợ của Học viện [H6.6.2.8].

Học viên thực hiện tổ chức hoạt động của trạm y tế trong trường Đại học theo quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT, có 100% Sinh viên được khám sức khỏe khi vào nhập học, khám định kỳ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ y tế [H6.6.2.9], xây dựng kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên theo quy định y tế học đường. Học viện đã tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên đầu khóa học để xác định tình trạng sức khỏe, bệnh tật của sinh viên; khám chữ ban đầu cho sinh viên; chăm lo phòng chống dịch bệnh cho sinh viên khi có các dịch bệnh như: bệnh sởi, đau mắt đỏ, cúm; liên kết với Bệnh viện E để khám chữa bệnh, cấp cứu ban đầu.

Học viện từng bước hiện đại hóa, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của người học, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng khu liên hợp thể dục thể thao, vui chơi ở Ký túc xá [H6.6.2.10]. Hàng năm, Học viện tổ chức các phong trào thể dục thể thao tạo điều kiện cho sinh viên tập luyện và thi đấu như kéo co, bóng đá nam, bóng đá nữ, bóng bàn, cầu lông, v.v.

Học viện thực hiện quyết định số 1611/QĐ-BGDĐT ban hành kế hoạch triển khai đề án “tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” của ngành giáo dục [H6.6.2.11]. Sinh viên được tham gia các hoạt động tập luyện, biểu diễn văn nghệ nhân dịp Khai giảng năm học mới, tổng kết khóa học, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất

nước; ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, đã thu hút đông đảo cán bộ và sinh viên nhiệt tình tham gia [H6.6.7.12], từ phong trào văn nghệ sinh viên phát hiện những sinh viên có năng khiếu tổ chức thành Đội văn nghệ xung kích của Học viện [H6.6.2.13].

Học viện thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện xây dựng hệ thống quy định, đã thành lập Ban chỉ đạo, các lực lượng đảm bảo an ninh trong nhà trường, thành lập tổ bảo vệ [H6.6.2.14], hình thành lực lượng phòng cháy nổ; đội phòng chống thiên tai, cứu nạn [H6.6.2.15]. Tổ chức tập huấn đội cứu nạn, phòng chống thiên tai, củng cố lực lượng bảo vệ của Học viện.

Trong Học viện không có sinh viên nào bị đe dọa, bị hại về sức khỏe, không để xảy ra các vụ lấy cắp tài sản của sinh viên, ảnh hưởng đến học tập và ở ký túc xá [H6.6.2.16].

2. Điểm mạnh

Học viện đảm bảo thực hiện chế độ chính sách đối với người học, đảm bảo 100% đối tượng được hưởng đầy đủ, đúng chế độ, chính sách xã hội, đảm bảo tính minh bạch, lợi ích của người học. Học viện thực hiện đúng quy định y tế học đường, đã tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn cho sinh viên khám sức khỏe, điều trị ban đầu đúng quy định.

3. Tồn tại

Các hoạt động văn nghệ sinh viên đôi khi kế hoạch tổ chức chưa phù hợp làm ảnh hưởng đến thời gian học tập của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, phòng công tác chính trị - học sinh sinh viên sẽ tổ chức các hoạt động văn nghệ sinh viên cho phù hợp với điều kiện học tập, định hướng hoạt động và quản lý chặt chẽ các phong trào văn hóa, văn nghệ để giáo dục chính trị- tư tưởng, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần và phục vụ rèn luyện của sinh viên. Đa dạng các hoạt động văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo sinh viên tham gia nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả

1. Mô tả

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng cho người học được Học viện rất chú trọng triển khai thực hiện, xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường [H1.1.1.3], quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.3.1]. Trong Nghị quyết của Đảng bộ Học viện, hội nghị tổng kết công tác đảng, Hội nghị CB, CC, VC của Học viện cũng đã chỉ rõ mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng của nhà trường. Phòng công tác chính trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên [H6.6.3.2].

Học viện tổ chức triển khai công tác học tập và quán triệt Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cho sinh viên, hàng năm có từ 85% sinh viên tham gia học tập, như năm học 2015 - 2016 có 2423 sinh viên tham gia 86,8% [H6.6.3.3], có 2735 sinh viên tham gia nghe phổ biến tình hình thời sự trong nước và quốc tế, chiếm 89,03% [H6.6.3.4]. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã định hướng đúng đắn về chính trị, tư tưởng cho sinh viên trước diễn biến phức tạp của kinh tế - chính trị - xã hội, sinh viên nâng cao ý thức chính trị, không bị kích động, lôi kéo vào các hoạt động, các tổ chức chính trị sai trái.

Học viện thường xuyên triển khai kế hoạch rèn luyện đạo đức, lối sống, cho sinh viên trong suốt khóa học với các chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.3.5]. Hình thức, phương pháp rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống rất phong phú, đa dạng, sáng tạo: Hưởng ứng phong trào tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đất nước như “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt nam”, thi viết về “Người công an nhân dân”, “Tôi yêu tổ quốc tôi”, “Kỳ vọng Việt nam”; tổ chức các hoạt động như tháng hành động chống ma túy, tham gia các phong trào văn nghệ tuyên truyền ca khúc cách mạng, các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, v.v. [H6.6.3.6].

Sinh viên tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo: hàng năm sinh viên tham gia công tác tuyên truyền, phục vụ hiến máu tại các Lễ hội xuân hồng hàng năm; giúp đỡ trẻ em ở làng SOS; tình nguyện các giúp đỡ đồng bào miền núi [H6.6.3.7].

Tổ chức, phối hợp giữa phòng Công tác chính trị với các khoa có sinh viên, tổ chức Đoàn để rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên đã đem lại hiệu quả. Học viện thường xuyên tổng kết, đánh giá quá trình rèn luyện sinh viên từ đó rút kinh nghiệm để tổ chức công tác rèn luyện được hiệu quả cao, phát hiện những người học tiêu biểu trong quá trình rèn luyện để tuyên truyền nhân rộng trong Học viện rất có tác dụng nêu gương rèn luyện sinh viên. Học viện đánh giá rèn luyện sinh viên theo từng học kỳ (theo quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007) [H6.6.3.8], kết quả cho thấy có trên 80% có sinh viên xếp loại khá trở lên.

Cá nhân và tập thể sinh viên tích cực rèn luyện, được đánh giá tốt về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống đã được khen thưởng kịp thời [H6.6.3.9]. Đoàn thanh niên Học viện được Trung ương Đoàn, Đoàn Khối các cơ quan Trung ương, Đoàn Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tặng bằng khen đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm học [H2.2.4.10].

Có một số sinh viên đạt tích cực tiêu biểu trong rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức, lối sống đã được Trung ương Đoàn TNCS khối cơ quan trung ương đoàn Học viện khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Ý thức chính trị của người học được nâng cao, nhiều sinh viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng vững vàng kiên định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiều sinh viên rất cố gắng, tích cực, sáng tạo trong học tập và rèn luyện được khen thưởng, tỷ lệ năm sau cao hơn năm trước.

3. Tồn tại

Chưa đổi mới nhiều phương thức rèn luyện chính trị, giáo dục tư tưởng phù hợp với đặc điểm, điều kiện của nhóm đối tượng sinh viên của Học viện báo

chí và tuyên truyền trong điều kiện đào tạo tín chỉ và hội nhập. Còn một số sinh viên vi phạm quy chế thi, quy chế học tập rèn luyện, văn hóa học đường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng Công tác chính trị xây dựng kế hoạch đổi mới nội dung, chính trị, tư tưởng cho sinh viên (hoàn thành đề án tháng 3/2018); các khoa và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện tập trung thực hiện đổi mới nội dung và hình thức rèn luyện chính trị, tư tưởng cho sinh viên phù hợp với điều kiện đào tạo theo hình thức tín chỉ, với các nhóm đối tượng khác nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống người học.

1. Mô tả

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học luôn được Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả. Nghị quyết Đảng ủy hàng tháng đều có nội dung chỉ đạo về lĩnh vực này. Hàng năm, Đảng ủy đều có các văn bản chỉ đạo triển khai chương trình công tác Đoàn Thanh niên trong đó thể hiện rõ vai trò nòng cốt của Đoàn trong lĩnh vực giáo dục và tổ chức các phong trào rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học, phân công cụ thể Đảng ủy viên phụ trách công tác Đoàn, công tác rèn luyện chính trị tư tưởng [H6.6.4.1]. Sinh viên khóa mới nhập học đều được học tập Tuần giáo dục công dân – HSSV đầu khóa; các sinh viên học Chính trị đầu Năm học vì vậy sinh viên hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong suốt thời gian theo học tại trường [H6.6.4.2]. Đảng ủy, Đoàn Thanh niên luôn chú trọng giáo dục đạo đức, tư tưởng cho sinh viên, hàng năm đều tổ chức phát động thi đua Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Học viện, giáo dục truyền thống, tìm hiểu, học tập các tấm gương tiêu biểu trong học tập, rèn luyện và công tác. Học viện thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện thời sự trong nước và quốc tế, các buổi học tập Nghị quyết, báo cáo chuyên đề về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách

Hồ Chí Minh cho sinh viên. Hàng năm, Học viện đều tổ chức định kỳ đối thoại trực tiếp với sinh viên để nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng và giải quyết những đề nghị chính đáng của sinh viên.

Các phong trào của Đoàn Thanh niên luôn được Học viện quan tâm, hỗ trợ kinh phí hoạt động. Các hoạt động giáo dục chính trị, tình nguyện, nhân đạo của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên như tình nguyện Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, phong trào hiến máu nhân đạo v.v. được người học ủng hộ và nhiệt tình tham gia [H6.6.4.3]. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chủ yếu chú trọng xây dựng nhận thức chính trị đúng đắn của đoàn viên - sinh viên, nâng cao tình yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường và rèn luyện cho đoàn viên đạo đức, kỹ năng sống; các câu lạc bộ đội, nhóm hoạt động rất tích cực, đóng góp nhiều thành tích cho phong trào xây dựng nếp sống văn minh trong môi trường học đường, tạo nên những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên, tạo điều kiện cho các bạn có nơi thể hiện nhiệt huyết sức trẻ, tránh xa tệ nạn xã hội. Không có sinh viên tham gia vào các hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép [H6.6.4.4]. Trong nhiều năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Học viện được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên, Đoàn khối về Thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên [H2.2.4.10].

Học viện rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng nói chung và phát triển Đảng trong học viên, sinh viên nói riêng, đây là môi trường tốt giúp cho sinh viên rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống. Quy định về việc chuyển sinh hoạt Đảng và quy trình phấn đấu trở thành Đảng viên được phổ biến đầu mỗi khóa học, năm học [H6.6.4.5]. Hàng năm Đảng ủy Học viện mở các lớp tìm hiểu về Đảng cho các đoàn viên ưu tú. Số người học được tham gia các lớp “Bồi dưỡng nhận thức về Đảng” ngày càng tăng [H6.6.4.6].

Người học có quá trình phấn đấu, rèn luyện tốt được Học viện, Đoàn trường, Hội Sinh viên và Đoàn cấp trên khen thưởng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng tăng [H6.6.4.7].

Do làm tốt công tác bồi dưỡng chính trị, tư tưởng và đạo đức tác phong cho người học nên nhiều năm qua đã tạo ra một môi trường sinh hoạt và rèn luyện tích cực, lành mạnh trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đảng ủy, Ban Giám đốc luôn quan tâm và chỉ đạo thường xuyên, kịp thời công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học. Đoàn Thanh niên phát huy được vai trò nòng cốt trong công tác, tạo môi trường rèn luyện tích cực về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học.

Kết quả phát triển Đảng hàng năm luôn ổn định và có xu hướng tăng cho thấy Đảng bộ Trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong sinh viên. Phong trào Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia. Đảng ủy và Ban Giám đốc đã có các biện pháp tích cực để hỗ trợ cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong các hoạt động.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên đều được Đoàn Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Đoàn khối các cơ quan Trung ương xếp loại tổ chức Đoàn xuất sắc và được tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

3. Tồn tại

Một số hoạt động của Đoàn Thanh niên chưa bám sát nhu cầu, chưa đáp ứng nguyện vọng của người học.

Cán bộ đoàn hầu hết là sinh viên, chưa được đào tạo nhiều kỹ năng, nhất là kỹ năng mềm nên còn hạn chế về kinh nghiệm lãnh đạo và tổ chức các hoạt động.

Sinh viên chưa chú trọng phấn đấu kết nạp Đảng ngay từ năm học đầu tiên nên số lượng kết nạp thường tập trung vào năm cuối gây khó khăn cho công tác phát triển Đảng.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm học tới, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để giúp Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần đầu tư tổ chức các hoạt động phong trào một cách thường xuyên và sáng tạo hơn, hướng các hoạt động đi vào chiều sâu, các hoạt động phù hợp với nguyện vọng của đông

đào sinh viên. Triển khai chuyển đổi hình thức sinh hoạt Đoàn, Hội cho phù hợp với đào tạo tín chỉ.

Đoàn Thanh niên tăng cường công tác tập huấn, trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ Đoàn.

Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Phòng Công tác chính trị tăng cường tuyên truyền, giáo dục truyền thống, ý thức học tập, rèn luyện phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên ngay từ khi mới vào trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5: Biện pháp cụ thể, có tác động tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Học viện đã thực hiện các biện pháp cụ thể tác động tích cực, thiết thực để hỗ trợ sinh viên học tập và sinh hoạt.

Học viện có hệ thống giáo viên chủ nhiệm các lớp làm nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo sinh viên các lớp thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện, giúp đỡ người học trong trường học tập và sinh hoạt; Học viện đã hình thành hệ thống cố vấn học tập ở tất cả các lớp trong Học viện để hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên khi mới vào học, lịch học tập, đăng ký phần mềm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện [H6.6.5.1]. Từng học kỳ, Học viện tập huấn đội ngũ cố vấn học tập, có kế hoạch với đội ngũ cố vấn học tập; rà soát lại quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cố vấn học tập các lớp.

Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập ở bậc đại học, phương pháp học các môn chuyên ngành, phương pháp học ngoại ngữ, Tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu ngay từ khi bắt đầu khoá học [H6.6.5.2] và trong các đợt giáo dục của khoa, của Đoàn thanh niên học viện (ít nhất là 2 lần /năm).

Hàng năm Học viện thực hiện tư vấn, hỗ trợ sinh viên có nhu cầu tài chính, vay vốn tín dụng [H6.6.5.3]. Ban quản lý quỹ hỗ trợ sinh viên được thành lập năm 2013 để tổ chức, quản lý quỹ hỗ trợ cho sinh viên [H6.6.5.4]. Để hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên vượt khó, Học viện đã tìm

các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp; vận động các thầy cô giáo và sinh viên ủng hộ Quỹ hỗ trợ sinh viên [H6.6.5.5]. Sinh viên học tập đạt kết quả giỏi được cấp học bổng khuyến khích học tập [H6.6.5.6]. Sinh viên có các thành tích trong nghiên cứu khoa học, giải thưởng trong các cuộc thi quốc gia được khen thưởng để khuyến khích sinh viên tích cực nghiên cứu khoa học, sáng tạo. [H6.6.5.7].

Học viện tạo điều kiện, bố trí cho sinh viên là con em dân tộc thiểu số, các tỉnh miền Nam, miền núi, con em dân tộc vùng khó khăn được ở Ký túc xá [H6.6.5.8]. Học viện đã phối hợp với các Làng sinh viên ở khu vực Mỹ Đình II, Pháp Vân để Hỗ trợ sinh viên có chỗ ở [H6.6.5.9], hỗ trợ sinh viên xe về nghỉ vào dịp nghỉ hè, tết [H6.6.5.10].

Học viện tổ chức các lớp, buổi tọa đàm trao, đổi bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên giúp sinh viên học tập tốt, rèn luyện và xin việc làm đạt hiệu quả [H6.6.5.11].

2. Điểm mạnh

Học viện đã có nhiều biện pháp cụ thể, tác dụng tích cực hỗ trợ người học học tập và sinh hoạt

Học viện đã có các biện pháp tác dụng tích cực để hỗ trợ người học học tập và sinh hoạt.

Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên; đã công khai, minh bạch, khách quan trong việc xét sinh viên ở Ký túc xá; tạo điều kiện, đảm bảo điện, nước sinh hoạt cho sinh viên ở tốt.

Có các biện pháp đặc biệt hỗ trợ sinh viên ốm đau, có hoàn cảnh đặc biệt đặc biệt.

3. Tồn tại

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và việc làm cho sinh viên còn chưa đa dạng, phong phú và hiệu quả chưa cao.

Còn nhiều sinh viên chưa được vào ở Ký túc xá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, phòng Công tác chính trị xây dựng kế hoạch, tổ chức nhiều hoạt động cụ thể giáo dục kỹ năng, thông tin về nghề nghiệp, phối hợp với các cơ quan tuyển lao động để nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên, tháng 10/2017 hoàn thiện kế hoạch; tháng 2/2018 tổ chức cán bộ đi nghiên cứu về việc phối hợp hỗ trợ về kỹ năng nghề nghiệp và việc làm của các nhà tuyển dụng.

Năm 2018, Phòng Công tác chính trị kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức 3 lớp bồi dưỡng phương pháp học ngoại ngữ và các kỹ năng cho người học nhằm nâng cao hiệu quả học tập và tìm việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của đảng và nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Học viện tổ chức kịp thời, thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cho sinh viên, và giáo dục quy chế của Nhà trường cho người học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo [H6.6.6.1].

Học viện đã xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách, pháp luật và các quy định, quy chế, đạo đức, lối sống lành mạnh trong tuần “tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu năm học theo hướng dẫn của vụ Công tác học sinh, sinh viên [H6.6.4.2]. Phòng Công tác chính trị đã triển khai nhiều chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng, quy chế, đạo đức, lối sống cho người học. Hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, đường lối chính sách của Đảng rất phong phú, sinh động phù hợp với người học: Giáo dục bằng hệ thống các khẩu hiệu, pano, tranh cổ động trong khuôn viên học viện [H6.6.6.2], thông qua các buổi báo cáo, trao đổi về giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên [H6.6.6.3], qua sinh hoạt của tổ chức đoàn, sinh

hoạt lớp, giao ban sinh viên tại các khoa [H6.6.6.4], tổ chức thi tìm hiểu chính sách, pháp luật [H6.6.6.5], triển khai sinh viên tham gia cuộc thi “sinh viên với an toàn giao thông” [H6.6.6.6]. Học viện tổ chức tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII, các nghị quyết TW (khóa XII), Các chính sách của nhà nước với sinh viên, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo chỉ thị số 11/ CT-TTg, Đổi mới giáo dục đào tạo; Giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục đạo lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên theo Quyết định 1501/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ; Giáo dục Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Học viện tổ chức 4 lần /năm nói chuyện chuyên đề về: Tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chuyên đề về văn hóa ứng xử cho sinh viên, Phòng chống ma túy; an toàn giao thông. Mời các báo cáo viên có uy tín về báo cáo như PGS Nguyễn Viết Thông, Hội đồng lý luận Trung ương, PGS Ngô Văn Thọ, Ban Tuyên giáo Trung ương, GS Hoàng Chí Bảo, phó Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, nhà Thơ Trần Đăng Khoa, Ban Văn hóa văn nghệ Đài tiếng nói Việt Nam [H6.6.6.7].

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên của Học viện đã xây dựng chương trình tập huấn cán bộ Đoàn, Hội và cung cấp tài liệu tập huấn như: Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, học viện có nhiều hoạt động tuyên truyền đường lối, chính sách của nhà nước và đạo đức lối sống cho sinh viên [H6.6.6.8].

Một trong những hoạt động nổi bật trong công tác tuyên truyền, giáo dục lối sống, đạo đức, chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước là quán triệt nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng năm 2016 [H6.6.6.9].

2. Điểm mạnh

Học viện triển khai kịp thời công tác giáo dục chính sách, pháp luật, đạo đức, lối sống, đường lối chính sách, tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm cho người học; xây dựng nhiều chương trình, kế hoạch giáo dục có nội dung toàn diện, sâu sắc phù hợp với hiện nay.

3. Tồn tại

Các hình thức tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước còn chậm đổi mới, chưa sâu sát đến từng nhóm đối tượng; có lúc chất lượng giáo dục nghị quyết, đường lối chính sách hiệu quả chưa cao nên vẫn còn hiện tượng sinh viên vi phạm quy chế, đạo đức, lối sống.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện triển khai các biện pháp cụ thể, các hoạt động đổi mới nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, quy chế của học viện. Chọn các nội dung giáo dục đảm bảo tính hệ thống, sâu sắc thiết thực phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau. Phát huy vai trò của cố vấn học tập trong giáo dục quy chế cho sinh viên.

Tăng cường sự phối hợp giữa Phòng công tác chính trị, các Khoa chủ quản, tổ chức Đoàn TNCS Học viện và các giảng viên trong việc giáo dục và giám sát thực hiện lối sống, đạo đức, quy chế và chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước tới sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Học viện đã chỉ đạo triển khai việc hỗ trợ hiệu quả để tăng tỷ lệ người học có việc làm; đã hình thành Bộ phận tư vấn, hỗ trợ và việc làm cho người học trực thuộc Phòng Công tác chính trị [H6.6.7.1]. Phòng đã thành lập bộ phận thường trực kết hợp với Ban Quản lý đào tạo, các phòng, ban chức năng để tư vấn, hỗ trợ người học.

Học viện đã tổ chức đa dạng các hoạt động hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm bồi dưỡng kỹ năng phỏng vấn, viết đơn xin việc, xử lý các tình huống giao tiếp khi xin việc [H6.6.7.2], tổ chức hoạt động nâng cao kỹ năng ngoại ngữ [H6.6.7.3], các hoạt động phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp

[H6.6.7.4]. Các hoạt động tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm tổ chức các câu lạc bộ, triển lãm, tham gia viết bài tạp chí, chương trình phát thanh cho sinh viên thuộc các khối ngành Báo chí [H6.6.7.5].

Các hoạt động giúp sinh viên tìm kiếm việc làm bao gồm việc tổ chức cho sinh viên tham gia hội chợ việc làm [H6.6.7.6], phối hợp với các đơn vị tuyển dụng lao động để tổ chức tọa đàm, tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên, giới thiệu vị trí và tiêu chuẩn tuyển dụng [H6.6.7.7], thường xuyên đăng tải các quảng cáo tuyển dụng phù hợp với các ngành nghề đào tạo của Học viện lên website [H6.6.7.8].

Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp cho thấy trên 50% sinh viên có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành tăng dần theo năm [H6.6.8.2], [H6.6.8.3], [H6.6.8.4].

Các chương trình đào tạo đều đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình đào tạo có thể đảm nhiệm [H3.3.2.1].

2. Điểm mạnh

Học viện đã có nhiều biện pháp hỗ trợ hiệu quả cho người học tìm việc đúng ngành nghề đào tạo, có biện pháp cơ bản, có biện pháp trước mắt giúp người học tìm được việc làm. Học viện có bộ phận tư vấn, hướng nghiệp việc làm sinh viên; phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng xin việc, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm, và kỹ năng thực hành nghiệp vụ nhằm tăng khả năng có việc làm đúng ngành nghề đào tạo cho sinh viên. Đồng thời, Học viện cũng chú trọng giới thiệu các cơ hội việc làm cho sinh viên sắp tốt nghiệp thông qua tổ chức hội chợ, website giới thiệu việc làm, phổ biến thông báo của các đơn vị tuyển dụng, v.v.

3. Tồn tại

Các hoạt động hỗ trợ tăng cường kỹ năng thực hành nghiệp vụ tập trung phần lớn cho sinh viên thuộc khối ngành Báo chí; chưa có nhiều hoạt động cho sinh viên thuộc các khối ngành khác.

Việc phối hợp với các đơn vị tuyển dụng trong việc đào tạo các kỹ năng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, các khoa đào tạo sẽ triển khai nhiều hoạt động tăng cường kỹ năng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên các khối ngành khác.

Bộ phận hỗ trợ hướng nghiệp của Học viện sẽ làm đầu mối, cùng với các khoa phối hợp với các đơn vị tuyển dụng sẽ tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm, các khoá học ngắn hạn và hội chợ việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Học viện đã tiến hành khảo sát sinh viên về tình trạng việc làm và thu nhập sau 01 năm tốt nghiệp từ năm 2014 - 2015. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo phụ trách thu thập thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trung tâm đề xuất kế hoạch và làm đầu mối triển khai khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình trạng việc làm sau 01 năm tốt nghiệp. Trung tâm chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và phân tích thông tin về tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên [H4.4.6.5].

Học viện cũng thực hiện khảo sát khả năng tìm việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy trên 50% sinh viên tốt nghiệp của Học viện tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp [H6.6.8.1], [6.6.8.2], [6.6.8.3]. Cụ thể:

Khảo sát sinh viên K31 (tốt nghiệp năm 2015): 77.7% sinh viên có việc làm, trong đó tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành chiếm 61.5% [H6.6.8.2].

Khảo sát sinh viên K32 (tốt nghiệp năm 2016): 86.90% sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, trong đó tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành chiếm 65.60% [H6.6.8.3].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp nhiều khoa đã tìm được việc làm sau một năm tốt nghiệp của Học viện là tương đối cao.

3. Tồn tại

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên ngành đào tạo chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao khả năng tìm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo cho sinh viên tốt nghiệp. Cụ thể, các khoa đào tạo sẽ lập các kế hoạch liên kết với các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo nhằm đảm bảo yêu cầu đầu ra. Bộ phận hỗ trợ việc làm thuộc phòng quản lý sinh viên sẽ tích cực giới thiệu các cơ hội việc làm cho sinh viên sắp ra trường, tăng cường tổ chức các hội chợ việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Hàng năm, 100% sinh viên của Học viện tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học và đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp.

Bộ phận Đảm bảo chất lượng Học viện xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng từ đầu năm học, trong đó nêu rõ các nội dung công việc, đối tượng, phạm vi khảo sát, thời gian dự kiến hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện và các sản phẩm cần có [H4.4.3.1], [H4.4.3.2]. Phiếu khảo sát chất lượng giảng dạy được gửi tới 100% sinh viên sau khi kết thúc môn học thuộc học kỳ I và học kỳ II. Nội dung đánh giá chất lượng giảng viên sau khi kết thúc môn học bao gồm Chuyên môn của giảng viên, phương pháp sư phạm, kiểm tra đánh giá và phẩm chất sư phạm của giảng viên. Bộ phận đảm bảo chất lượng chủ trì, điều phối thực hiện khảo sát, phân tích dữ liệu và báo cáo kết quả khảo sát. Học viện đã xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi của người học,

trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ các đơn vị, mục đích, nội dung lấy ý kiến khảo sát và sử dụng kết quả khảo sát [H4.4.3.1]. Từ năm 2015 - 2016, khảo sát được triển khai trong phần mềm quản lý đào tạo. Kết quả khảo sát chất lượng giảng viên được gửi cho các giảng viên để tham khảo và kịp thời điều chỉnh công tác giảng dạy. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát được gửi tới Ban giám đốc để giám sát chất lượng đào tạo của Học viện, đồng thời có các biện pháp, quyết sách trong việc bồi dưỡng, đổi mới phương pháp giảng dạy [H4.4.3.2].

Việc khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo cũng được thực hiện hàng năm [H3.3.2.6]. 100% sinh viên từ toàn bộ các chương trình đào tạo đại học chính quy của Học viện được lấy ý kiến phản hồi. Nội dung đánh giá chất lượng đào tạo bao gồm mức độ đạt được các kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ đào tạo và chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo. Từ năm học 2016 - 2017, Học viện đã tiến hành khảo sát thông qua bảng hỏi trực tuyến. Kết quả khảo sát theo ngành và chuyên ngành đào tạo được gửi tới các đơn vị để có kế hoạch cải tiến chất lượng. Báo cáo tổng hợp được gửi tới Ban Giám đốc để giám sát chất lượng đào tạo và có các biện pháp quán triệt việc đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình và hoạt động hỗ trợ đào tạo [H3.3.2.6].

2. Điểm mạnh

Học viện đã chú trọng tới việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc môn học và chương trình học. Trong những năm gần đây Học viện đã sử dụng các phần mềm khảo sát nên việc khảo sát được thực hiện nhanh gọn và hiệu quả hơn.

3. Tồn tại

Số lượng sinh viên phản hồi khảo sát qua phần mềm quản lý đào tạo là chưa cao, chưa đồng bộ giữa các lớp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ phối hợp chặt chẽ với các khoa đào tạo và phòng công tác chính trị để thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên trong việc phản hồi về chất lượng

đào tạo nhằm tăng tỉ lệ tham gia phản hồi về môn học và chương trình đào tạo. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học, Trung tâm Khảo thí sẽ phổ biến tới sinh viên về quyền lợi của sinh viên trong việc đánh giá môn học và chương trình đào tạo. Trước mỗi học kỳ, Trung tâm Khảo thí sẽ gửi thông báo tới toàn bộ sinh viên về kế hoạch đánh giá và mục đích đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 6:**

Học viện đã có những biện pháp cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Học viện luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ sinh viên về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khoẻ và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn nghệ - thể dục thể thao trong sinh viên.

Công tác Đảng, đoàn thể của Học viện đã có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên, góp phần rất tích cực vào việc hình thành và định hướng tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống của sinh viên. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của Học viện đã triển khai với nhiều hình thức phong phú, thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Học viện đã có rất nhiều các biện pháp cụ thể đem lại hiệu quả trong việc hỗ trợ học tập và sinh hoạt cho sinh viên; các hoạt động rèn luyện các kỹ năng; hỗ trợ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, Học viện chưa có nhiều phương pháp, hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng mới, có tính đặc thù phù hợp với đặc điểm sinh viên lý luận và báo chí, trong điều kiện hội nhập và đào tạo theo tín chỉ. Hoạt động hỗ trợ, tư vấn tìm việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo còn chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là sự phối hợp với các nhà tuyển dụng; tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên ngành đào tạo chưa cao.

Kết quả Tự đánh giá: 09/09 tiêu chí đạt yêu cầu

0/09 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Chiến lược hoạt động khoa học của Học viện góp phần vào việc bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới nhằm xây dựng, hoàn thiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện, phấn đấu đến năm 2030 là cơ sở định hướng cho hoạt động khoa học của toàn Học viện.

Hoạt động KHCN được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như thực hiện đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở trọng điểm, cấp cơ sở, tổ chức hội thảo khoa học, viết sách, giáo trình, bài báo... tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh, tổng kết thực tiễn về những vấn đề lý luận - thực tiễn quan trọng tại các địa phương, các cấp, các ngành; xây dựng luận cứ cho các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên từng lĩnh vực chuyên môn thuộc thế mạnh của Học viện. Các sản phẩm công bố có xu hướng tăng và xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như xuất bản sách tham khảo, chuyên khảo, đăng tạp chí trong nước và nước ngoài, tham luận Hội thảo khoa học...

Mạng lưới liên kết, hợp tác của Học viện với các tổ chức, cá nhân nhà khoa học trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng và diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt chú trọng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học ở các ngành khoa học là thế mạnh của Học viện: Lý luận chính trị, Công tác tư tưởng, Báo chí – Truyền thông và xã hội học. Nhờ đó, trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên được nâng cao, uy tín của Học viện được khẳng định trong cộng đồng nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có chiến lược NCKH cho từng giai đoạn phát triển và được chi tiết hóa cho các năm. Trong đó các kế hoạch NCKH luôn được ban hành và triển khai chi tiết hóa cho từng năm cụ thể.

Chiến lược khoa học phát triển của Học viện đến năm 2030 là nhấn mạnh đến mục đưa nhà trường trở thành một trung tâm đào tạo giao lưu, trao đổi học thuật và nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Trên cơ sở chiến lược phát triển, Học viện tổng kết hoạt động KH-CN theo định kỳ 5 năm phù hợp với sứ mạng của HVBC&TT và hằng năm, đồng thời xây dựng định hướng cho giai đoạn tiếp theo [H7.7.1.1], [H7.7.1.2].

Kế hoạch hoạt động NCKH của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã và đang thể hiện là phù hợp với “*Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

Kế hoạch NCKH được lập hàng năm gồm kế hoạch NCKH của cán bộ, giảng viên [H7.7.1.3] và kế hoạch hoạt động sinh viên NCKH [H7.7.1.4]. HVBC&TT đã triển khai hoạt động KH-CN theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

Đối với NCKH của cán bộ, giảng viên: HVBC&TT đã ban hành kế hoạch hoạt động khoa học kèm theo danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở, ký các hợp đồng NCKH cấp cơ sở đối với các chủ nhiệm đề tài [H7.7.1.5]. Bên cạnh đó, trên cơ sở thông báo của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước như Hội đồng lý luận TW, HVCTQG HCM, Bộ KH&CN; HVBC&TT thông báo, động viên, tạo điều kiện và hỗ trợ các nhà khoa học tham gia đề xuất và đấu thầu đề tài NCKH cấp nhà nước, cấp bộ. Đối với các đề tài cấp cơ sở, số lượng các đề tài phụ thuộc vào nguồn ngân sách được cấp và được Học viện xét duyệt chặt chẽ các đề tài phù hợp với nhu cầu và định hướng phát triển. Học viện thành lập các hội đồng có chuyên môn sâu đối với các khoa; đối với các phòng ban chức năng thì thành lập hội đồng có sự tham gia của lãnh đạo các phòng chức năng.

Bảng 1:**Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm
(2013-2017)**

STT	Đề tài cơ sở	Đề tài cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2013	87	27	28	4	1
2014	97	26	17	3	1
2015	103	26	26	3	
2016	75	29	30	4	1
2017	106	30	30	3	1

Đối với NCKH của sinh viên: hàng năm HVBC&TT đều tổ chức thành lập các hội đồng để xét duyệt tuyển chọn ra một đến hai đề tài đạt loại xuất sắc để gửi đi dự thi NCKH sinh viên của Bộ KHCN tổ chức.

Bảng 2:**Công trình NCKH của sinh viên tương ứng với kế hoạch trong 5 năm
(2013-2017)**

Năm	Số lượng	Số lượng sinh viên tham gia
2013	28	140
2014	17	85
2015	26	130
2016	30	150
2017	30	150

Trong 5 năm qua (2013-2017), tất cả các đề tài của cán bộ, giảng viên và sinh viên đều được nghiệm thu thông qua hết. Một số đề tài được hội đồng cho phép xã hội hoá công trình và một số đề tài của cán bộ và sinh viên được giải NCKH.

2. Điểm mạnh

Hoạt động xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ kinh phí của Đảng uỷ và Ban Giám đốc của HVBC&TT. Các hoạt động KHCN được diễn ra đa dạng, dưới nhiều hình thức, phù hợp với định

hướng phát triển của HVBC&TT thành một trung tâm đào tạo chất lượng cao, trao đổi học thuật, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Tồn tại

Học viện chưa xác định một số định hướng nghiên cứu chiến lược xa hơn nên chưa tập trung đầu tư nguồn lực.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ giao Ban QLKH chỉnh sửa, bổ sung chiến lược nghiên cứu khoa học trong đó xác định các mũi nghiên cứu chiến lược, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh; xây dựng quy định và cơ chế hỗ trợ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch hoạt động NCKH [H7.7.1.3], [H7.7.1.4], HVBC&TT đã tổ chức thực hiện và nghiệm thu các đề tài theo kế hoạch. Việc thực hiện nhiệm vụ NCKH của mỗi cán bộ, giảng viên đã được quy định cụ thể thành định mức giờ trong quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT. [H10.10.1.5]. Trong giai đoạn năm 2013-2017, HVBC&TT đã chủ trì thực hiện 758 đề tài, trong đó có 4 đề tài cấp nhà nước và tiến hành nghiệm thu 753 đề tài, trong đó có 2 đề tài cấp nhà nước. Số lượng của đề tài năm sau thường cao hơn năm trước [H7.7.2.1], [H7.7.2.3], [H7.7.2.4]. 100% đề tài, dự án được đảm bảo đủ nguồn lực và tổ chức thực hiện: 100 % các đề tài NCKH của Nhà trường đều đảm bảo được xây dựng và phát triển dựa trên kế hoạch NCKH đã được chi tiết hóa theo từng năm đã được ban hành và triển khai [H7.7.1.3], [H7.7.1.4].

Đối với các đề tài NCKH cấp HVBC&TT, trên cơ sở danh mục đề tài NCKH được phê duyệt, Học viện ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài NCKH cấp HVBC&TT [H7.7.2.1]. Việc quản lý thực hiện đề tài được quy định rõ trong hợp đồng giữa HVBC&TT và chủ nhiệm đề tài. Việc kiểm tra tiến độ được thực hiện 2 lần trong một năm, đảm bảo đề tài được hoàn thành đúng thời hạn và chất

lượng [H7.7.2.2]. Tất cả các đề tài đều được nghiệm thu theo đúng quy chế quản lý hoạt động khoa học. Các đề tài NCKH các cấp được nghiệm thu đúng thời hạn, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu và sản phẩm đề ra [H7.7.2.3], [H7.7.2.4], [H7.7.2.5].

Bảng 3: Số lượng đề tài NCKH đã nghiệm thu trong 5 năm (2013 - 2017)

STT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2013	2014	2015	2016	2017
1	Đề tài cấp NN	1	1			
2	Đề tài cấp Bộ	4	3	3	4	
3	Đề tài cấp CSTĐ	27	26	26	29	30
4	Đề tài cấp CS	87	97	103	75	106
5	Đề tài sinh viên	28	17	26	30	30

Số lượng đề tài NCKH được nghiệm thu đạt chất lượng ngày càng cao.

Bảng 4. Số lượng đề tài NCKH gia hạn trong 5 năm (2013 - 2017)

STT	ĐỀ TÀI NCKH CẤP CƠ SỞ	ĐỀ TÀI NCKH TRÊN CẤP CƠ SỞ	GHI CHÚ
2013	0	0	
2014	0	0	
2015	0	0	
2016	0	0	
2017	0	0	

2. Điểm mạnh

Quy trình đánh giá được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ nguyên tắc và quy trình của các cấp quản lý KH-CN.

3. Tồn tại

Số lượng đề tài NCKH hợp tác quốc tế còn rất khiêm tốn

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ giao Ban QLKH phối hợp với phòng Hợp tác quốc tế tích cực tìm kiếm đối tác quốc tế là các trường đại học hoặc các viện nghiên cứu nhằm tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả:

Phù hợp với định hướng nghiên cứu, định mức giờ chuẩn NCKH (bao gồm việc viết báo trên các tạp chí và tạp chí chuyên ngành) được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế làm việc của HVBC&TT [H2.2.1.2]. Số lượng các bài báo trên tạp chí chuyên ngành gia tăng qua các năm [H7.7.3.1], [H7.7.3.2], [H7.7.3.4]. Trong giai đoạn năm 2013-2017, cán bộ giảng viên Học viện đã thực hiện tổng cộng 842 bài báo khoa học trong đó có 20 bài báo quốc tế, 9 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế và hơn 813 bài báo trong nước. Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 759.5 vượt số đề tài nghiên cứu khoa học.

Tỷ số bài đăng tạp chí trên giảng viên: 3.34 bài báo/giảng viên cơ hữu.

Các đề tài NCKH đều có cam kết về số lượng sản phẩm công bố, ít nhất 3 bài báo/đề tài nhà nước, 2 bài báo/ đề tài cấp Bộ và một bài báo/ đề tài cấp cơ sở trọng điểm. Số lượng sản phẩm công bố là một tiêu chí để đánh giá nghiệm thu đề tài. Trên thực tế, tất cả các đề tài đều đạt và đạt chất lượng cao, nhiều đề tài vượt số lượng bài báo cam kết [H7.7.3.1], [H7.7.3.2], [H7.7.3.3].

Các đề tài NCKH được triển khai đa dạng về nội dung đã có sự gắn kết với định hướng nghiên cứu và phát triển của HVBC&TT về khoa học xã hội và nhân văn [H1.1.1.4]. Đặc biệt, Học viện có chủ trương ưu tiên xét duyệt các đề tài NCKH cấp cơ sở trực tiếp phục vụ hoạt động đào tạo, nên mức kinh phí dành cho các đề tài giáo trình cũng cao hơn các đề tài cho khối các phòng ban phục vụ hoạt động quản lý của nhà trường. Các bài báo đăng tải trên các tạp chí trong nước và quốc tế cũng phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của

HVBC&TT [H7.7.3.1], [H7.7.3.3], [H7.7.3.4]. Tuy nhiên, việc thống kê và lưu trữ các bài báo còn chưa được thực hiện, đầy đủ do công tác báo cáo, thống kê về NCKH chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Số lượng bài báo của cán bộ trong Học viện được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế hằng năm vượt số lượng các đề tài quy đổi mà trường thực hiện và có xu hướng gia tăng vào những năm gần đây (từ năm 2016 đến năm 2017 tăng 50%) [H7.7.3.1], [H7.7.3.3], [H7.7.3.4].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các bài báo trong nước và tạp chí lý luận chính trị truyền thông của HVBC&TT ngày càng được nâng cao. Số lượng các bài công bố quốc tế có xu hướng gia tăng. Các hội thảo quốc gia quốc tế ngày càng tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng.

3. Tồn tại

Việc thống kê và lưu trữ các bài báo của giảng viên chưa được thực hiện, đầy đủ do công tác báo cáo, thống kê về NCKH chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban QLKH sẽ tăng cường thực hiện kê khai giờ NCKH và nâng cao công tác thống kê, lưu trữ các bài báo của giảng viên và cán bộ nhằm đưa lên trang Website của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4: Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp khoa học mới, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

1. Mô tả

100% đề tài NCKH của Học viện thực hiện trong giai đoạn 2013 - 2017 được hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học [H7.7.2.1], [H7.7.2.2], [H7.7.2.3], [H7.7.2.4], [H7.7.2.5]. Giai đoạn 2013-2017, Học viện đã chủ trì thực hiện 4 đề tài Nhà nước (2 đề tài đã nghiệm thu và 02 đề tài đang triển khai), 3 đề tài quỹ NAFOSTED. Các đề tài này có những đóng

góp mới cả về lý luận và các kiến nghị thực tiễn với các cơ quan có liên quan thông qua Bộ KH-CN, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho các quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là các đề tài nghiên cứu giải quyết những vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế - xã hội không những của địa phương mà còn của cả nước [H7.7.4.1]. Các đề tài Nhà nước và đề tài quỹ NAFOSTED có bài báo quốc tế có chỉ số tác động (IF) cao trong các tạp chí ISI, Scopus [H7.7.4.2].

Do đặc trưng của các đề tài NCKH về khoa học xã hội nói chung khó có thể chuyên giao trực tiếp cho các doanh nghiệp, tổ chức dưới hình thức hợp đồng chuyên giao công nghệ, nên HVBC&TT chú trọng đến việc công bố các kết quả nghiên cứu [H7.7.4.2].

2. Điểm mạnh

100% đề tài của Nhà trường thực hiện đều được Hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học. Trong đó đặc biệt là 2 đề tài Nhà nước và 3 đề tài quỹ NAFOTED, là các đề tài được cộng đồng khoa học đánh giá có đóng góp mới và đều có những bản kiến nghị đến các cơ quan nhà nước, trực tiếp và gián tiếp thông qua Bộ KH-CN.

3. Tồn tại

Do đặc trưng của các đề tài NCKH về khoa học xã hội nói chung, Học viện chưa có các hợp đồng chuyên giao tri thức với các doanh nghiệp, tổ chức.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban Quản lý khoa học sẽ xây dựng kế hoạch xác định các nhóm nghiên cứu ứng dụng cao, tìm kiếm các hợp đồng chuyên giao tri thức với các nhà xuất bản, các cơ quan truyền thông, v.v.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Học viện luôn khuyến khích, động viên toàn thể cán bộ, giảng viên tích cực tham gia đề xuất, đấu thầu thực hiện các đề tài NCKH. Bên cạnh nguồn thu

từ NSNN cấp qua HVCTQGHCM, HVBC&TT luôn chủ động bổ sung các nguồn thu cho NCKH từ Bộ KHCN, Hội đồng lý luận TW. Nhờ đó, nguồn thu dành cho NCKH luôn duy trì và ổn định qua các năm [H7.7.5.1].

HVBC&TT cũng dành nguồn kinh phí đáng kể cho hoạt động NCKH hàng năm. Để đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn thu từ NCKH nói trên, HVBC&TT đều trích một phần để phục vụ việc kiểm tra, đánh giá và khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên các hoạt động NCKH đảm bảo chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học. Các định mức chi cho khen thưởng, kiểm tra, đánh giá được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ [H7.7.5.2].

Tuy nhiên, Học viện chưa tạo ra được nguồn thu cho NCKH từ các tổ chức, doanh nghiệp mà chủ yếu vẫn phụ thuộc vào nguồn NSNN.

Tổng kinh phí thu được từ các đề tài cấp bộ và cấp nhà nước trong 5 năm là 14.313.000.000 đ.

Hiện nay, Học viện có nhiều dự án hợp tác với nước ngoài, trong đó có các phần dành cho NCKH. Cụ thể như : Thỏa thuận hợp tác Đề tài nghiên cứu quốc tế với Đại học Tổng hợp Viên (CH Áo); Hợp tác liên kết đào tạo Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh); Dự án nghiên cứu Truyền thông về lịch sử trong không gian quốc tế với Đại học Tổng hợp Viên (CH Áo); Hợp tác và trao đổi học thuật với Khoa Truyền thông và Báo chí, Đại học Korea (Hàn Quốc); Tổ chức các Hội thảo khoa học quốc tế : Đào tạo bồi dưỡng báo chí: Kinh nghiệm Việt Nam và Lào, Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế về nghiệp vụ báo chí điều tra; Đào tạo báo chí truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa; Báo chí với vấn đề biến đổi khí hậu; Chế độ công chức Nhật Bản, Lý thuyết kiến tạo tri thức; Vai trò của báo chí chuyên nghiệp trong một thế giới kết nối; tọa đàm: *Kinh nghiệm sản xuất phim tài liệu của Australia* với ĐSQ Australia; Hội thảo “*Báo chí về đề tài chiến tranh*” liên kết với Hội Nhà báo Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, Truyền hình Viettel ; Hội thảo khoa học “*Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập*” liên kết với Đại học Catholic Hoa Kỳ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học - xã hội Việt Nam...

Nhờ đó, không chỉ gia tăng nguồn kinh phí nước ngoài cho NCKH mà còn nâng cao năng lực NCKH của giảng viên trong HVBC&TT [H7.7.6.3].

Tổng kinh phí thu được từ các hoạt động nghiên cứu hợp tác quốc tế trong 5 năm là 1.682.000.000 đ.

BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU TỪ ĐOẠN ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng
1	Nguồn thu từ các đề tài	3005	2885	2388	2725	3310	14313
	Cấp bộ, cấp trọng điểm	1900	980	1200	1360	1910	7350
	Cấp nhà nước, nafosted và các đơn vị khác	1105	1905	1188	1365	1400	6963
2	Thu từ các hoạt động hợp tác quốc tế (đề tài Áo)				701	981	1682
	Tổng cộng	3005	2885	2388	3426	4291	15995

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ về tài chính của HVBC&TT. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước cho NCKH khá đa dạng, không chỉ từ HVCTQGHCN mà còn từ Bộ KH-CN. HVBC&TT đã có nhiều dự án quốc tế, tạo nguồn kinh phí thực hiện các đề tài NCKH.

3. Tồn tại

Học viện chưa tạo ra được nguồn thu cho NCKH từ các tổ chức, doanh nghiệp mà chủ yếu vẫn phụ thuộc vào nguồn NSNN.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban QLKH sẽ xây dựng phương án phát huy các nhóm nghiên cứu mạnh để phát triển đội ngũ chủ nhiệm đề tài có khả năng đề xuất và đấu thầu thành công các đề tài, dự án NCKH; chuyển giao tri thức cho các công

ty, doanh nghiệp truyền thông, đài phát thanh truyền hình, nhà xuất bản nhằm tăng nguồn thu từ NCKH.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6: Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động NCKH đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều có kế hoạch và thực hiện các đề tài cơ sở phục vụ nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và các đề tài nghiên cứu khoa học trực tiếp phục vụ hoạt động giảng dạy ở Học viện [H7.7.6.1], [H10.10.1.2]. Kết quả nghiên cứu được sử dụng trong bài giảng của giảng viên, điều chỉnh chương trình đào tạo...

Học viện có sự hợp tác và phối hợp thực hiện nghiên cứu khoa học với các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo và cá nhân các nhà khoa học bên ngoài Học viện [H7.7.6.2], [H7.7.6.3]. Hội đồng nghiệm thu đề tài đều có sự tham gia của các nhà khoa học bên ngoài Học viện.

Trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ qua tham gia NCKH được nâng cao. Các đề tài cấp cơ sở trọng điểm đều cam kết góp phần đào tạo ThS và NCS trong quá trình thực hiện. Nhiều đề tài cấp cơ sở do các giáo viên trẻ, NCS là chủ nhiệm đề tài. Trình độ và năng lực đội ngũ giảng viên được nâng cao trong quá trình thực hiện các hoạt động NCKH. Các hội thảo, tọa đàm khoa học đều có sự tham gia đông đảo của các nhà khoa học đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan TW [H7.7.6.2], [H7.7.6.3]. Các đề tài NCKH cũng góp phần phát triển đội ngũ của HVBC&TT thông qua các hoạt động khảo sát, đào tạo, bồi dưỡng trong khuôn khổ các đề tài này [H7.7.6.4].

Hoạt động NCKH hàng năm cũng góp phần tăng nguồn thu cho Học viện, góp phần bổ sung nguồn học liệu cho Học viện [H7.7.5.1].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp với Học viện trong hoạt động NCKH ngày càng tăng về số lượng, đa dạng về hình thức. Uy tín của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong xã hội và cộng đồng khoa học ngày càng được nâng cao.

3. Tồn tại

Chưa có cơ chế khuyến khích liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tiến hành các hoạt động NCKH. Số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo thông qua việc tham gia các đề tài, dự án KHCN còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng cơ chế khuyến khích liên kết NCKH với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; bổ sung quy định sản phẩm đào tạo đối với mỗi đề tài NCKH, dự án khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước nhằm tăng cường số lượng giảng viên được đào tạo trong và ngoài nước thông qua việc tham gia các đề tài, dự án KHCN.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KHCN theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành quy chế quản lý hoạt động khoa học, theo đó yêu cầu về tiêu chuẩn, năng lực chủ nhiệm đề tài [H2.2.2.13]. Học viện cũng quy định về hình thức, cách trích dẫn, đăng bài trên các tạp chí liên quan đến đề tài... đây được coi là một tiêu chí trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH. Tuy nhiên, quy chế quản lý khoa học vẫn chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực đối với thành viên tham gia nghiên cứu đề tài.

Quy chế quản lý hoạt động khoa học cũng quy định rõ tiêu chuẩn về đạo đức trong NCKH [H2.2.2.13]. Cán bộ, giảng viên Nhà trường luôn có ý thức về đạo đức, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động KHCN.

Việc tăng cường phổ biến, công khai các kết quả NCKH tại Website HVBC&TT, tạp chí, lưu thư viện góp phần quyền đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả NCKH của HVBC&TT. Các đề tài Quỹ Nafosted, đề tài cấp nhà nước, đề tài cấp bộ đạt kết quả tốt được đăng ký bản quyền tại trung tâm thông tin khoa học công nghệ quốc gia [H7.7.2.4], [H7.7.2.5]. Tuy nhiên, Học viện chưa xây dựng biện pháp cụ thể để đảm bảo thực thi đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH.

2. Điểm mạnh

Cán bộ, giảng viên HVBC&TT luôn có ý thức về đạo đức, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động KH-CN; trong những năm qua HVBC&TT không có trường hợp nào vi phạm về tiêu chuẩn đạo đức và quyền sở hữu trí tuệ.

3. Tồn tại

Học viện đã có các quy định tuy nhiên chưa thật đầy đủ về tiêu chuẩn năng lực đối với thành viên tham gia nghiên cứu đề tài cũng như việc đảm bảo thực thi đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Ban QLKH sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động khoa học mục quy định về tiêu chuẩn năng lực đối với thành viên tham gia đề tài và tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động KH-CN, quy định về quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Học viện luôn chú trọng tới hoạt động KH-CN của cán bộ, giảng viên và người học. Các hoạt động KH-CN diễn ra đa dạng, dưới nhiều hình thức, phù hợp với định hướng phát triển nhà trường thành một trung tâm đào tạo có chất lượng cao, trung tâm giao lưu, trao đổi học thuật với các nước trên thế giới. Số lượng công trình NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng tăng. Hoạt động KH-CN đã thu hút được sự tham gia đông đảo của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Đa số các công trình nghiên cứu đều được xuất bản thành sách tham khảo, chuyên khảo. Các tổ chức cá nhân trong nước và quốc tế tham gia

phối hợp với HVBC&TT trong hoạt động NCKH ngày càng tăng về số lượng, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung.

Tuy nhiên, Học viện chưa phát huy hết khả năng và năng lực của nhóm nghiên cứu mạnh để tập trung đầu tư đào tạo nguồn nhân lực NCKH có chất lượng cao; chưa tạo ra nguồn thu cho NCKH từ các tổ chức, chưa xây dựng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thực thi đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH của toàn HVBC&TT.

Kết quả Tự đánh giá: 06/07 tiêu chí đạt yêu cầu

01/07 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

TIÊU CHUẨN 8

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo các quy định của pháp luật, Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Quy chế quản lý hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Trong 5 năm từ 2013-2017, hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền không xảy ra sai phạm gì.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Học viện có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác liên kết đào tạo; nghiên cứu quốc tế; các chương trình trao đổi giảng viên và người học; các chương trình bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ; các hoạt động tham quan khảo sát; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện đánh giá là khâu đột phá, tạo ra động lực mới cho sự phát triển của Học viện. Trong 05 năm vừa qua, hoạt động hợp tác quốc tế tập trung vào việc nâng cao năng lực cho giảng viên, sinh viên; tăng cường trao đổi học thuật và hợp tác đào tạo.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện về nghiên cứu khoa học được thực hiện có hiệu quả, thể hiện qua các dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa

học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học và công bố các công trình khoa học chung.

Tiêu chí 8.1: Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo quy định của nhà nước, tham chiếu các văn bản như Nghị định số 73/2012/NĐ-CP, ngày 26/9/2012 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 78/2008/NĐ-CP ngày 17/7/2008 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật... đối với chương trình liên kết đào tạo quốc tế và các chương trình hợp tác khác. Trong 5 năm gần đây, Học viện không có vụ việc gì vi phạm quy định về công tác hợp tác quốc tế.

Hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền tuân thủ Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, bao gồm các nguyên tắc, yêu cầu, thủ tục và quy trình trong Quy chế đối với các hoạt động: đoàn ra; đoàn vào; hội thảo và tọa đàm quốc tế; các dự án nghiên cứu quốc tế; các dự án liên kết đào tạo và bồi dưỡng và công tác quản lý lưu học sinh Lào [H8.8.1.1].

Từ tháng 7/2014, Phòng Hợp tác quốc tế được quyết định tách khỏi Ban Quản lý khoa học và trở thành đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc [H8.8.1.2] [H1.1.1.3]. Ngày 04 tháng 4 năm 2017, Học viện đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.2.15] phù hợp với các quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã quy định rõ cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phối hợp trong công tác hợp tác quốc tế. Cụ thể, Đảng ủy, Ban Giám đốc quyết định các chủ trương, định hướng hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, đàm phán và ký kết các văn bản hợp tác quốc tế.

Phòng Hợp tác quốc tế là đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc đồng thời điều phối và quản lý thống nhất hoạt động hợp tác quốc tế trong Học viện. Văn phòng, Ban Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch Tài vụ, Ban Quản lý khoa học; Ban Quản lý đào tạo và các đơn vị liên quan được Giám đốc phân công triển khai/phối hợp triển khai các chương trình, đề án, hoạt động hợp tác quốc tế theo chức năng chuyên biệt của từng đơn vị [H2.2.2.15].

Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo 3 bước: xin phép tổ chức; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả. Các hoạt động đoàn ra, đoàn vào và tổ chức hội thảo sẽ được tiến hành theo trình tự như sau: (1) Các cá nhân/đơn vị có nhu cầu làm đề xuất nêu rõ mục đích, thời gian, nội dung, thành phần và kinh phí thực hiện; (2) Phòng Hợp tác quốc tế nghiên cứu đề xuất, đối chiếu với văn bản quản lý; tham khảo ý kiến các đơn vị liên quan trước khi trình Giám đốc xem xét cho ý kiến; (3) Sau khi có chủ trương của Giám đốc, phòng Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị liên quan trình Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt; (4) Sau khi được phê duyệt bởi Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phòng Hợp tác quốc tế sẽ phối hợp, hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức hoạt động và (5) Sau khi kết thúc hoạt động, Phòng Hợp tác quốc tế phối hợp các đơn vị liên quan để báo cáo kết quả với Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H2.2.2.15].

Ngoài việc báo cáo theo từng hoạt động cụ thể, việc báo cáo Ban Giám đốc về hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện hàng tháng, hàng quý. Báo cáo nêu rõ những việc đã và đang triển khai theo kế hoạch, ưu điểm và hạn chế trong thực hiện. Báo cáo đối với Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện đều đặn theo từng giai đoạn về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế... [H8.8.1.3].

Để ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Phòng Hợp tác quốc tế đã tiến hành lấy ý kiến của các đơn vị liên quan về dự thảo quy chế. Dự thảo quy chế được gửi đến tất cả các đơn vị trong Học viện để lấy góp ý trước khi tổ chức thảo luận với các bộ phận

liên quan. Sau khi thống nhất và hoàn thiện, Quy chế đã được phát hành đến toàn bộ các đơn vị trong Học viện và thông báo trên website của nhà trường: <http://ajc.hcma.vn> để thực hiện. [H8.8.1.4] [H8.8.1.5].

Cán bộ, viên chức của trường tham gia các chuyến công tác, các chương trình nghiên cứu, tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng... có trách nhiệm thực hiện đúng chương trình làm việc và có báo cáo sau khi kết thúc. Mục a, khoản 3 của Điều 10 Quy chế Hợp tác quốc tế quy định rõ, “Trong vòng 7 ngày làm việc sau khi kết thúc chương trình công tác tại nước ngoài, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm báo cáo Ban Giám đốc (qua Phòng Hợp tác quốc tế) kết quả thực hiện đoàn” [H2.2.2.15]. Sau khi nhận được báo cáo của đơn vị, cá nhân báo cáo kết quả chương trình công tác, Phòng Hợp tác quốc tế tổng hợp và làm báo cáo trình Ban Giám đốc thông qua trước khi gửi Vụ Hợp tác quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được bám sát các quy định của pháp luật, triển khai theo đúng quy định của Nhà nước; Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế phân định rõ vai trò, trách nhiệm của Phòng Hợp tác quốc tế và các bộ phận liên quan đồng thời được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị và cá nhân để thực hiện. Quy chế làm cơ sở cho việc quản lý thống nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động và thống nhất cơ chế phối hợp.

3. Tồn tại

Năm 2017, Học viện đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước trong điều kiện đặc thù của mình. Tuy nhiên, khi phổ biến Quy chế đến các đơn vị, một số đơn vị không thông báo đến toàn bộ cán bộ, giảng viên.

Bên cạnh đó, việc phối hợp thống kê số liệu giữa Phòng Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan chưa được chặt chẽ, ví dụ, phối hợp với Ban Tổ chức Cán bộ trong việc thống kê, theo dõi cán bộ đi nước ngoài học tập, thăm thân và

du lịch; phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài vụ trong rà soát số liệu tài chính chi cho hợp tác quốc tế...

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ tiếp tục phổ biến Quy chế hợp tác quốc tế đến các cá nhân để mọi người hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm của mình đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị thực hiện tốt hoạt động hợp tác quốc tế theo các quy định hiện hành.

Trong năm 2018, Học viện sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện chiến lược hợp tác quốc tế đồng thời chỉnh sửa, bổ sung Quy chế quản lý hợp tác quốc tế cho sát với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện đánh giá là “khâu đột phá, tạo ra động lực mới cho sự phát triển của Học viện” [H8.8.2.1]. Trong 5 năm từ 2013-2017, hoạt động hợp tác quốc tế được mở rộng về quy mô và tăng cường về hiệu quả. Các hoạt động hợp tác quốc tế chính bao gồm liên kết đào tạo quốc tế; nghiên cứu khoa học quốc tế; tổ chức các đề án nâng cao năng lực cán bộ; ký kết các văn bản hợp tác...

Từ năm 2013 đến năm 2017, Học viện đã ký kết tổng cộng 10 Thỏa thuận và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế [H8.8.2.2]. Các thỏa thuận và biên bản hợp tác chủ yếu về liên kết đào tạo quốc tế, trao đổi giảng viên, hợp tác nghiên cứu... với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Áo), Đại học Korea (Hàn Quốc), Đại học Minh Trị (Nhật Bản), Viện Văn hóa, Thông tin và Du lịch (Lào)...

Học viện có 7 chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế, bao gồm: (1) Chương trình trao đổi giảng viên với Đại học Stockholm (Thụy Điển); (2) Đề án

Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý báo chí – truyền thông với Viện Văn hóa, Thông tin và Du lịch Lào (CHDCND Lào); (3) Đề án đưa giảng viên và nghiên cứu sinh đi thực tập với Đại học Tổng hợp Viên và Báo Wiener Zeitung (Cộng hòa Áo); (4) Đề tài nghiên cứu quốc tế với Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo); (5) Lớp học trực tuyến Global eSchool với Quỹ Quốc tế Hàn Quốc; (5) Đề án Nâng cao năng lực đào tạo báo chí và truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc và (7) Đề án liên kết đào tạo Chương trình cử nhân quốc tế với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) [H8.8.2.3]. Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông được thực hiện từ năm 2016, đã tuyển sinh được 2 khóa với tổng cộng 31 sinh viên [H8.8.2.4].

Từ năm 2013 đến năm 2017, Học viện đã tổ chức tổng cộng 54 đoàn ra với 218 lượt người [H8.8.2.5]; 83 đoàn vào với 259 lượt người [H8.8.2.6]; 10 hội thảo với 78 đại biểu quốc tế [H8.8.2.7]. Học viện đã thực hiện 2 chương trình trao đổi học thuật [H8.8.2.8]; 5 đoàn đi giảng dạy tại nước ngoài với 5 lượt giảng viên [H8.8.2.9]; 4 đoàn sinh viên, nghiên cứu sinh đến các trường đối tác giao lưu/trao đổi với 8 lượt người [H8.8.2.10].

Đối với đoàn vào, Học viện đã đón 40 đoàn đến giảng dạy với 45 lượt chuyên gia [H8.8.2.11] và 1 đoàn sinh viên đến giao lưu/trao đổi tại Học viện với 3 lượt người [H8.8.2.12]. Ngoài ra, Học viện có 1 đề tài nghiên cứu đã được ứng dụng vào thực tế và đánh giá, 1 công trình công bố chung với nước ngoài và 4 bài báo khoa học đã công bố chung với đối tác nước ngoài [H8.8.2.13] [H8.8.2.14] [H8.8.2.15].

Học viện đang đào tạo 94 lưu học sinh Lào, trong đó có 3 nghiên cứu sinh, 13 học viên cao học và 78 sinh viên đại học chính quy [H8.8.2.16]. Trong 05 năm vừa qua, Học viện đã đào tạo và cấp bằng cho tổng cộng 178 lưu học sinh [H8.8.2.17].

Từ năm 2013 đến năm 2017, Học viện đã cử 80 lượt cán bộ giảng viên đi bồi dưỡng ngắn hạn tại nước ngoài [H8.8.2.18] và 13 cán bộ đi học tại nước ngoài (bao gồm 1 cán bộ tham gia khóa học sau Tiến sĩ, 7 cán bộ theo học

chương trình Tiến sĩ và 5 cán bộ theo học chương trình Thạc sĩ), trong đó có 7 cán bộ được nhà nước tài trợ kinh phí [H8.8.2.19].

Hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thực hiện theo hướng hiệu quả, mang lại nguồn lợi và kinh phí cho nhà trường. Trong giai đoạn 2013-2017, Học viện đã chi 7.653.000.000 VNĐ (Bảy tỉ sáu trăm năm mươi ba triệu đồng) cho hoạt động hợp tác quốc tế từ kinh phí thường xuyên của nhà nước [H8.8.2.20]. Học viện đã nhận được tương đương 2.246.000.000 VNĐ (Hai tỉ hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) từ các đề án chương trình hợp tác quốc tế [H8.8.2.21].

Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và truyền thông cũng đã thu được 1.899.200.000 VNĐ (Một tỉ tám trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và chi hết 839.516.487 VNĐ (Tám trăm ba mươi chín triệu năm trăm mười sáu nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng) trong năm 2016 và 2017 [H8.8.2.22]. Đề tài nghiên cứu quốc tế với Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) đã tài trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Học viện với tổng cộng 12 loại thiết bị, trị giá 281.371.200 VNĐ (Hai trăm tám mươi một triệu ba trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng) [H8.8.2.23].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được đa dạng hóa, phát triển theo chiều sâu với sự cam kết chặt chẽ của các đối tác quốc tế như Đại học Tổng hợp Viên, Đại học Middlesex, Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc...

Các hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học được mở rộng, góp phần nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu và giảng dạy cho Học viện. Các chương trình hợp tác liên kết đào tạo bắt đầu được triển khai theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Các đoàn ra và đoàn vào được đa dạng hoá và tăng cường sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các trường đại học và tổ chức quốc tế. Các nguồn lực được huy động và sử dụng hiệu quả cho các hoạt động hợp tác quốc tế. Các nguồn kinh phí từ tài trợ nước ngoài và kinh phí tự chủ có xu hướng tăng.

3. Tồn tại

Hợp tác quốc tế chủ yếu tập trung trong khối nghiệp vụ về báo chí, truyền thông, quan hệ công chúng... trong khi hợp tác trong lĩnh vực lý luận chính trị chưa được mở rộng.

Các nguồn lưu học sinh nước ngoài chủ yếu là lưu học sinh Lào, chưa có chiến lược thu hút lưu học sinh từ các quốc gia khác trong khu vực.

Hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn lực để nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở đề tài nghiên cứu quốc tế về năng lực truyền thông với Đại học Tổng hợp Viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện thống nhất triển khai chương trình bồi dưỡng giảng viên về chính sách công và quản trị công với Đại học Minh Trị (Nhật Bản); tiếp tục thực hiện đề án Nâng cao năng lực đào tạo báo chí và truyền thông với KOICA (Hàn Quốc) và tìm kiếm một số đối tác Trung Quốc mới để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực lý luận chính trị.

Đồng thời, Học viện cần mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia trong khu vực, thu hút lưu học sinh nước ngoài. Học viện cũng sẽ tập trung đa dạng hóa nguồn lưu học sinh nước ngoài và ưu tiên các chương trình hợp tác quốc tế với các cam kết về hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung

1. Mô tả

Trong những năm gần đây hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học nói riêng và hoạt động hợp tác quốc tế nói chung.

Nhiều đề án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được ký kết thực hiện với các trường đại học, các viện nghiên cứu nước ngoài và các đại sứ quán trong nước như hợp tác liên kết với Đại học Tổng hợp Viên, Cộng hòa Áo, Đại sứ quán Đức, Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam...như Trên cơ sở đó, Học viện đã tham gia vào Đề tài nghiên cứu quốc tế “Năng lực truyền thông như năng lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội”, chủ nhiệm bởi Đại học Tổng hợp Viên và tài trợ bởi Liên minh châu Âu [H8.8.3.1]. Đề tài có sự tham gia của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Ngoài ra, Học viện cũng đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết đào tạo Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) theo hình thức nhượng quyền [H8.8.3.2], [H8.8.3.3], [H8.8.3.4]. Dự án nghiên cứu Truyền thông về lịch sử trong không gian quốc tế do GS. TS. Juergen Grimm - Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) làm chủ nhiệm và sự tham gia của PGS. TS. Đỗ Thị Thu Hằng - Phó Trưởng khoa Báo chí và TS. Nguyễn Thị Việt Nga - Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế [H8.8.3.5]; Biên bản ghi nhớ về hợp tác và trao đổi học thuật với Khoa Truyền thông và Báo chí, Đại học Korea (Hàn Quốc) [H8.8.3.6].

Về tổ chức hội thảo và tọa đàm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã phối hợp với các trường đại học, tổ chức hợp tác phát triển tổ chức tọa đàm quốc tế về những vấn đề 2 bên cùng quan tâm. Học viện đã tổ chức 05 hội thảo khoa học quốc tế: *Đào tạo bồi dưỡng báo chí: Kinh nghiệm Việt Nam và Lào* [H8.8.3.7], *Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế về nghiệp vụ báo chí điều tra* [H8.8.3.8], *Đào tạo báo chí truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa* [H8.8.3.9], thu hút sự chú ý của công chúng. Học viện phối hợp với Cơ quan phát triển quốc tế Nhật Bản JICA tổ chức tọa đàm: *Chế độ công chức Nhật Bản, Lý thuyết kiến tạo tri thức* [H8.8.3.10], với Liên minh châu Âu tổ chức tọa đàm: *Vai trò của báo chí chuyên nghiệp trong một thế giới kết nối* [H8.8.3.11], với Đại sứ quán Australia tổ chức tọa đàm: *Kinh nghiệm sản xuất phim tài liệu của Australia* [8.8.3.12].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có kế hoạch phân bổ ngân sách hàng năm cho các hội thảo khoa học quốc tế, ví dụ: Hội thảo “*Báo chí về đề tài chiến tranh*” liên kết với Hội Nhà báo Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, Truyền hình Viettel là 300 triệu đồng [8.8.3.13], Hội thảo khoa học “*Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập*” liên kết với Đại học Catholic Hoa Kỳ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học - xã hội Việt Nam là 100 triệu đồng [8.8.3.14].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có cơ sở dữ liệu lưu trữ, quản lý các đề tài, đề án và sản phẩm nghiên cứu khoa học liên kết với nước ngoài tại Thư viện số của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, bản cứng các sản phẩm đề tài được lưu tại Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên Học viện nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu và giảng dạy đồng thời khai thác các nguồn tư liệu phục vụ dạy học. Hiện tại, Học viện có đội ngũ giảng viên có thể tham gia các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu bằng tiếng nước ngoài

2. Điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã mở rộng các hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu và giảng dạy cho Học viện. Tăng cường sử dụng kinh phí tài trợ cũng như nâng cao hiệu quả cao trong các hoạt động hợp tác khoa học quốc tế về tổ chức Hội thảo khoa học và các Tọa đàm khoa học.

3. Tồn tại

Các liên kết nghiên cứu về đề tài, dự án khoa học trong các lĩnh vực là điểm mạnh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền như lý luận, chính trị còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện giao cho BQLKH và phòng hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch nghiên cứu đề án, đề tài về các chủ đề mà các bên hợp tác cùng quan tâm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 8:**

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai không có vi phạm và theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Các hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học được mở rộng, góp phần nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu và giảng dạy cho Học viện. Các chương trình hợp tác đào tạo bắt đầu được triển khai theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của đối tác quốc tế. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực lý luận chính trị chưa được mở rộng như trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Các liên kết nghiên cứu về đề tài, dự án khoa học còn ít.

Kết quả Tự đánh giá: 03/03 tiêu chí đạt yêu cầu

0/03 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 9

THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ

VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Thư viện của Học viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Học viện có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

Học viện có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Học viện có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo. Học viện cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

Học viện có quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Hiện nay, Thư viện có 21.307 đầu tài liệu (85.324 bản), bao gồm: giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, đề tài NCKH, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp...bằng tiếng Việt và ngoại văn. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên qua các năm khi có ấn bản mới. Tổng số báo và tạp chí khoảng: 200 loại báo ngày, báo tuần, trong đó có khoảng 50 loại tạp chí chuyên ngành để phục vụ theo nhu cầu của bạn đọc [H9.9.1.1], [H9.9.1.2]. Tỷ lệ đầu tài liệu cho một ngành đào tạo là 21.307 đầu tài liệu/ 36 chuyên ngành đào tạo đại học (591 đầu tài liệu/1 chuyên ngành đào tạo đại học). Ngoài ra, Thư viện còn xây dựng được 08 đơn vị dữ liệu (60 bộ sưu tập số hóa) bao gồm giáo trình, sách tham khảo, đề tài NCKH, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, ấn phẩm Thông tin chuyên đề, Tạp chí. Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện được quản lý bằng phần mềm Kipos, Dspace được tra cứu qua hệ thống máy tính và qua mạng internet.

Với số lượng và nội dung vốn tài liệu sách, báo, tạp chí của Thư viện, số đầu tài liệu theo ngành học của Học viện đảm bảo đáp ứng tương đối đầy đủ yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, hiện nay Thư viện vẫn còn hạn chế về nguồn tài liệu (tài liệu điện tử còn ít và chưa có các nguồn tin điện tử).

Từ năm 2013 đến nay, do được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đổi mới phương thức phục vụ, phát triển vốn tài liệu đa dạng cả về hình thức và nội dung nên lượt bạn đọc sử dụng Thư viện tăng hơn với những năm trước [H9.9.1.3]

Năm học 2012 - 2013: khoảng 68.000 lượt bạn đọc/10.850 bạn đọc

Năm học 2013 - 2014: khoảng 71.200 lượt bạn đọc/11.000 bạn đọc

Năm học 2014 - 2015: khoảng 73.000 lượt bạn đọc/11.100 bạn đọc

Năm học 2015 - 2016: khoảng 74.000 lượt bạn đọc/15.100 bạn đọc

Năm học 2016 - 2017: khoảng 75.000 lượt bạn đọc/14.163 bạn đọc

Để nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, Thư viện thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên về khả năng đáp ứng của Thư viện đối với nhu cầu đọc và nghiên cứu tài liệu bằng các hình thức khác nhau. Qua khảo sát hàng năm, giảng viên và sinh viên hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện từ năm 2014 đến năm 2017 ngày càng tăng lên từ 53% lên 58,6% đối với tài liệu truyền thống; tài liệu số từ 53% lên 63% đáp ứng tốt; hình thức sử dụng dịch vụ thư viện có thay đổi: năm 2015 bạn đọc đến mượn tài liệu chiếm tới 85% và đọc tại chỗ chiếm 63%, đến năm 2017 thì số lượng bạn đọc đến đọc tài liệu tăng hơn so với hình thức mượn tài liệu, chiếm 72,04% là đọc tại chỗ và 59,68% là mượn tài liệu về nhà; hình thức sử dụng tài liệu số trên trang Thư viện số cũng tăng lên chiếm 82,6% do sự phát triển của công nghệ thông tin và Thư viện triển khai hình thức phục vụ bạn đọc trên trang Thư viện số [H9.9.1.4].

Năm 2013, Thư viện đã tạo lập trang Thư viện số Dspace và tháng 7 năm 2014 triển khai phục vụ trên mạng internet theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>, đến nay, đã cập nhật được 3643 tài liệu số. Tháng 11 năm 2017, Đề án xây dựng “Phòng Mượn tự chọn” bằng phần mềm Kipos đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với các trang thiết bị hiện đại như: máy chủ, máy trạm, máy scanner, máy in mã vạch..., các thiết bị an ninh (camera quan sát, màn hình, cổng từ)... Thư viện điện tử được truy cập qua mạng internet theo địa chỉ: <http://thuvienajc.hcma.vn>, kết nối với một số thư viện, trung tâm học liệu trong nước và một số cơ sở dữ liệu nước ngoài phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học của nhà trường [H9.9.1.5].

Thư viện số Dspace có tổng lượt truy cập hiện nay là: 152.109 lượt (trung bình 4.750 lượt/1 tháng). Trong những năm trước đây, Thư viện số phục vụ theo hình thức truy cập mở cho tất cả các bạn đọc, không kiểm soát thành viên. Từ tháng 11 năm 2017, yêu cầu bạn đọc truy cập phải có tài khoản, hiện nay Thư

viện số đã cấp tài khoản cho 642 bạn đọc là cán bộ, giảng viên và học viên/sinh viên trong Học viện. Thư viện điện tử được xây dựng trên phần mềm Kipos version 6.x và đưa vào phục vụ từ tháng 1 năm 2018 nên số lượng thành viên chưa nhiều, 171 bạn đọc đăng kí và kích hoạt tài khoản. Tổng lượt truy cập thư viện điện tử là 248.233 lượt [H9.9.1.5].

2. Điểm mạnh

Học viện đã và đang chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện, hệ thống máy chủ cấu hình lớn, đường truyền tốc độ cao. Nguồn lực thông tin ngày càng đa dạng và phong phú (bao gồm cả tài liệu truyền thống và tài liệu số) đảm bảo đáp ứng tương đối đầy đủ những yêu cầu cơ bản của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

3. Tồn tại

Tài liệu của Thư viện mới chỉ đáp ứng được phần nào yêu cầu của các chuyên ngành đào tạo, nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện, đặc biệt thiếu các nguồn tin điện tử (các CSDL); sự phối hợp giữa Thư viện với các Khoa/Bộ môn chuyên môn chưa thực sự hiệu quả trong việc bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo phục vụ các chương trình đào tạo, NCKH và học tập.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Thư viện sẽ phối hợp với Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện kế hoạch bổ sung các nguồn tin điện tử (dự kiến tháng 6/2018 hoàn thành); Tháng 2 năm 2018, Thư viện liên hệ với các Khoa/Bộ môn để bổ sung, cập nhật tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo, NCKH và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Học viện luôn quan tâm đến công tác đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Từ năm 2013 đến năm 2017, Học viện đã tiến hành thay đổi công năng, sửa chữa, cải tạo một số phòng học để tăng cường các phòng học thực hành cho các chuyên ngành đào tạo. Tổng diện tích đất của Học viện là 57.310m² [H9.9.5.2]. Tổng diện tích sàn xây dựng các phòng học, phòng máy tính, Studio, sân thể thao là 25.023m² trên 7619 sinh viên, học viên, bình quân gần 3,28m²/người học [H9.9.5.3].

Các phòng học nhỏ, phòng học lớn được đặt tại các tòa nhà B1, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4 được bố trí hợp lý, bao gồm 01 Hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học từ 100 đến 200 chỗ, 55 phòng học từ 50 đến 100 chỗ, 26 phòng học dưới 50 chỗ, 02 phòng Bảo vệ luận văn.

Các phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B11 cũng được bố trí phù hợp, bao gồm 01 studio truyền hình (gồm 03 phòng thực hành chức năng) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo các chuyên ngành Phát thanh, truyền hình; 01 phòng máy tính thực hành các môn học chuyên ngành Báo Mạng điện tử; 01 phòng máy tính thực hành Xuất bản báo in và 01 phòng Ảnh báo chí chuyên dùng cho chuyên ngành Báo viết và Báo ảnh của Khoa Báo chí với trang thiết bị đồng bộ và hiện đại; 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học dành cho Khoa Giáo dục kiến thức đại cương; 01 phòng thực hành Xuất bản chuyên dùng cho Khoa Xuất bản) [H9.9.2.1].

Số lượng phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành như trên đã đáp ứng đủ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của Học viện [H9.9.2.2]. Tuy nhiên, hiện nay Học viện chưa sắp xếp được địa điểm để sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu trong giờ hành chính.

Hàng năm, qua khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo, người học đều hài lòng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy của Học viện [H3.3.2.6]. Không có ý kiến phàn nàn (được chính thức ghi nhận) của giảng viên về tình trạng thiếu giảng đường, phòng học.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có một bước phát triển vượt bậc trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng đủ kế hoạch đào tạo của nhà trường. Một số phòng học đã được thay đổi công năng, hoạt động để tăng cường các phòng học thực hành cho các chuyên ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Do nhu cầu tự học của sinh viên ngày càng cao, Học viện đã bố trí một số phòng học phục vụ nhu cầu này. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ đáp ứng được nhu cầu tự học của sinh viên vào các buổi tối trong tuần, còn ban ngày Học viện chưa sắp xếp được địa điểm để sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện xem xét đầu tư thêm cơ sở vật chất tại một số phòng học tòa nhà B7 để làm phòng tự học cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo.

1. Mô tả

Công tác đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học luôn được Học viện quan tâm và coi trọng. Trang thiết bị dạy và học trong Học viện bao gồm: máy chiếu, máy vi tính, amply, loa, máy quay phim, máy chụp ảnh, các phụ kiện đi kèm...[H9.9.3.1]. Thiết bị dạy và học luôn được cung cấp bổ sung hàng năm để thay thế các thiết bị đã hỏng, hết thời hạn sử dụng để đảm bảo kế hoạch đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Với các trang thiết bị đã được thống kê, có thể khẳng định trang thiết bị được trang bị tại các phòng học đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, phù hợp với xu thế mới, với phương pháp dạy và học tiên tiến. Hàng năm, Học viện luôn dành một khoản kinh phí lớn để mua sắm trang thiết bị, đầu tư cho các phòng học [H9.9.3.2]. Với quy mô đào tạo hiện tại, trang thiết bị đã đáp ứng được kế hoạch đào tạo của Học viện [H9.9.3.3].

Học viện đã ban hành các nội quy sử dụng phòng học, phòng thực hành máy tính, studio thực hành [H9.9.3.4]. Học viện luôn quan tâm đến việc bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ trang thiết bị trong toàn Học viện, đặc biệt tại các phòng học, đảm bảo việc dạy và học được thông suốt, không ảnh hưởng đến tiến độ cũng như kế hoạch đào tạo của Học viện [H9.9.3.5].

Hàng năm, qua khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo, người học đều hài lòng về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy và học [H3.3.2.6]. Tuy nhiên, vẫn còn một số phòng học nhỏ chưa được lắp đặt máy chiếu, âm thanh cố định, việc sửa chữa hư hỏng đôi lúc còn chậm gây ảnh hưởng cho việc dạy và học.

2. Điểm mạnh

Thiết bị dạy và học luôn được cung cấp bổ sung hàng năm để thay thế các thiết bị đã hỏng, hết thời hạn sử dụng và thiết bị cũng được bảo dưỡng, bảo trì định kỳ theo kế hoạch đã được duyệt.

Việc bảo quản, giữ gìn thiết bị luôn được Học viện quan tâm, do đó việc sử dụng thiết bị rất thiết thực và hiệu quả.

3. Tồn tại

Thiết bị phục vụ việc dạy và học trong Học viện đã được đầu tư khá lớn. Tuy nhiên, vẫn còn một số phòng học nhỏ chưa được lắp đặt máy chiếu, âm thanh cố định, vẫn phải dùng thiết bị di động nên không thuận tiện cho việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện tiến hành việc lắp đặt cố định máy chiếu, màn chiếu, amply, loa cho các phòng học chưa được trang bị, công tác sửa chữa thiết bị hỏng cần tiến hành nhanh và kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

1. Mô tả

Học viện đã cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành:

Hiện tại, Học viện đã trang bị 651 máy tính để bàn và máy tính xách tay. Trong đó, 329 máy tính để bàn và toàn bộ máy tính xách tay phục vụ cho công tác quản lý và nghiên cứu khoa học (trung bình 0,55 máy/cán bộ), số lượng máy in là 188 máy; 322 máy tính phục vụ giảng dạy và học tập; 107 máy chiếu, 70 máy tính hồng [H9.9.4.1].

Học viện có tổng cộng 17 phòng máy tính phục vụ chung cho các chuyên ngành đào tạo toàn trường. Vừa qua, Học viện đã bổ sung thêm một khối lượng lớn các thiết bị tin học phục vụ cho việc học tập của sinh viên: 80 phòng học được trang bị chiếu, 62 phòng được trang bị âm thanh... Ngoài ra, tại phòng trực thiết bị còn có 08 bộ máy chiếu và 10 bộ máy tăng âm rời. Các thiết bị này được sử dụng để phục vụ cho các phòng học chưa được trang bị hệ thống máy chiếu và bộ âm thanh cố định. Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo được giao trách nhiệm quản lý các thiết bị tin học phục vụ cho công tác học tập [H9.9.4.2].

Hiện nay, Học viện đã có hệ thống cáp quang chạy trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Nhà Hành chính trung tâm và Trung tâm Thông tin khoa học đều có hệ thống mạng LAN. Để đảm bảo tính dự phòng ngoài 1 kênh thuê riêng Leased Line (dung lượng 150MB nội địa, 4MB quốc tế), Học viện còn dự phòng một số đường truyền băng thông rộng FTTH (tốc độ download/upload tối thiểu là 40Mbps) cho một số đơn vị phòng ban chức năng như Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo và Ký túc xá sinh viên; hệ thống mạng trong toàn khuôn viên Học viện với 63 bộ phát được lắp đặt tại các tòa nhà: hệ thống mạng LAN tại Nhà Hành chính Trung tâm với hơn 172 PC, mạng LAN nhà B2 với 10PC, hệ thống mạng LAN nhà A2 với 30PC; mạng không dây (Wifi): trong các nhà A1, A2, A3, A4, B1, B5, B6, B8, B9 đảm bảo tín hiệu trong toàn khuôn viên Học viện (trừ trong Hội trường Lớn); khu vực ký túc xá sinh viên [H9.9.4.3].

Hiện Học viện tiếp nhận chuyển giao công nghệ và vận hành đường truyền giao ban trực tuyến giữa các đơn vị trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H9.9.4.4].

Trong toàn bộ khuôn viên và khu vực ký túc xá Học viện đã được tiến hành lắp đặt wifi miễn phí cho sinh viên đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập [H9.9.4.5].

Hiện tại, một số đơn vị của Học viện đã được đầu tư phần mềm chuyên dụng như: phần mềm Quản lý đào tạo; phần mềm Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài vụ); phần mềm Quản lý công văn, phần mềm lưu trữ (Phòng Hành chính); phần mềm Quản lý thư viện, phần mềm Quản lý tài liệu số (Trung tâm Thông tin Khoa học); phần mềm Học ngoại ngữ (cho các phòng Lab); phần mềm chấm thi trắc nghiệm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo)... [H9.9.4.6].

Học viện triển khai cung cấp miễn phí account thư điện tử theo tên miền website ajc.edu.vn cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và người lao động của Học viện; đồng thời triển khai Cổng thông tin nội bộ cho cán bộ, giảng viên thông qua Module Quản lý - Điều hành trên website Học viện, do đó việc trao đổi thông tin được cập nhật nhanh chóng và chính xác, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành [H9.9.4.7].

Hệ thống cáp đã được triển khai lắp đặt đến từng phòng học tại các khu giảng đường B1, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11; 80% máy tính phục vụ học tập được nối mạng. Sinh viên của trường có thể truy cập internet miễn phí qua hệ thống mạng không dây nhờ account cáp riêng.

Các thiết bị tin học cùng với các phần mềm hỗ trợ đã tạo ra môi trường giảng dạy và học tập đa phương tiện kết hợp những hình ảnh, video, âm thanh, văn bản, biểu đồ làm nâng cao chất lượng các hoạt động dạy - học [H9.9.4.8]

2. Điểm mạnh

Số lượng thiết bị tin học hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành được đảm bảo, đồng thời với việc hỗ trợ triển khai

các phần mềm đã tăng thêm tính hiệu quả của các trang thiết bị trong việc hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

3. Tồn tại

Thiết bị tin học và hệ thống mạng được đầu tư theo nhiều giai đoạn nên chưa đồng bộ, kinh phí đầu tư thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy còn ít nên làm giảm chất lượng của các thiết bị.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Học viện giao cho phòng Kế hoạch - Tài vụ cân đối nguồn tài chính để tăng cường kinh phí đầu tư vào trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập; giao Công nghệ thông tin xây dựng các quy định, quy chế về việc quản lý sử dụng, khai thác các thiết bị tin học và mạng internet trong công tác hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành; từng bước khắc phục sự thiếu đồng bộ của các thiết bị CNTT trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại Hà Nội. Tổng diện tích toàn Học viện khoảng 5,7ha [H9.9.5.1]. Học viện đã có bản vẽ quy hoạch tổng thể, trên đó thể hiện các công trình hiện có và các công trình đang và sẽ triển khai xây dựng. [H9.9.5.2]. Học viện đã bố trí phòng học hợp lý. Trong đó, tổng diện tích sử dụng làm lớp học là: 7543,72m² [H9.9.5.3]. Các phòng học được đặt tại các tòa nhà B1, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4 bao gồm 01 Hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học từ 100 đến 200 chỗ, 55 phòng học từ 50 đến 100 chỗ, 26 phòng học dưới 50 chỗ, 02 phòng Bảo vệ luận văn.

Học viện có đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng học ngoại ngữ, phòng lab với trang thiết bị đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học.

Các phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B11 bao gồm 01 studio truyền hình (gồm 03 phòng thực hành chức năng) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo các chuyên ngành Phát thanh, truyền hình; 01 phòng máy tính thực hành các môn học chuyên ngành Báo Mạng điện tử; 01 phòng máy tính thực hành Xuất bản báo in và 01 phòng Ảnh báo chí chuyên dùng cho chuyên ngành Báo viết và Báo ảnh của Khoa Báo chí với trang thiết bị đồng bộ và hiện đại; 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học dành cho Khoa Giáo dục kiến thức đại cương; 01 phòng thực hành Xuất bản chuyên dùng cho Khoa Xuất bản) [H9.9.5.8], [H9.9.5.9], [H9.9.5.10], [H9.9.5.11], [H9.9.5.12], [H9.9.5.13], [H9.9.5.14], [H9.9.5.16], [H9.9.5.17] [H9.9.5.19]...

Học viện có phân công đơn vị lập kế hoạch phân chia giảng đường cho các lớp trong cả năm học. Cơ sở vật chất của Học viện những năm gần đây được trang bị tương đối đầy đủ. Gồm có: 100% các phòng học đều được trang bị máy chiếu. - Học viện có hội trường 800 chỗ ngồi, phục vụ cho hội nghị, hội thảo, tổng kết, giao lưu văn hóa nghệ thuật và các buổi tập văn nghệ cho sinh viên.

Học viện có ký túc xá gồm 203 phòng, đáp ứng chỗ ở cho 980 sinh viên. Ban Giám đốc quy định tiêu chuẩn học viên được nội trú giao phòng Quản lý Ký túc xá triển khai. Ưu tiên sinh viên vùng sâu, vùng xa, đối tượng đặc biệt khó khăn con em gia đình có công với cách mạng. [H9.9.5.4], [H9.9.5.18], [H9.9.5.21], [H9.9.5.22], [H9.9.5.23], [H9.9.5.24]. Học viện đã khởi công xây dựng nhà Ký túc xá A5 với quy mô 1 tầng hầm và 12 tầng nổi, sau khi đưa vào sử dụng có thể đáp ứng cho 1200 sinh viên [H9.9.5.5].

Học viện có 01 sân thể thao, 01 sân tennis phục vụ cho các hoạt động dạy và học thể dục thể thao. Hàng ngày giáo viên và sinh viên của nhà trường giảng dạy và học tập môn Giáo dục thể chất, luyện tập thể dục thể thao [H9.9.5.6], [H9.9.5.20]. Nhà trường có 01 sân khấu di động với diện tích sử dụng 100m² [H9.9.5.7] được trang bị, loa đài, âm ply đầy đủ phục vụ nhu cầu văn hóa văn nghệ của sinh viên

2. Điểm mạnh

Vị trí của Học viện nằm ở khu vực có giao thông thuận lợi cho việc đi lại của giáo viên và học sinh. Học viện được sự quan tâm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về cơ chế điều đó giúp cho Học viện chủ động trong công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học.

3. Tồn tại

Nhu cầu sinh viên nội trú lớn nhưng ký túc xá chưa đáp ứng hết được cho sinh viên. Học viện vẫn đang tiếp tục hoàn thiện việc lập quy hoạch tổng thể từ đó triển khai các công trình phục vụ công tác giảng dạy học tập của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Quyết định 2608/QĐ-HVCTQG phê duyệt chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ 2012 đến 2025 trong đó có xây dựng KTX 12 tầng phục vụ nhu cầu nội trú cho học viên, trung tâm thực hành B7 10.000m².

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư. Tăng cường hợp tác quốc tế tiếp cận kỹ thuật hiện đại.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Tổng diện tích cho khu làm việc của Học viện là 19.630m² [H9.9.6.1]. Tỷ lệ diện tích làm việc trên một cán bộ là 48m² [H9.9.6.3]. Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên của Học viện được bố trí hợp lý tại tòa nhà Hành chính trung tâm, khu nhà B7, khu nhà A3, A4, trung tâm thông tin thư viện A2 và khu Ký túc xá E3 [H9.9.6.2], [H9.9.6.3], [H9.9.6.4], [H9.9.6.5], [H9.9.6.6], [H9.9.6.8].

Học viện có đủ phòng làm việc riêng cho Ban Giám đốc (04 phòng).

Học viện có phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư [H9.9.6.7].

Học viện có phòng làm việc riêng cho chức danh trưởng các đơn vị (01 phòng).

Học viện phòng làm việc chung cho nhân viên khối hành chính hậu cần.

Có văn phòng khoa là phòng làm việc chung, họp họp cho giảng viên và nhân viên của khoa.

Học viện có bố trí tại thư viện phòng sinh hoạt chuyên môn cho nghiên cứu sinh, học viên cao học [H9.9.6.7].

Các phòng làm việc được bố trí hợp lý đủ diện tích làm việc cho giảng viên và viên chức của Học viện. Học viện bố trí 01 phòng họp Ban Giám đốc, 01 phòng phục vụ cho các buổi họp giao ban, 01 phòng sử dụng họp chuyên môn hoặc tiếp đối tác.

2. Điểm mạnh

Học viện quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ giảng viên, nhân viên của Học viện. Sắp xếp hợp lý thuận tiện để triển khai các nhiệm vụ của từng đơn vị.

3. Tồn tại

Học viện mới chỉ bố trí được phòng làm việc riêng cho giáo sư, phó giáo sư là trưởng các đơn vị. Các phó giáo sư là phó đơn vị và giảng viên thì làm việc chung một phòng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Học viện bố trí một số phòng và sử chữa lại để đảm bảo tốt hơn chất lượng phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích đất theo quy định của TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Tổng diện tích đất của Học viện cơ bản đạt yêu cầu theo quy định 3981-85. Hiện tại tổng diện tích đất của Học viện là 5,7310 ha trong đó gồm có khu làm việc, học tập và khu Ký túc xá riêng biệt.

- Tổng diện tích đất của Học viện: 5,7310 ha

- Tổng diện tích xây dựng dùng cho nơi làm việc và học tập của giảng viên và sinh viên, khu ký túc xá cho sinh viên: 4,6341,21 ha. Tỷ lệ khoảng 3,86

ha/1000 sinh viên.

- Diện tích xây dựng của khu Ký túc xá sinh viên là: 1,2794 ha.
- Khu nhà ở cho cán bộ giảng dạy là: 0,12389.6 ha.
- Các công trình phụ trợ khác là: 0,63373 ha.

Có tương đối đầy đủ diện tích đất và diện tích mặt bằng tổng thể theo quy định. [H9.9.7.1], [H9.9.7.2].

2. Điểm mạnh

Diện tích đất của Học viện cơ bản đạt theo tiêu chuẩn 3981-85. Nhà trường đã đầu tư lập quy hoạch và xây dựng hợp lý để đảm bảo đủ số phòng học, nhà tập đa năng, thư viện, đáp ứng kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Nhà trường có đơn vị chuyên trách lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả quỹ đất của Học viện.

3. Tồn tại

Tổng diện tích xây dựng cho khu Ký túc xá còn thiếu so với nhu cầu nội trú của sinh viên

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện tiếp tục triển khai xây dựng khu Ký túc xá 12 tầng để đáp ứng nhu cầu trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có hồ sơ quy hoạch tổng thể năm 1997. Năm 2014 Nhà trường đã lập hồ sơ trình Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Xây dựng Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường đã lập xong bản vẽ quy hoạch tổng thể Học viện. Trên bản vẽ quy hoạch tổng thể bao gồm: các công trình hiện có, các công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng. Căn cứ vào mục tiêu phát triển mở rộng quy mô đào tạo của Học viện. Học viện đã lập quy hoạch bổ sung trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho những năm tiếp theo [H9.9.8.1], [H9.9.8.2], [H9.9.8.3], [H9.9.8.4].

2. Điểm mạnh

Học viện luôn quan tâm tới công tác quy hoạch và đã hoàn thành bản vẽ quy hoạch tổng thể Học viện. Hàng năm Học viện tổ chức họp đánh giá tiến độ, kế hoạch triển khai xây dựng các hạng mục công trình. Học viện đang tiến hành lập quy hoạch tổng thể bổ xung cho những năm tiếp theo

3. Tồn tại

Trên quy hoạch học viện còn một số hạng mục đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng. Công tác quy hoạch bổ xung vẫn đang triển khai.

4. Kế hoạch hành động.

Trong năm 2018, Học viện sẽ hoàn thiện kế hoạch quy hoạch tổng thể dài hạn về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9: Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

Công tác quản lý và bảo vệ tài sản và đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho giảng viên, học viên, sinh viên được Học viện rất chú trọng, theo đó Học viện thành lập tổ Bảo vệ thuộc Phòng Hành chính - Văn phòng Học viện gồm 22 người, 4 biên chế cơ hữu, 13 hợp đồng công nhật và 5 bảo vệ khu vực Ký túc xá học viện [H9.9.9.1].

Học viện có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Tổ Bảo vệ. Nhiệm vụ chính của tổ Bảo vệ: Tổ chức tuần tra canh gác 24/24h hàng ngày; đảm bảo an ninh, trật tự trong Học viện; thường trực và xung kích trong công tác phòng cháy chữa cháy. Nhân viên bảo vệ được trang bị đồ dùng, phương tiện bảo vệ đúng quy định và trang phục đáp ứng yêu cầu công tác (như: quần áo đồng phục, thẻ, phù hiệu, giày, dụng cụ hỗ trợ, bộ đàm, đèn pin...) [H9.9.9.2].

Để đảm bảo an toàn cho cán bộ viên chức, người lao động và học viên, sinh viên, trong các tòa nhà, khu giảng đường Học viện đều có bảng hướng dẫn sử dụng thiết bị cũng như các thông báo, quy định an toàn khi sử dụng thiết bị.

Nhà trường lắp đặt hệ thống thiết bị tự động báo động cháy nổ tại khu Nhà Hành chính A1, Trung tâm thông tin khoa học A2; định kỳ tập huấn và diễn tập PCCC cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, sinh viên do Học viện phối hợp với Lực lượng phòng cháy chữa cháy quận Cầu Giấy và thành phố Hà Nội tổ chức [H9.9.9.3].

Hàng năm, thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn nhà trường, phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của phường Dịch Vọng hậu, quận Cầu Giấy trong triển khai hoạt động; định kỳ cắt tía cây xanh trước mùa mưa bão; luôn chỉ đạo kịp thời công tác bảo vệ tài sản về người và vật chất khi có mưa to, gió bão... [H9.9.9.4].

Công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh trong Học viện do phòng Hành chính, Văn phòng Học viện chịu trách nhiệm quản lý và điều hành, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện. Học viện quy định việc bảo vệ tài sản tại các đơn vị trong Học viện, tài sản được phân bổ về các đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng, đồng thời thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá hiện trạng sử dụng hàng năm theo quy định [H9.9.9.5].

Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Học viện được bảo đảm. Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều được công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đánh giá tốt và khen thưởng về công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự trường học [H9.9.9.6].

Sự phối hợp tốt, trong công tác bảo vệ đã đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên của Học viện, đặc biệt là trong các kỳ thi, các cuộc đón tiếp khách quốc tế, lãnh đạo Đảng, Nhà nước [H9.9.9.7].

2. Điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sự phối hợp chặt chẽ với công an Phường, Quận và Thành phố cùng các đơn vị chức năng trong trường đảm bảo giữ gìn trật tự an toàn, an ninh Học viện, khu vực ký túc xá.

3. Tồn tại

Phần lớn cán bộ thuộc tổ bảo vệ là lao động hợp đồng công nhật, tính chuyên nghiệp chưa cao nên sự phối hợp giữa tổ bảo vệ với các lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh trật tự khác trong Học viện chưa được chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Văn phòng xây dựng kế hoạch phối hợp với các lực lượng liên quan đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự trong Học viện và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên tổ bảo vệ vào khoảng tháng 10 năm 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận tiêu chuẩn 9:**

Học viện chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH. Diện tích tuy nhỏ hẹp nhưng Trường đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Học viện luôn quan tâm đến việc phát triển, quy hoạch tổng thể mặt bằng để đáp ứng cho nhu cầu đào tạo với quy mô ngày càng tăng. Bên cạnh đó, việc mở rộng khuôn viên cũng được Nhà trường quan tâm đặc biệt, tạo điều kiện thuận tiện cho việc giảng dạy, học tập, sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, Học viện vẫn còn một số phòng học tạm, kí túc xá cần nâng cấp để đáp ứng quy mô và phương thức đào tạo của Học viện.

Kết quả Tự đánh giá: 09/09 tiêu chí đạt yêu cầu

0/09 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 10

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, một đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí, Theo Quyết định số 1109/QĐ-HVCT-HCQG-TC ngày 04/5/2009 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, về việc giao quyền tự chủ, trách nhiệm cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền và thực hiện theo Nghị định 43/CP của Chính phủ. Học viện Báo chí và Tuyên truyền điều hành tập trung các nguồn thu, có kế hoạch sử dụng hợp lý và phân bổ rõ ràng để đáp ứng được yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của đơn vị.

Tiêu chí 10.1: Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường đại học

1. Mô tả

Từ năm 2009, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã thực hiện về tự chủ tài chính một phần. Việc tự chủ tài chính của nhà trường được cụ thể hóa qua đề án tự chủ một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và công khai [H10.10.1.1]. Từ việc được chủ động trong tài chính, nhà trường đã có các chiến lược và kế hoạch nhằm tạo các nguồn tài chính hợp pháp. Học viện đã xây dựng được chiến lược phát triển tài chính giai đoạn 2015 - 2030 và tầm nhìn 2050 [H10.10.1.2].

Trong 5 năm gần đây, Học viện không có vi phạm liên quan tới việc thu các nguồn tài chính theo kết luận của kiểm toán nhà nước [H10.10.1.3].

Tài chính của Học viện được hình thành từ các nguồn thu chính sau: Ngân sách nhà nước cấp và thu sự nghiệp từ học phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ và các khoản thu hợp pháp.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Tổng kinh phí 5 năm	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
	Tổng thu (1+2)	171.857	100	192.186	100	182.748	100	186.703	100	212.255	100	934,412	100
1	Ngân sách cấp	91.867	53	100,992	53	101,700	56	103,606	55	129.382	61	527.547	56
1.1	Kinh phí thường xuyên	63.215		75,693		71,186		72,131		80.971		363.196	
1.2	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	19.024		14,881		6,662		9,000		39.500		89.067	
1.3	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CB	250		150		200		150		150		900	
1.4	<i>Kinh phí hoạt động nghiên cứu KH</i>	<i>1.900</i>		<i>980</i>		<i>1,200</i>		<i>1,360</i>		<i>1.9.10</i>		<i>7.350</i>	
1.5	Kinh phí hỗ trợ đào tạo HV Lào	7.480		8,988		5,775		5,950		6.851		35.042	
1.6	Kinh phí không thường xuyên khác			300		16,677		15,015				31.992	
2	Thu sự nghiệp	79.990	47	81.194	47	81.048	44	81.742	45	82.873	39	406.865	44
2.1	Thu học phí	28.699		33,873		33,414		36.078		42.180		174.244	
2.2	Thu phí và lệ phí	5.882		7,964		5.202		528		7.126		26.701	
2.3	Thu liên kết đào tạo	29.947		27,899		29,944		25.556		20.274		133.619	
2.4	Thu khác	15.462		11.459		12.488		19.580		13.293		72.282	

Nhìn chung, các nguồn tài chính của Học viện BC&TT có xu hướng tăng qua các năm. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng ngân sách của Học viện BC&TT (79.990 triệu đồng đạt tỷ lệ 47% năm 2013; 82.873 triệu đồng chiếm 39% năm 2017). Điều này cho thấy Học viện BC&TT đã và đang thực hiện tốt việc đa dạng hóa các nguồn thu, làm cơ sở tăng quyền tự chủ về tài chính.

+ Nguồn kinh phí được cấp của Học viện hàng năm tăng nhanh đánh kể. Tốc độ tăng của nguồn NSNN qua các năm cho thấy sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước dành cho Học viện. Có thể nói hàng năm Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá cao về nhiệm vụ mà đơn vị thực hiện, nguồn kinh phí đảm bảo ổn định cho đơn vị thực hiện và phát triển.

+ Thu học phí từ các loại hình đào tạo chính quy và không chính quy:

Khoản thu học phí từ loại hình đào tạo chính quy: áp dụng đối với tất cả các đối tượng là học viên tại các lớp cao học không tập trung của các học viện, sinh viên tại Học viện Báo chí và Tuyên Truyền. Mức thu, đối tượng thu được quy định theo các văn bản của Nhà nước. Từ năm 1998 đến tháng 8/2010 thực hiện theo Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Từ tháng 8/2010 áp dụng theo Quyết định số 1310/QĐ-TTg ngày 21/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ và hiện nay đơn vị áp dụng theo mức thu quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

Các khoản thu từ hoạt động đào tạo không chính quy (tại chức): Đây là loại hình đào tạo quan trọng của các Học viện, chỉ tiêu của các lớp chính quy hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu về đào tạo cử nhân, cao cấp lý luận chính trị hành chính, bồi dưỡng lý luận chính trị do các địa phương đã hợp đồng liên kết với các Học viện mở các lớp tại chức. Kinh phí đào tạo do các cơ quan, đơn vị địa phương có nhu cầu mở lớp đóng góp. Việc thu học phí áp dụng định mức theo hướng dẫn quản lý thu, chi học phí đối với hoạt động đào tạo theo phương thức không chính quy trong các trường và cơ sở đào tạo công lập.

Thu lệ phí tuyển sinh trong các đợt tuyển sinh hàng năm được thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Các khoản thu sự nghiệp khác: Các khoản thu từ các hoạt động cho thuê kiốt, mặt bằng, thu khoán nhà ăn, khu liên hợp thể thao...; Thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hoạt động đã hình thành TSCĐ; Các nguồn thu hợp pháp khác.

Các nguồn tài chính của nhà trường luôn được sử dụng đúng mục đích phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường

[H10.10.1.4]. Quy định về việc sử dụng nguồn tài chính của trường được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.1.5].

Hàng năm, Học viện thực hiện rà soát, đánh giá cơ cấu nguồn thu và báo cáo tại Hội nghị cán bộ, công nhân viên chức [H10.10.1.6].

Là một đơn vị sự nghiệp, nhưng đồng thời là một đơn vị giáo dục mang tính chất đặc thù do chủ yếu đối tượng đào tạo của Học viện đều là cán bộ quản lý, cán bộ lý luận, truyền thông của Đảng và Nhà nước, sinh viên hệ đại học chính quy. Do đó nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu là do NSNN đảm bảo. Để đảm bảo sự phát triển về cả chất lượng cũng như quy mô đào tạo phụ thuộc lớn vào nguồn kinh phí được cấp hàng năm.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó đưa ra các tiêu chuẩn, chế độ và định mức thu - chi trong toàn Học viện, quy định mức thu của các loại dịch vụ, tăng thêm các nguồn tài chính hợp pháp nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thường xuyên của Học viện.

3. Tồn tại

Học viện chưa khai thác triệt để các nguồn thu hợp pháp (vẫn còn hiện tượng để cho học sinh nợ học phí, các cơ sở dịch vụ nộp tiền không đúng hạn...); chưa đa dạng hóa nguồn thu cũng như nguồn thu từ hoạt động NCKH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, Học viện sẽ tăng cường các hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng của Học viện: Ban Quản lý đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác để thu hút thêm sinh viên nước ngoài, và sinh viên học chương trình liên kết với nước ngoài... để tăng nguồn thu cho trường; Ban Quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài vụ tham mưu xây dựng phương án xử lý triệt để tình trạng nộp học phí quá hạn hoặc nợ học phí; Ban Quản lý khoa học và các đơn vị liên quan phối hợp trong việc phát triển nguồn thu từ ứng dụng hoạt động NCKH bằng tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả

Học viện luôn coi trọng việc lập kế hoạch tài chính trên cơ sở chiến lược phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn. Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm thể hiện qua việc lập dự toán thu chi theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thuyết minh đầy đủ rõ ràng cơ sở tính toán số liệu của mỗi chỉ tiêu và chi tiết các khoản thu, chi theo mục lục Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính từ các nguồn kinh phí khác nhau [H10.10.1.4]. Việc quản lý tài chính được thực hiện bằng phần mềm quản lý tài chính [H10.10.2.1].

Việc lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Học viện được thực hiện chuẩn hoá theo đúng luật tài chính như luật kế toán, luật ngân sách, luật đấu thầu [H10.10.1.4].

Công tác lập dự toán thu- chi hàng năm được căn cứ trên đề xuất của các đơn vị trong Học viện và dựa trên yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm của Học viện. Từ năm học 2014 - 2017, Học viện đã thực hiện xây dựng kế hoạch ngân sách triển khai các hoạt động của các đơn vị từ đầu năm học [H10.10.1.4], [H10.10.2.2]. Việc này giúp cho Học viện phân bổ được nguồn kinh phí hợp lý, theo đúng quy định, có kế hoạch nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của Học viện, đồng thời góp phần thực hiện đúng theo chiến lược và mục tiêu phát triển Học viện đã đề ra. Cụ thể:

Bước 1: Hàng năm phòng Kế hoạch - Tài vụ tham mưu cho Giám đốc Học viện ban hành thông báo đến các đơn vị lập dự toán ngân sách của năm tiếp theo.

Bước 2: Lập dự toán ngân sách

- Các đơn vị lập dự toán kinh phí hoạt động theo nội dung hướng dẫn và chi tiết từng loại kinh phí liên quan trực tiếp đến hoạt động của đơn vị;

- Đối với các nội dung liên quan đến nhiều đơn vị, Ban Giám đốc phân công đơn vị phụ trách chính chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để tổng hợp số liệu trước khi chuyển về phòng Kế hoạch - Tài vụ;

- Đối với các đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản, sửa chữa, các công trình xây dựng điền nội dung yêu cầu theo mẫu và gửi về phòng Quản trị với hạn chót gửi dự toán theo thông báo lập dự toán hàng năm của Học viện. Phòng Quản trị có nhiệm vụ tổng hợp các yêu cầu từ các đơn vị, dự toán kinh phí thực hiện theo hướng dẫn và gửi về phòng Kế hoạch - Tài vụ theo tiến độ thực hiện;

- Các khoa, Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học xác định các danh mục, loại sách, tạp chí chuyên ngành cần thiết cho giảng viên, sinh viên tham khảo và gửi các nhu cầu sách, tạp chí cho Trung tâm Thông tin thư viện tổng hợp dự toán gửi về phòng Kế hoạch - Tài vụ;

- Đối với các khoa đào tạo có tổ chức hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế lập dự toán hoạt động gửi về Ban Quản lý khoa học, Ban Hợp tác quốc tế với hạn chót gửi dự toán theo thông báo lập dự toán hàng năm của Học viện, Ban Quản lý khoa học, Ban Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ tổng hợp các yêu cầu từ các đơn vị và gửi dự toán kinh phí về phòng Kế hoạch - Tài vụ;

- Đối với dự toán cho hoạt động tuyển sinh các hệ đào tạo thuộc Học viện, các đơn vị quản lý đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan lập dự toán theo hướng dẫn lập dự toán tuyển sinh các hệ đào tạo;

Bước 3: Tiếp nhận và xử lý dữ liệu

Sau khi các đơn vị nộp dự toán ngân sách, phòng Kế hoạch - Tài vụ tiếp nhận và kiểm tra sự chính xác, hợp lý của các khoản mục được lập trong dự toán. Tổng hợp dự toán ngân sách để làm cơ sở cho việc phê duyệt dự toán.

Bước 4: tổng hợp và phê duyệt dự toán

Phòng Kế hoạch- Tài vụ sẽ phối hợp các phòng chức năng tổng hợp trình Giám đốc Học viện phê duyệt và thông báo kết quả duyệt dự toán ngân sách đến các đơn vị trực thuộc.

Học viện công bố công khai việc phân bổ kinh phí cho từng hoạt động cụ thể xuất phát từ yêu cầu đào tạo, NCKH thực tế của các lĩnh vực hoạt động. Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa bằng các phần mềm và qua báo cáo 3 công khai hàng năm [H10.10.2.1], [H10.10.2.3].

Hàng năm, toàn bộ số liệu tổng hợp về tình hình thu chi tài chính của Học viện đều được công bố công khai trước Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức [H10.10.1.6]. Đồng thời, cũng tại hội nghị này, toàn thể cán bộ giáo viên trong Học viện thảo luận, góp ý và thống nhất để điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trong 5 năm gần đây, Học viện không vi phạm các quy định về tài chính, thực hiện đúng theo Luật Kế toán, Luật Ngân sách Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện qua các thông báo duyệt quyết toán hàng năm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính [H10.10.2.4].

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý tổ chức đã được xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, phù hợp với các nguyên tắc quản lý tài chính hiện hành công khai, minh bạch được thể hiện tại hội nghị viên chức hàng năm.

3. Tồn tại

Nguồn thu chủ yếu từ phí và lệ phí, nên công tác lập dự toán còn bị động và còn hạn chế về kinh phí cho các hoạt động về NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, các đơn vị trực thuộc Học viện, đặc biệt là Ban Quản lý khoa học, Ban Quản lý đào tạo, Ban Hợp tác quốc tế phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan khai thác và mở rộng thêm các nguồn thu hợp pháp để đáp ứng hoạt động NCKH và huy động thêm nguồn vốn để mở rộng diện tích khuôn viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học

1. Mô tả

Trong những năm qua, Học viện đã có kế hoạch phân bổ, sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm chiến lược phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và theo đúng mục đích cho các hoạt động đào tạo đại học, sau đại học, NCKH, đào tạo lại, cho các dự án giáo dục [H10.10.2.2], [H10.10.1.4]. Việc phân bổ tài chính được thực hiện theo đúng

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định có liên quan [H10.10.1.4].
Kết luận của kiểm toán nhà nước cho thấy Học viện không có vi phạm liên quan đến việc chi các nguồn tài chính [H10.10.1.3].

Hàng năm, Học viện thực hiện cân đối cơ cấu nguồn chi nhằm đảm bảo tỷ lệ phân bổ hợp lý và phù hợp với các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường [H10.10.1.4]. Học viện luôn chú trọng đầu tư dành nguồn lực tài chính cho công tác đầu tư và khuyến khích phát triển khoa học công nghệ cũng như hoạt động NCKH. Từ các nguồn kinh phí theo dự toán ngân sách cấp và kinh phí tự bổ sung, Học viện đã xây dựng và không ngừng bổ sung cơ sở vật chất để có thể đáp ứng được quy mô đào tạo ngày càng tăng và tốc độ phát triển công nghệ. Đồng thời, Học viện cũng thường xuyên dành ngân sách và tạo điều kiện để các cán bộ, giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý. Học viện luôn cố gắng bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ, giảng viên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên - nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo của Học viện [H10.10.1.4]. Tuy nhiên, vì Học viện có nhiều hoạt động cần đầu tư, trong khi đó nguồn thu hạn chế do quy mô nhỏ nên thiếu vốn lớn để đầu tư cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học còn hạn chế.

Trên cơ sở nguồn NSNN giao và nguồn thu hiện có tại đơn vị, tình hình sử dụng nguồn kinh phí cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Tổng chi 5 năm	
		Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %
	Tổng chi (I+II)	176.709	100	180.507	100	176.762	100	181.704	100	209.195	100	914.877	100
I	Chi từ nguồn NSNN cấp	100,103	56,65	94,553	52,38	98,968	55,99	101,973	56,12	130,255	62,26	525,852	57,47
1	Chi kinh phí thường xuyên	67,408		71,408		68,894		76,445		77,513		361,668	
2	Chi kinh phí mua sắm, sửa chữa	24,941		14,879		6,468		8,881		39,090		94,259	
3	Chi đào tạo bồi dưỡng CB	245		153		200		153		153		904	
4	Chi hoạt động NCKH	1,900		980		1,200		1,360		1,910		7,350	
5	Chi hỗ trợ đào tạo HV Lào	5,609		6,834		5,529		5,359		6,491		29,822	
6	Chi kinh phí không thường xuyên khác			300		16,677		9,775		5,098		31,850	
II	Chi từ nguồn thu độc để lại đơn vị sử dụng theo quy định	76.606	43	75.954	48	77.794	44	79.731	44	78.940	38	389.025	42,53
1	Chi lương và các khoản phụ cấp, chi thu nhập tăng thêm	11.414		15.370		15.246		23.447		19.585		88.062	
2	Chi học bổng	8.253		1.570		911		0		2.490		13.224	
3	Chi vượt giờ	3.736		2.506		3.267		3.554		3.429		16.492	
4	Chi cho các hoạt động đào tạo	36.674		32.005		21.058		22.969		20.948		138.654	
5	Chi đề tài KH cho CB, GV	2.623		3.384		2.881		1.879		3.599		14.366	
6	Chi đề tài KH cho sinh viên	130		79		121		139		135		604	
7	Chi cho hội thảo	663		890		1.282		1.080		1.277		5.192	
8	Chi cho HTQT					351				449		800	
9	Chi sách báo tạp chí thư viện					8		29				37	
10	Chi mua sắm, SC TSCĐ	1.993		10.355		2.518		1.156		55		18.077	
11	Trích lập các quỹ	11.120		9.795		30.151		25.478		26.973		103.517	

Đa số các khoản chi đều tăng, cơ cấu các khoản chi tương đối phù hợp, đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, và duy trì các hoạt động đào tạo.

Đối với chi nghiệp vụ chuyên môn, đây cũng là mục chi chiếm tỷ trọng lớn do tính chất quan trọng, đảm bảo phục vụ duy trì hoạt động cho công tác chuyên môn, công tác giảng dạy.

Nhóm chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản: được sự quan tâm của Nhà nước, cơ sở vật chất của Học viện được đầu tư đáng kể, tăng lên theo các năm. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn nhiều công trình dự án cải tạo sửa chữa các khu giảng đường, ký túc xá đã xuống cấp ảnh hưởng đến công tác học tập, nghiên cứu và nhu cầu sinh hoạt của học viên và sinh viên. Đối với việc trang bị, đầu tư cơ sở vật chất Học viện luôn đảm bảo theo nguyên tắc đầu tư đúng, có hiệu quả, các công trình phải được đầu tư tập trung, dứt điểm, chống dàn trải gây lãng phí; Ưu tiên bố trí vốn cho các danh mục mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phục vụ đổi mới theo phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên.

- Đối với nguồn khoa học công nghệ: Trên cơ sở nguồn kinh phí được Học viện giao, đơn vị đã phân bổ cho từng nhiệm vụ cụ thể về đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở và thực hiện các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với các địa phương, ngành, hợp tác quốc tế về khoa học, các hoạt động tư vấn, thông tin, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học. Kinh phí thực hiện cũng tăng lên đáng kể theo các năm.

- Đối với đào tạo cán bộ các nước bạn Lào và Campuchia: Hiện nay tại Học viện vẫn đang thực hiện theo Thông tư số 41/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn điều chỉnh tăng tiền ăn cho học sinh Lào, Campuchia, Thông tư số 120 ngày 24/7/2012 hướng dẫn suất chi đào tạo cho lưu học sinh Lào và Campuchia học tập tại Việt Nam. Tuy nhiên việc áp dụng theo chế độ chi đối với một số lớp mang tính chất đặc thù của Học viện gặp rất nhiều khó khăn. Chương trình đào tạo của hệ ngắn hạn chưa xây dựng được chương trình khung thống nhất mà phải gắn với từng khoá, từng loại hình đào tạo để xây dựng chương trình đào tạo chi tiết phù hợp với từng đối tượng trong giai đoạn cụ thể.

2. Điểm mạnh

Công tác tổ chức và quản lý tài chính được sử dụng hợp lý minh bạch và hiệu quả nhằm phục vụ cho chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Tồn tại

Vì Học viện có nhiều hoạt động cần đầu tư, trong khi đó nguồn thu hạn chế do quy mô nhỏ nên thiếu vốn lớn để đầu tư cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018, các đơn vị trực thuộc Học viện, đặc biệt là Ban Quản lý khoa học, Ban Quản lý đào tạo, Ban Hợp tác quốc tế phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác và mở rộng thêm các nguồn thu hợp pháp và huy động thêm nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận về Tiêu chuẩn 10:**

Học viện đã tuân thủ nghiêm túc các quy định trong công tác tổ chức và quản lý thu học phí và lệ phí tuyển sinh; chủ động thực hiện nhiệm vụ tự chủ tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp phục vụ cho các hoạt động. Công tác quản lý tổ chức đã được xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, phù hợp với các nguyên tắc quản lý tài chính hiện hành công khai, minh bạch được thể hiện tại hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm. Tuy nhiên, Học viện chưa đa dạng hóa nguồn thu cũng như nguồn thu từ hoạt động NCKH còn hạn chế.

Kết quả Tự đánh giá: 03/03 tiêu chí đạt yêu cầu

0/03 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Trên cơ sở nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã chỉ đạo triển khai hoạt động tự đánh giá với sự tham gia của nhiều đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong toàn Học viện. Hoạt động tự đánh giá ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thực hiện khách quan, trung thực, công khai và minh bạch. Từ việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đến việc thu thập minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá cho 61 tiêu chí, 10 tiêu chuẩn đều được thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng. Qua công tác tự đánh giá, Học viện đã đánh giá được thực trạng của nhà trường với những thành tựu nổi bật: Đã xác định mục tiêu, sứ mạng, định hướng phát triển rõ ràng, đã và đang đi đầu trong đổi mới giáo dục đào tạo thuộc lĩnh vực báo chí truyền thông, chú trọng NCKH và HTQT, xây dựng và phát triển đội ngũ, quan tâm tới người học. Về từng khía cạnh, Học viện cũng đạt được những thành tựu nhất định trong lĩnh vực đào tạo, NCKH, xây dựng CSVC. Học viện cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức như xu thế hội nhập đặt nhà trường trước sự lựa chọn của người học về lĩnh vực ngành nghề nghiệp vụ so với các ngành lý luận khó thu hút... Tất cả các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong báo cáo tự đánh giá đều được dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Quá trình tự đánh giá của Học viện đã bao quát đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Kết quả tự đánh giá của Trường có 60/61 tiêu chí xếp loại đạt (tỷ lệ 98,4%).

Thông qua tự đánh giá, Học viện đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, từ đó có cơ sở lập kế hoạch hành động khắc phục và cải tiến hiệu quả trong tương lai, nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến thực hiện đầy đủ các yêu cầu của sứ mạng mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tuyên bố với xã hội.

Mặc dù công tác tự đánh giá đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường và của toàn thể CBVC nhưng báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót. Học viện rất mong nhận được những ý kiến góp ý của các chuyên gia giáo dục, các nhà quản lý và các đồng nghiệp để giúp cho nhà trường nâng cao hiệu quả các mặt hoạt động và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá. Kính đề nghị Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng chấp thuận cho Học viện gửi Báo cáo Tự đánh giá tới các Tổ chức Kiểm định chất lượng để xem xét, thẩm định, tiến tới tổ chức đánh giá ngoài cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: HBT
Tên trường: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Khối ngành: Lý luận chính trị và Báo chí truyền thông
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 31/12/2017



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

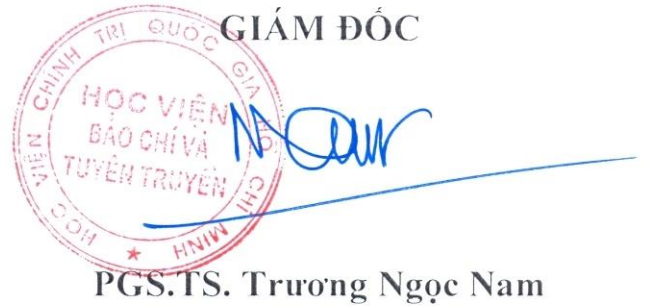
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học			
1	Đ		
2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
Tiêu chuẩn 6: Người học			

1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5		C	
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 60 (chiếm 98.4%)
- Số tiêu chí chưa đạt: 01 (chiếm 1.6%)

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

PHẦN V: PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2017

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA HỌC VIỆN/ĐƠN VỊ

1. Tên Học viện:

Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng Anh: Academy of journalism and communication

2. Tên viết tắt

Tiếng Việt: HBT

Tiếng Anh: AJC

3. Tên trước đây: Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

4. Cơ quan chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ Học viện: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: **Điện thoại** (+84) 437.546.963

Fax: (+84)437.548.949

E-mail: website@ajc.edu.vn

Website: <http://ajc.edu.vn>

7. Năm thành lập Học viện: 1962

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1969

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: 1973

10. Loại hình Học viện đào tạo: Công lập

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HỌC VIỆN

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Học viện

Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Trường Tuyên giáo Trung ương trước đây được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36/NQ-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III (trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Tuyên huấn, Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Trường Đại học Nhân dân), do Ban Tuyên giáo Trung ương phụ trách, có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương.

Năm 1969, để phù hợp với sự kiện Ban Tuyên giáo Trung ương tách thành 2 ban (Tuyên huấn và Khoa giáo), Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định đổi tên Trường Tuyên giáo Trung ương thành Trường Tuyên huấn Trung ương.

Năm 1983, Trường hợp nhất với Trường Nguyễn Ái Quốc V (thuộc Bộ Giáo dục) đổi tên thành Trường Tuyên huấn Trung ương I, trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Năm 1990, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định sắp xếp lại hệ thống trường Đảng trực thuộc Trung ương: đổi tên Trường Tuyên huấn Trung ương I thành Trường Tuyên giáo; trực thuộc Ban Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng thời Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng công nhận Trường Tuyên giáo trở thành trường đại học và có tên gọi là Trường Đại học Tuyên giáo.

Năm 1993, Bộ Chính trị quyết định sắp xếp lại các trường Đảng trực thuộc Trung ương: chuyển trường Đại học Tuyên giáo thành Phân viện Báo chí và Tuyên truyền trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Phân viện có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền. Đào tạo bậc đại học một số chuyên ngành lý luận Mác-Lênin và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đối tượng nói trên.

Năm 2005, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định chuyển Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thành Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Năm 2014, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh căn cứ Quyết định của Bộ Chính trị (số 224-QĐ/TW ngày 6-1-2014), Nghị định của Chính phủ (số 48/2014/NĐ-CP) quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng-văn hóa, lĩnh vực báo chí-truyền thông.

Năm 2016, Học viện chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép triển khai đào tạo chương trình quốc tế ngành Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông với Đại học Middlesex của Vương Quốc Anh. Năm 2017, Học viện xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao: Truyền thông marketing, Kinh tế và Quản lý, Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu, nhằm cung cấp cho xã hội nguồn cán bộ có chất lượng cao.

Học viện đang đào tạo 32 chương trình đại trà, 3 chương trình chất lượng cao, 1 chương trình liên kết; đào tạo 19 chuyên ngành thạc sĩ và 06 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

Kết quả hoạt động và thành tích của Học viện/Đơn vị trong thời gian vừa qua được ghi nhận bằng các phần thưởng cao quý:

a. Thành tích của Học viện

- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2012 - 2013	Diễn hình trong phong trào thi đua yêu nước nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi thi đua ái quốc.	Số 1915/QĐ-HVCTQGHCN, ngày 03/6/2013.
2015 - 2016	Cờ thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQG ngày 18 tháng 7 năm 2016
2015 - 2016	Cờ thi đua Chính phủ	Số 1822/QĐ-TTg ngày 21-9-2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
1992	Huân chương Độc lập Hạng Nhì	Số 848/QĐ-CTN, ngày 3/7/1992
2001	Huân chương độc lập Hạng Nhất	Số 913/QĐ-CTN, ngày 19/11/2001
2007	Huân chương Hồ Chí Minh	Số 14/QĐ-CTN, ngày 11/1/2007

b. Thành tích của tổ chức Đảng Học viện

- Từ năm 2010 - 2015: Bằng khen của Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương cho Tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu hàng năm.

- Năm 2016: Bằng khen của Đảng ủy HVCTQGHCM cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu năm học 2015 - 2016.

c. Thành tích của Công đoàn Học viện

- Bằng khen của Công đoàn viên chức 5 năm liên tiếp (2010 đến 2015)

d. Thành tích của Đoàn Thanh niên từ 2012 đến nay

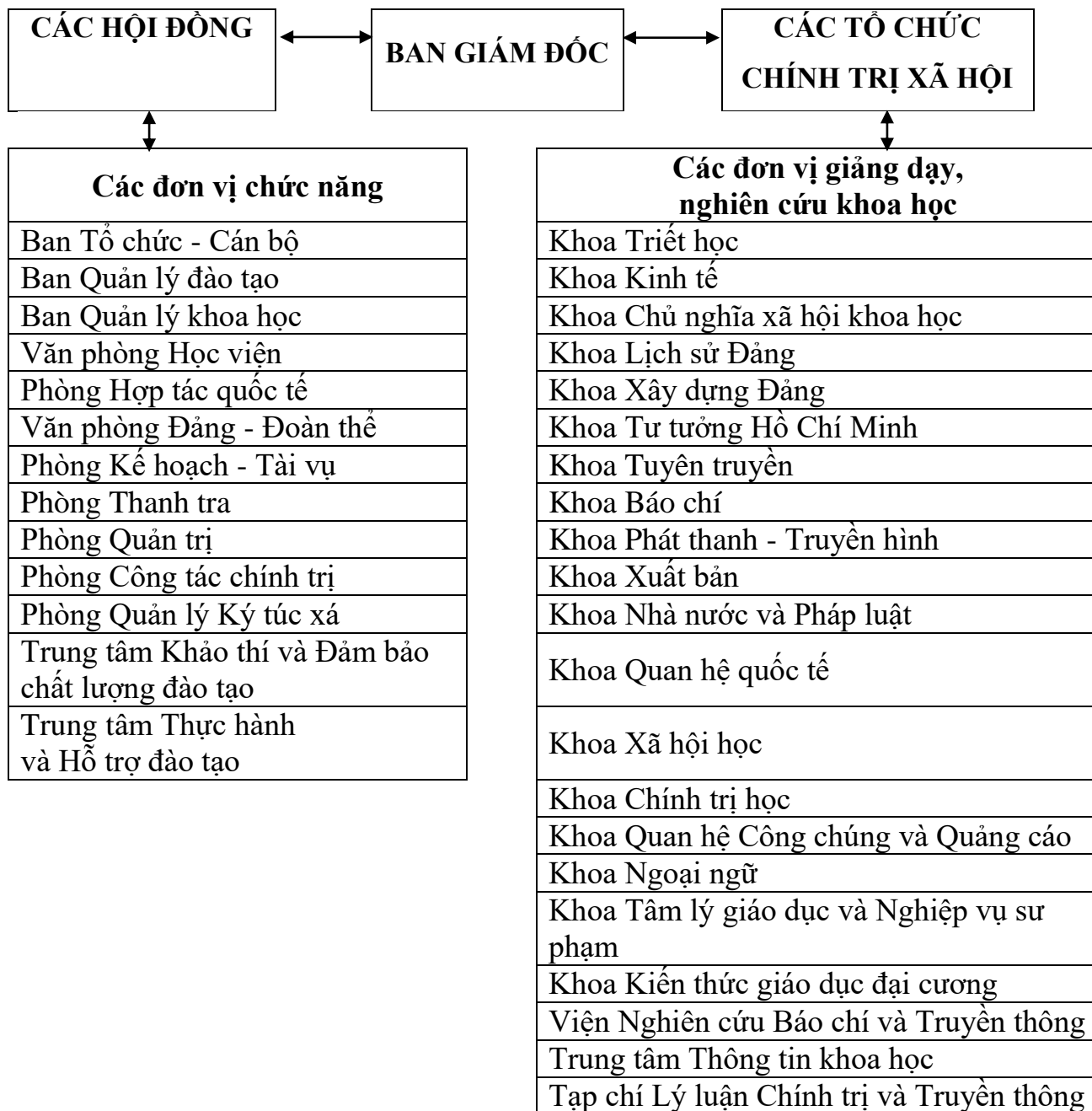
- Bằng khen Trung ương Đoàn về Thành tích xuất sắc trong CTĐ và PTTN trường học năm học 2011 - 2012 cho tập thể Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện Báo chí và tuyên truyền.

- Được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố.

- Bằng khen của Đoàn Khối cơ quan TW về thành tích xuất sắc trong CTĐ và PTTN giai đoạn 2012 - 2014.

- Bằng khen và cờ thi đua các loại của Thành đoàn, đoàn khối các cơ quan Trung ương, Hội sinh viên Thành phố, các cơ sở ban ngành từ trung ương đến địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Học viện

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
2. Phó Giám đốc	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
	Phạm Huy Kỳ	PGS.TS	0913.301.011	phamhuyky@ajc.edu.vn
3. Văn phòng Đảng - Đoàn thể				
Bí thư đảng ủy	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
Phó bí thư Đảng ủy	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
Chánh VP Đảng ủy	Vũ Quốc Cường		0904.800.574	vuquoccuong@ajc.edu.vn
BT Đoàn thanh niên	Phạm Bình Dương	Tiền sĩ		
4. Các phòng, ban chức năng				
Văn phòng Học viện	Trần Thanh Giang	TS, Chánh văn phòng	0984.927.397	tranthanhgiang@ajc.edu.vn
Ban Tổ chức cán bộ	Trần Xuân Học	TS, Trưởng ban	0913.382.512	tranxuanhoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý đào tạo	Mai Đức Ngọc	PGS.TS, Trưởng ban	0914.990.469	maiducngoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý khoa học	Nguyễn Đức Luận	TS, PTB phụ trách	0988.345.268	nguyenducluan@ajc.edu.vn
Phòng Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	TS, Trưởng phòng	0906.001.008	vuthanhvan@ajc.edu.vn
P. Kế hoạch - Tài vụ	Nguyễn Thị Hồng Mên	Ths, Trưởng phòng	0984.235.499	nguyenthihongmen@ajc.edu.vn
Phòng Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến	TS, Trưởng phòng	0986.261.176	nguyenthihaiyen@ajc.edu.vn
Phòng Quản trị	Phạm Ngọc Lân	Kỹ sư, Trưởng phòng	0913.002.659	phamngoclan@ajc.edu.vn
Phòng Công tác chính trị	Nguyễn Văn Minh	Ths, Trưởng phòng	0989.304.403	nguyenvanminh@ajc.edu.vn
Phòng Quản lý ký túc xá	Lê Khánh Lộc	Ths, Trưởng phòng	0912.586.093	lekhanhloc@ajc.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	TS, Giám đốc	0936.689.969	nguyenthingochoa@ajc.edu.vn
Viện Nghiên cứu báo chí	Trần Thị Thu Nga	TS, Viện Trưởng		tranthithunga@ajc.edu.vn
Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	Đình Xuân Phi	Ths, Giám đốc	0904.191.759	dinhxuanphi@ajc.edu.vn
TT thông tin khoa học	Nguyễn Thanh Thảo	TS, Giám đốc	0915.595.897	Nguyenthanhthao@ajc.edu.vn
6. Các khoa				
Triết học	Nguyễn Minh Hoàn	PGS.TS, Trưởng khoa		nguyenminhhoan@ajc.edu.vn
Kinh tế	Nguyễn Thị Kim Thu	TS, Phó trưởng khoa	0989.063.770	nguyenthikimthu@ajc.edu.vn
Chủ nghĩa xã hội KH	Bùi Thị Kim Hậu	PGS.TS, Phó Trưởng khoa		
Lịch sử Đảng	Phùng Thị Hiền	TS, Trưởng khoa	0983.060.364	phungthihien@ajc.edu.vn
Xây dựng Đảng	Trần Thị Anh Đào	PGS, TS, Trưởng khoa	0912.818.736	tranthianhdao@ajc.edu.vn
Chính trị học	Nguyễn Xuân Phong	PGS, TS, Trưởng khoa	0904.030.372	nguyensexuanphong@ajc.edu.vn
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Doãn Thị Chín	PGS, TS Trưởng khoa	0917.291.694	doanthichin@ajc.edu.vn
Nhà nước và pháp luật	Trần Quang Hiến	TS, trưởng khoa	0913.366.434	tranquanghien@ajc.edu.vn
Quan hệ quốc tế	Phạm Minh Sơn	PGS, TS, Trưởng khoa	0912.778.171	phamminhson@ajc.edu.vn
Xã hội học	Lưu Hồng Minh	TS, Trưởng khoa	0913.043.663	luuhongminh@ajc.edu.vn
Báo chí	Đỗ Thị Thu Hằng	PGS, TS, Trưởng khoa		dothithuhang@ajc.edu.vn
Phát thanh truyền hình	Nguyễn Thị Trường Giang	PGS, TS, trưởng khoa	0904.997.876	nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn
Tuyên truyền	Lương Ngọc Vinh	TS, Trưởng khoa	0974.516.526	luongngocvinh@ajc.edu.vn
Xuất bản	Phạm Văn Thấu	TS, Trưởng khoa	0912.263.690	phamvanthau@ajc.edu.vn
Quan hệ công chúng & Quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hiền	ThS; P. Trưởng khoa	0982.048.883	nguyenthiminhhien@ajc.edu.vn
Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, Phó Trưởng khoa		
Kiến thức đại cương	Hoàng Minh Lương	PGS, TS; Trưởng khoa	0915.463.627	hoangminhluong@ajc.edu.vn
Tâm lý giáo dục và NVSP	Trần Thị Minh Ngọc	TS; Trưởng khoa	0912.152.033	tranthiminhhngoc@ajc.edu.vn

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 06 chuyên ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 19 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cử nhân: 32 chương trình đại trà, 3 chương trình chất lượng cao, 1 chương trình liên kết.

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

15. Các loại hình đào tạo của Học viện

STT	Loại hình đào tạo	Có	Không
1	Chính quy	X	
2	Không chính quy	X	
3	Tập trung	X	
4	Không tập trung	X	
5	Từ xa		X
6	Liên kết đào tạo với nước ngoài	X	
7	Liên kết đào tạo trong nước	X	
8	Các loại hình đào tạo khác (Nếu có, ghi rõ từng loại hình)...: Chất lượng cao	X	

16. Tổng số các Viện/Khoa/Ban đào tạo: 18 khoa.**III. CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA HỌC VIỆN/ĐƠN VỊ****17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Học viện**

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	150	255	405
I.1	Cán bộ trong biên chế	134	220	354
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	16	35	51
II	Các cán bộ khác: Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			388
	Tổng số			793

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các đơn vị công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được Học viện/Đơn vị mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	12	2			10	
2	Phó Giáo sư	172	33			139	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	220	80			140	
5	Thạc sĩ	203	99	27		77	
6	Đại học	33	4	7		22	
	Tổng số	640	218	34		388	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 252 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 62.2%

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

Quy đổi số lượng giảng viên của Học viện/Đơn vị⁴

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	5,0	12	2			10		20
2	Phó Giáo sư	3,0	172	33			139		182,4
3	Tiến sĩ khoa học	2,0							
4	Tiến sĩ	2,0	220	80			140		216
5	Thạc sĩ	1,0	203	99	27		77		141,4
6	Đại học	0,5	33	4	7		22		7,7
	Tổng		640	218	34		388		567,5

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường đại học (ĐH), Học viện theo thứ tự 5,0; 3,0; 2,0; 2,0; 1,0; 0,5; đối với các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = 5 \times (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 \times \text{cột 7} + 0,2 \times \text{cột 8} + 0,2 \times \text{cột 9})$$

⁴Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0,8	2						2
2	Phó Giáo sư	33	13,1	20	13	0	3	9	12	9
3	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	80	31,7	29	51		25	36	14	5
5	Thạc sĩ	126	50	32	94	26	73	19	8	0
6	Đại học	11	4,4	5	6	6	5			
	Tổng	252	100	88	164	32	106	64	34	16

19.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	28	61,5
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	25	26,5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	23	12
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	19	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5	0
	Tổng	100%	100%

19.2. Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41tuổi

- Dưới 30 tuổi: 12,7% (32 người)
- Từ 30 - 40 tuổi: 42,1% (106 người)
- Từ 41- 50 tuổi: 25,4% (64 người)

- Từ 51 - trên 60 tuổi: 19,8% (50 người)

19.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện: 45,6% (115/252)

19.4. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 50% (126/252)

IV. NGƯỜI HỌC

Người học bao gồm sinh viên dự thi/xét tuyển đầu vào các hệ đào tạo, bồi dưỡng. Học viên cao học và nghiên cứu sinh, sinh viên các hệ đào tạo, bồi dưỡng khác:

20. Tổng số thí sinh đăng ký dự thi/xét tuyển vào Học viện, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi, xét tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2013-2014	5512	1782	1/3.09	1765		20.25	16
2014-2015	5054	2076	1/2.43	2040		20	11
2015-2016	3551	1916	1/1.85	1616		20.5	18
2016-2017	5883	2266	1/2.59	1846		20.5	25
2017-2018	8224	1835	1/4.48	1730		20.5	24

Số lượng sinh viên hệ tập trung đang học tập tại Học viện: 6515 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ tập trung và không tập trung:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nghiên cứu sinh	19	13	33	26	23
2. Học viên cao học	454	669	445	508	471
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	1485	1765	2040	1616	1846
Hệ không chính quy	2003	1928	1877	1881	728

Tổng số sinh viên tập trung (chưa quy đổi): 8997 (tổng nhập học trong 05 năm)

Tổng số người học quy đổi: 13132

Tỷ lệ người học trên giảng viên (sau khi quy đổi): 23.14 sv/gv

22. Số học viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng	21	21	34	30	33
Tỷ lệ (%) trên tổng số học viên quy đổi	0.16	0.16	0.25	0.22	0.24

23. Học viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số học viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	Năm				
	2013	2014	2015	2016	2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	11954.7	11954.7	11954.7	11954.7	11954.7
2. Số lượng học viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
3. Số lượng học viên được ở trong ký túc xá	1.405	1.390	1.463	1.390	876
4. Tỷ số diện tích trên đầu học viên ở trong ký túc xá, m ² /người	8.58	8.6	8.1	8.6	13.15

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng (người)	91	142	134	134	109
Tỷ lệ (%) trên tổng số học viên quy đổi	1.27% (91/7129)	2% (142/6691)	1.3% (134/10202)	1,26% (134/10596)	0,83% (109/13132)

25. Thông kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	2	4	7	9
2. Học viên tốt nghiệp cao học	354	495	792	237	385
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ tập trung	1310	1512	1567	1727	1595
Hệ không tập trung	1652	1760	2450	1125	2538

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1424	1365	1567	1727	1595
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	95,89%	84,57%	97%	98%	86.7%
3. Đánh giá của học viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện/Đơn vị: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)			62%	65.7%	69%
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ</i> học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)			28%	26%	26 %
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			10%	9.1%	5%
4. Sinh viên có việc làm trong			77.97%	77.72%	86.93%

năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp			60.93%	61.5%	65.6%
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)			39.07%	38.5%	34.4%
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể thích ứng được ngay (%)					44.3%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					55.6%
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					0%

Ghi chú:

- Học viên tốt nghiệp là học viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những học viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Học viên có vị trí việc làm phù hợp là học viên được làm việc như ngành học.
 - Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
 - Các mục bỏ trống đều được xem là Học viện/Đơn vị không điều tra về việc này.

V. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Tổng đề tài	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
				2013	2014	2015	2016	2017	
(1)	(2)	(3)		(6)	(7)	(8)	1	2	(11)
1	Đề tài cấp NN	2,0	2	1	1		(1)	(1)	4
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	14	4	3	3	4	(3)	14
3	Đề tài cấp cơ sở trọng điểm	0,5	138	27	26	26	29	30	69
4	Đề tài cấp cơ sở	0,5	468	87	97	103	75	106	234
5	Đề tài sinh viên	0,5	131	28	17	26	30	30	65.5
	Tổng cộng:		753	147	144	158	138	166	386,5

Tổng đề tài: 753 đề tài đã nghiệm thu; 5 đề tài đang triển khai

Cách tính: Cột 11 = cột 3 (cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 386,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,95 (390/405).

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây: Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng
1	Nguồn thu từ các đề tài	3,005	2,885	2,388	2,725	3,310	14,313
	Cấp bộ, cấp trọng điểm	1,900	980	1,200	1,360	1,910	7,350
	Cấp nhà nước, nafosted và các đơn vị khác	1,105	1,905	1,188	1,365	1,400	6,963
2	Thu từ các hoạt động hợp tác quốc tế (đề tài Áo)				701	981	1,682
	Tổng cộng	3,005	2,885	2,388	3,426	4,291	15,995

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	14	491	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	22	68	491	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

30. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0	3	8	7	6	24	96
2	Sách giáo trình	1,5	10	3	8	10	12	64.5
3	Sách tham khảo	1,0	6	7	7	7	20	47
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	01	0.5
5	Tổng		19	18	22	23	57	208

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 208

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0.51 (172/405)**

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	75	2	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	75	2	0

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	3	3	5	4	14	43.5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	90	102	154	71	202	619
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	55	26	18	45	50	97
4	Tổng : 842 bài báo		148	131	177	120	266	759.5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **759.5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **1.875 (744.5/405)**

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	18	81	17
Từ 6 đến 10 bài báo	0	12	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	5	0
Trên 15 bài báo	0	3	0
Tổng số cán bộ tham gia	18	111	18

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	45	88	52	116	25	30	356
2	Hội thảo trong nước	0,5	40	100	38	105	130	140	276.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	158	164	164	165	150	150	237.75
4	Tổng		243	352	254	386	305	320	870,25

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **870.25**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **2.15 (870,25/405)**.

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	326	413	801
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	326	413	801

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây: Không có

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	689	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	689	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công

trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	1	2	0	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố						

VI. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

38. Tổng diện tích đất sử dụng Học viện: 57.310 m²

39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.246,1 m²
- Nơi học: 6.842,1 m²
- Nơi vui chơi giải trí: 21.574.23m²

40. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7543.72m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên học viên tập trung: 1m²

41. Tổng số đầu sách trong Thư viện của Học viện:

Số lượng thống kê đầu sách của Thư viện từ 2013 - 2017
(5 năm): 21.730 đầu tài liệu.

Năm	Số cuốn
2013	71.271
2014	75.000
2015	78.980
2016	81.332
2017	85.324

42. Tổng số máy tính của Học viện

- Dùng cho hệ thống văn phòng, hỗ trợ đào tạo: 651 máy
- Dùng cho học tập: 322 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên hệ tập trung: 19.8 sinh viên /01 máy

43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Học viện trong 5 năm gần đây:

- Năm 2013: 79.990.000.000đ
- Năm 2014: 81.194.000.000đ

- Năm 2015: 81.048.000.000đ
- Năm 2016: 81.742.000.000đ
- Năm 2017: 82.873.000.000đ

44. Tổng thu học phí trong 5 năm gần đây

- Năm 2013: 28.699.000.000đ
- Năm 2014: 33.873.000.000đ
- Năm 2015: 33.414.000.000đ
- Năm 2016: 36.078.000.000đ
- Năm 2017: 42.180.000.000đ

VI. TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 252.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 62.2%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có là giáo sư trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 0,79%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu phó giáo sư trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 13,09%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ khoa học trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 0 %.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 31.7%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện/Đơn vị (%): 50%.

2. Người học

- Tổng số học viên (người): 6515 sinh viên đại học, 979 học viên cao học, 125 Học viên Nghiên cứu sinh
- Tổng số sinh viên quy đổi (người): 13132
- Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 23.14 sv/gv
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 86.7%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo

- Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 64.7%.

- Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 26 %.

4. Đánh giá của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực về học viên sau tốt nghiệp:

- Tỷ lệ học viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 44.3%

- Tỷ lệ học viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 55.6%

- Tỷ lệ học viên có tiến bộ trong công việc, đáp ứng yêu cầu của công việc, (%): 0%

- Tỷ lệ học viên không có tiến bộ trong công việc (%): 0%

5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 0,95 (386.5/252)

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 0.82 (208/252)

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 2.95 (744.5/252)

- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 3.45 (870.25/252)

6. Cơ sở vật chất

- Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên chính quy (tập trung): 19.8 sv/máy

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy (tập trung): 1.16 m²/sv.

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy (tập trung): 1.83 m²/sv.

Số: 579/QĐ-HVBC&TT

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 564/KTKĐCLGD của Bộ GD-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của đồng chí Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

GIÁM ĐỐC


PGS, TS. Trương Ngọc Nam

DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2017

*(Kèm theo Quyết định số 579 ngày 13 tháng 2 năm 2017
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS, TS. Trương Ngọc Nam	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch HĐ
2	PGS, TS. Lưu Văn An	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch HĐ
3	PGS, TS. Nguyễn Vũ Tiến	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ
4	PGS, TS. Phạm Huy Kỳ	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ
5	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Thư ký HĐ
6	TS. Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên
7	PGS.TS. Mai Đức Ngọc	Phó Chủ tịch Công đoàn HV, Trưởng ban QLĐT	Ủy viên
8	TS. Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng ban QLKH	Ủy viên
10	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm TTKT&ĐBCLĐT	Ủy viên
11	TS. Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên
12	Đ/c Phạm Ngọc Lâm	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên
13	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Ủy viên
14	Đ/c Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	PGĐ PT Trung tâm Thông tin TV	Ủy viên
16	ThS. Đinh Xuân Phi	GĐ Trung tâm Thực hành và HTĐT	Ủy viên
17	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Phó phòng Thanh tra	Ủy viên

(Danh sách gồm có 17 người)

Số: 581/QĐ-HVBC&TT

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 564/KTKĐCLGD của Bộ GD-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của đồng chí Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký Hội đồng có nhiệm vụ giúp Hội đồng trong việc triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện theo tiêu chí đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Trương Ngọc Nam

DANH SÁCH

Thành viên Ban thư ký hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2017

*(Kèm theo Quyết định số 581 ngày 13 tháng 2 năm 2017
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Trưởng Ban
2	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Phó ban
3	ThS. Đặng Thị Thoa	P. Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban QLĐT	Ủy viên
5	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Vân Trang	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Xuân Hiền	Chuyên viên Ban Quản lý khoa học	Ủy viên

(Danh sách gồm có 08 người)

Số: 580/QĐ-HVBC&TT

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập các nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 564/KTKĐCLGD của Bộ GD-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của đồng chí Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí và xác định minh chứng;
- Thu thập và phân tích minh chứng;
- Xác định mức độ đạt được của các tiêu chí;
- Viết báo cáo cho các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /: *ur*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trương Ngọc Nam

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1	Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Trưởng nhóm
2	Đông Thị Kim Khuyên	Chuyên viên văn phòng	Thư ký
3	Nguyễn Thị Tú	Phó Chánh văn phòng	Ủy viên
4	Vũ Thị Hoàng Cẩm	Chuyên viên văn phòng	Ủy viên
5	Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng-Đoàn thể	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Hải Yến	Phó phòng Thanh tra	Ủy viên
Nhóm 2			
1	Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Trưởng nhóm
2	Đặng Thị Thoa	P.Trưởng ban TCCB	Thư ký
3	Lê Thị Phụng	P.Trưởng ban TCCB	Ủy viên
4	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên ban TCCB	Ủy viên
5	Phạm Thị Thu Trang	Chuyên viên ban TCCB	Ủy viên
Nhóm 3			
1	Mai Đức Ngọc	Trưởng ban QLĐT	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Thu Thủy	P.Trưởng Ban QLĐT	Thư ký
3	Nguyễn Viết Sơn	P.Trưởng Ban QLĐT	Ủy viên
4	Vũ Thị Kim Hoa	P.Trưởng Ban QLĐT	Ủy viên
5	Trần Văn Thư	P.Trưởng Ban QLĐT	Ủy viên
Nhóm 4			
1	Nguyễn Thị Hương	P.Giám đốc Trung tâm KT-ĐBCLĐT	Trưởng nhóm
2	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm KT-ĐBCLĐT	Thư ký
3	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm KT-ĐBCLĐT	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Thanh	Chuyên viên Trung tâm KT-	Ủy viên

	Hương	ĐBCLĐT	
5	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm KT-ĐBCLĐT	Ủy viên
Nhóm 5			
1	Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Trưởng nhóm
2	Dư Thế Anh	Chuyên viên phòng CTCT	Thư ký
3	Lại Thị Thu Hà	Chuyên viên phòng CTCT	Ủy viên
4	Lê Trung Thu	Chuyên viên phòng CTCT	Ủy viên
Nhóm 6			
1	Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng ban QLKH	Trưởng nhóm
2	Phạm Tuyên	P.Trưởng ban QLKH	Thư ký
3	Phan Hoàng Quỳnh	Chuyên viên QLKH	Ủy viên
4	Trần Thị Quỳnh Trang	Chuyên viên QLKH	Ủy viên
5	Nguyễn Xuân Hiên	Chuyên viên QLKH	Ủy viên
Nhóm 7			
1	Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên phòng HTQT	Thư ký
3	Đỗ Mai Hương	P.Trưởng phòng HTQT	Ủy viên
Nhóm 8			
1	Đinh Xuân Phi	GĐ Trung tâm Thực hành và HTĐT	Trưởng nhóm
2	Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Thư ký
3	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên phòng Quản trị	Ủy viên
4	Nguyễn Thanh Thảo	GĐ. Trung tâm TTKH	Ủy viên
Nhóm 9			
1	Nguyễn Thị Hồng Mên	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Tú Anh	P.Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thư ký
3	Vũ Thị Hiên	Kế toán	Ủy viên

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Mục đích tự đánh giá

Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Học viện có kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục để giúp Học viện có đủ điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong 1 chu kỳ kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí).

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 579 ngày 13 tháng 2 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo)

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường (2 tiêu chí)	Nhóm 1,2	Tháng 3-6/2017
2	Tổ chức và quản lí (7 tiêu chí)	Nhóm 1, 2	Tháng 3-6/2017
3	Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)	Nhóm 3	Tháng 3-6/2017

4	Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	Nhóm 3, 4	Tháng 3-6/2017
5	Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	Nhóm 2, 4	Tháng 3-6/2017
6	Người học (9 tiêu chí)	Nhóm 5, 4	Tháng 3-6/2017
7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)	Nhóm 6	Tháng 3-6/2017
8	Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	Nhóm 7	Tháng 3-6/2017
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)	Nhóm 8	Tháng 3-6/2017
10	Tài chính và Quản lí tài chính (3 tiêu chí)	Nhóm 9	Tháng 3-6/2017

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường (2 tiêu chí)	Tổ chức thu thập và phân tích minh chứng	- Ban tổ chức cán bộ - Văn phòng Học viện
2	Tổ chức và quản lí (7 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ - VP Đảng - Đoàn thể - TT KT&ĐBCLĐT
3	Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT
4	Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT - TT KT&ĐBCLĐT
5	Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ - TT KT&ĐBCLĐT
6	Người học (9 tiêu chí)	nt	- Phòng CTCT - Ban QLĐT - VP Đảng - Đoàn thể - Văn phòng - TT KT&ĐBCLĐT

7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)	nt	- Ban Quản lý khoa học
8	Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	nt	Phòng Hợp tác quốc tế
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)	nt	- Phòng Quản trị - TT Tư liệu – TV - TT Hỗ trợ đào tạo - Văn phòng
10	Tài chính và Quản lý tài chính (3 tiêu chí)	nt	- Phòng Tài vụ - Văn phòng Học viện

5. Công cụ đánh giá

Học viện Báo chí và Tuyên truyền sử dụng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Kế hoạch huy động các nguồn lực

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Đơn vị thực hiện
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường (2 tiêu chí)	Tổ chức thu thập và phân tích minh chứng	- Ban tổ chức cán bộ
2	Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ - VP Đảng - Đoàn thể - TT KT&ĐBCLĐT
3	Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT
4	Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT - TT KT&ĐBCLĐT
5	Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ
6	Người học (9 tiêu chí)	nt	- Phòng CTCT - Ban QLĐT - VP Đảng - Đoàn thể - Văn phòng

			- TT KT&ĐBCLĐT
7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)	nt	- Ban Quản lí khoa học
8	Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	nt	Phòng Hợp tác quốc tế
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)	nt	- Phòng Quản trị - TT Tư liệu – TV - TT Hỗ trợ đào tạo - Văn phòng
10	Tài chính và Quản lí tài chính (3 tiêu chí)	nt	- Phòng Tài vụ

7. Thời gian thực hiện

THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG
Tuần 1 (13-17/2/2017)	- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
Tuần 2 (20-24/2/2017)	- Họp Hội đồng tự đánh giá đề: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; + Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; + Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 (27/2-3/3/2017)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...)
Tuần 4 (6-10/3/2017)	- Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo); - Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 (13-17/3/2017)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các đơn vị
Tuần 6 (20-24/3/2017)	- Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá.
Tuần 7	- Thu thập thông tin và minh chứng.

(27-31/3/2017)	
Tuần 8 (3/4-7/4/2017)	- Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.
Tuần 9 (10/4-14/4/2017)	- Mô tả thông tin và minh chứng thu được.
Tuần 10 (17/4-21/4/2017)	- Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.
Tuần 11 (24/4-28/4/2017)	- Họp Hội đồng tự đánh giá để: + Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; + Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; + Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 12 (1/5-5/5/2017)	- Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.
Tuần 13 (8/5-12/5/2017)	- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết);
Tuần 14 (15/5-19/5/2017)	- Dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Tuần 15 (22/5-26/5/2017)	- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 16 (29/5-2/6/2017)	- Họp Hội đồng tự đánh giá với các khoa, phòng, ban, bộ môn... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 17 (5-9/6/2017)	- Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa.
Tuần 18 (12-16/6/2017)	- Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập ý kiến góp ý.
Tuần 19 (19-23/6/2017)	- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá; - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (nội bộ nhà trường).
Tuần 20 (26-30/6/2017)	- Tập hợp ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu

	và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; - Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; - Nộp bản báo cáo tự đánh giá.
--	--

26

Nơi nhận:

- Cục KT&ĐBCLGD, Bộ GD&ĐT
(để báo cáo)
- Ban Giám đốc;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Ban thư ký hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. TRƯƠNG NGỌC NAM